



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

NGŨ' VĂN

8

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – DƯƠNG THỊ HỒNG HIẾU
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THỊ NGỌC THUY – PHAN THU VÂN

NGŨ VĂN



TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Trang

BÀI 6: TÌNH YÊU TỔ QUỐC (THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ VÀ THƠ TƯ TUYỆT LUẬT ĐƯỜNG)	4
ĐỌC	5
Nam quốc sơn hà	7
Qua Đèo Ngang (Bà Huyện Thanh Quan)	9
Lòng yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)	10
Thực hành tiếng Việt	12
Chạy giặc (Nguyễn Đình Chiểu)	13
VIẾT	13
Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội	13
NÓI VÀ NGHE	15
Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác	15
ÔN TẬP	16
BÀI 7: YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG (TRUYỆN)	17
ĐỌC	18
Bồng chanh đỏ (Đỗ Chu)	19
Bố của Xi-mông (Guy-đơ Mô-pát-xăng)	25
Đảo Sơn Ca (Lê Cảnh Nhạc)	31
Thực hành tiếng Việt	32
Cây sồi mùa đông (lu-ri Na-ghi-bin)	33
VIẾT	37
Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	37
NÓI VÀ NGHE	42
Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác	42
ÔN TẬP	43
BÀI 8: CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI (VĂN BẢN THÔNG TIN)	44
ĐỌC	45
Chuyến du hành về tuổi thơ (Theo Trần Mạnh Cường)	46
"Mẹ vắng nhà" – Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh (Lê Hồng Lâm)	49
Tình yêu sách (Trần Hoài Dương)	52
Thực hành tiếng Việt	53
"Tốt-tô-chan bên cửa sổ": Khi trẻ con lớn lên trong tình thương (Theo Phạm Ngo)	55

VIẾT	58
Viết bài văn giới thiệu một cuốn sách yêu thích	58
NÓI VÀ NGHE	62
Trình bày, giới thiệu về một cuốn sách	62
ÔN TẬP	65
Bài 9: ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ (TRUYỆN LỊCH SỬ)	66
ĐỌC	67
Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái)	69
Viên tướng trẻ và con ngựa trắng (Nguyễn Huy Tưởng)	77
Đại Nam quốc sử diễn ca (Lê Ngô Cát – Phạm Đình Toái)	85
Thực hành tiếng Việt	87
Bến Nhà Rồng năm ấy... (Sơn Tùng).....	88
VIẾT	92
Viết bài văn kể lại một chuyến đi	92
NÓI VÀ NGHE	97
Nghe và nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó	97
ÔN TẬP	98
BÀI 10: CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI (THƠ TRÀO PHỤNG)	99
ĐỌC	100
Bạn đến chơi nhà (Nguyễn Khuyến).....	101
Đề đền Sầm Nghi Đống (Hồ Xuân Hương)	102
Hiểu rõ bản thân (Thơ-mát Am-xơ-trong)	103
Thực hành tiếng Việt	105
Tự trào I (Trần Tế Xương)	106
VIẾT	107
Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học	107
NÓI VÀ NGHE	111
Thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống	111
ÔN TẬP	113
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II	114
BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI	118
BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT	119
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	121

TÌNH YÊU TỔ QUỐC

(Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.
- Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ và câu hỏi tu từ.
- Viết được bài văn kể lại một hoạt động xã hội có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.
- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.
- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng và có truyền thống yêu nước. Tình yêu Tổ quốc của nhân dân ta được thể hiện qua các thời kì đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước. Tình yêu ấy cũng được thể hiện qua các áng văn thơ bất hủ.

? Chúng ta có thể làm gì để thể hiện tình yêu Tổ quốc?

Trong bài này, các em sẽ được học các bài thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường viết về tình yêu Tổ quốc của cha ông để thêm tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc và hiểu vẻ đẹp của hai thể thơ này.



TRI THỨC NGŨ VĂN

Thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt¹ luật Đường

Thơ thất ngôn bát cú và *thơ tứ tuyệt luật Đường* là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ thời Đường (Trung Quốc).

Thơ thất ngôn bát cú luật Đường: Mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ. *Thơ tứ tuyệt luật Đường*: Mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ. Thi luật của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường thể hiện qua *bố cục, luật, niêm, vần, đối*.

Bố cục của một bài thơ *thất ngôn bát cú* hay *tứ tuyệt luật Đường* đều gồm bốn phần:

Bố cục bài thơ *thất ngôn bát cú luật Đường* thường được chia theo các cặp câu: *Đề* (câu 1, 2: mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ); *Thực* (câu 3, 4: triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc); *Luận* (câu 5, 6: mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc); *Kết* (câu 7, 8: thu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý). Tuy vậy, *bố cục* bài thơ *thất ngôn bát cú luật Đường* cũng có thể chia theo những cách khác (ví dụ: bốn câu đầu – bốn câu cuối; sáu câu đầu – hai câu cuối;...).

Bố cục bài thơ *tứ tuyệt luật Đường* thường được chia làm bốn phần: *Khai* (câu 1: khai mở ý của bài thơ); *Thừa* (câu 2: thường làm rõ thêm ý và mạch cảm xúc của phần *Khai*); *Chuyển* (câu 3: chuyển ý); *Hợp* (câu 4: kết ý). Nhưng cũng có thể chia *bố cục* bài thơ thuộc thể này thành hai phần: câu 1 – 2; câu 3 – 4.

Luật: Luật thơ là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ. Luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần tuân theo luật bằng/trắc rõ ràng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc thanh huyền) thì bài thơ làm theo luật bằng. Ví dụ: tiếng “thu” trong câu 1 – bài thơ *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến: *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo* cho biết bài thơ bát cú này làm theo luật bằng. Nếu tiếng thứ hai của câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì bài thơ làm theo luật trắc. Ví dụ: tiếng “dạ” trong câu 1 – bài thơ *Nguyên tiêu* của Hồ Chí Minh: *Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên* cho biết bài thơ tứ tuyệt này làm theo luật trắc.

¹ Thơ tứ tuyệt làm theo luật Đường gồm thơ thất ngôn tứ tuyệt và thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, nhưng ở đây chỉ nói đến phép tắc làm thơ (thi luật) của thơ thể thất ngôn tứ tuyệt luật Đường.

Niêm: Sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường được gọi là niêm. Hai câu thơ được gọi là niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định niêm luật như sau: câu 1 niêm với câu 8; câu 2 niêm với câu 3; câu 4 niêm với câu 5; câu 6 niêm với câu 7. Thơ tứ tuyệt luật Đường quy định câu 1 niêm với câu 4; câu 2 niêm với câu 3.

Vần: Cách gieo vần của thơ luật Đường là cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng.

Nhip: Cách ngắt nhip của câu thơ thất ngôn thường là 2/2/3 hoặc 4/3.

Đối: Cách đặt câu sòng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường quy định câu thứ ba đối với câu thứ tư, câu thứ năm đối với câu thứ sáu. Thơ tứ tuyệt luật Đường không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú.

Bảng luật, niêm, vần, đối trong thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường

Thơ thất ngôn bát cú luật bằng vần bằng								Thơ thất ngôn bát cú luật trắc vần bằng							
	1	2	3	4	5	6	7		1	2	3	4	5	6	7
1		B		T		B	Vần	Đối		T		B		T	Vần
2		T		B		T	Vần			B		T		B	Vần
3		T		B		T				B		T		B	
4		B		T		B	Vần			T		B		T	Vần
5		B		T		B		Đối		T		B		T	
6		T		B		T	Vần			B		T		B	Vần
7		T		B		T				B		T		B	
8		B		T		B	Vần			T		B		T	Vần

Thơ tứ tuyệt luật bằng vần bằng								Thơ tứ tuyệt luật trắc vần bằng							
	1	2	3	4	5	6	7		1	2	3	4	5	6	7
1		B		T		B	Vần			T		B		T	Vần
2		T		B		T	Vần			B		T		B	Vần
3		T		B		T				B		T		B	
4		B		T		B	Vần			T		B		T	Vần

Lưu ý: Những tiếng cùng màu trong bảng trên niêm với nhau.

Đảo ngữ: đặc điểm và tác dụng

Đảo ngữ là biện pháp tu từ thay đổi vị trí các thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng.

Ví dụ:

Củi một cành khô lạc mấy dòng

(Huy Cận, *Tràng giang*)

Việc thay đổi vị trí từ “củi” trong cụm từ “củi một cành khô” (cách diễn đạt thông thường là “một cành củi khô”) có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho diễn đạt thêm gợi cảm và giàu âm hưởng.

Câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng

Câu hỏi tu từ là câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm.

Ví dụ:

“Mẹ mình đang đợi mình ở nhà” – con bảo – “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”

(Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-go, *Mây và sóng*)

Câu hỏi tu từ “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?” được sử dụng để nhấn mạnh tình cảm yêu thương và sự gắn bó của em bé với người mẹ.

VĂN BẢN 1

NAM QUỐC SƠN HÀ¹



Tìm đọc thông tin về cuộc kháng chiến chống quân Tống của nhà Lý và trận chiến dọc phòng tuyến sông Như Nguyệt dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt (năm 1077).

¹ Tương truyền tác giả bài thơ là Lý Thường Kiệt. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa xác định được chính xác ai là tác giả bài thơ này. Sử cũ chép rằng: năm 1077, quân Tống xâm lược nước ta, Vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt (1019 – 1105), một trong những danh tướng xuất sắc nhất thời Lý, đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt (một khúc của sông Cầu, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh). Bỗng một đêm, quân sĩ chợt nghe tiếng ngâm bài thơ này trong đền thờ Trương Hống và Trương Hát (hai vị tướng giỏi thời Triệu Quang Phục).

Trải nghiệm cùng văn bản

Âm Hán Việt:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.¹
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Suy luận

¹ Em hiểu thế nào là “thiên thư”?

Dịch nghĩa:

NÚI SÔNG NƯỚC NAM

Núi sông nước Nam thì vua Nam ở,
Cương giới đã ghi rành rành trên sách trời.
Cớ sao lũ giặc bạo ngược kia dám tới xâm phạm?
Chúng bay hãy chờ xem, thế nào cũng chuốc lấy bại vong.

Dịch thơ:

Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự
Sách trời định phận rõ non sông.
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?
Bay hãy chờ coi chuốc bại vong.

(In trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập một, Ngô Linh Ngọc dịch, NXB Khoa học xã hội, 1980)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Theo em, bài thơ đã tuân thủ quy định về *luật, niêm, vần, đối* của một bài thơ tứ tuyệt luật Đường như thế nào?
3. Qua hai câu đầu, tác giả muốn khẳng định điều gì? Từ đó, cho biết:
 - a. Tác dụng của cách dùng từ, ngắt nhịp trong câu: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư*.
 - b. Tác dụng của việc nói đến “thiên thư” (sách trời) trong câu thơ thứ hai.
4. Ở hai câu cuối, tác giả nói về điều gì, nói với ai và bằng thái độ, tình cảm như thế nào?

5. Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
6. *Nam quốc sơn hà* thường được xem là một “bản tuyên ngôn độc lập” bằng thơ trong văn học Việt Nam và còn được gọi là bài thơ “Thần”. Hãy phát biểu ý kiến của em về điều này.
7. Nêu một số dẫn chứng lấy từ lịch sử hoặc từ văn chương cho thấy tinh thần và ý chí về độc lập chủ quyền đã trở thành một truyền thống vẻ vang của dân tộc.

VĂN BẢN 2

QUA ĐÈO NGANG¹

Bà Huyện Thanh Quan

Chuẩn bị đọc

Em đã biết những thông tin gì về địa danh Đèo Ngang? Hãy chia sẻ với cả lớp.

Trải nghiệm cùng văn bản

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều² vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.¹
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc³,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia⁴.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Tưởng tượng

- 1 Em hình dung như thế nào về cảnh Đèo Ngang trong bốn câu thơ đầu?

(In trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập ba, NXB Văn hoá, 1963)

¹ *Đèo Ngang*: thuộc dãy núi Hoàng Sơn (một nhánh của dãy Trường Sơn), chạy thẳng ra biển, phân chia địa giới hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

² *Tiều (tiều phu)*: người chuyên làm nghề đốn củi.

³ *Con quốc quốc (con cuốc cuốc)*: chim đỗ quỳen hay còn gọi là chim cuốc.

⁴ *Cái gia gia (cái da da)*: “gia gia” là âm thanh mô phỏng tiếng hót của chim đa đa (còn gọi là gà gô). “Gia” trong “cái gia gia” đồng âm với “gia” là “nhà” trong câu “thương nhà mỏi miệng cái gia gia”.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định bố cục của bài thơ.
2. Cho biết bài thơ được làm theo luật bằng hay luật trắc và đã tuân thủ quy định về *luật, niêm, vần, đối* của một bài thơ thất ngôn bát cú luật Đường như thế nào?
3. Cảnh Đèo Ngang được gọi tả như thế nào trong bốn câu thơ đầu? Cảnh đó góp phần thể hiện tâm trạng gì của tác giả?
4. Trong các cặp câu 3 – 4 và 5 – 6, tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của chúng.
5. Cách ngắt nhịp của câu thơ thứ bảy có gì đặc biệt? Cách ngắt nhịp đó giúp em hình dung như thế nào về tâm trạng của tác giả?
6. Em hiểu thế nào về nội dung của câu thơ cuối?
7. Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh (chưa rõ năm sinh, năm mất), sống vào thế kỉ XIX, quê ở làng Nghi Tàm, nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội. Chồng bà làm tri huyện Thanh Quan, tỉnh Thái Bình, do đó bà có tên gọi là Bà Huyện Thanh Quan. Bà là một trong những nữ sĩ tài hoa hiếm có, hiện còn để lại sáu bài thơ luật Đường, trong đó có bài *Qua Đèo Ngang*.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA¹

Hồ Chí Minh

Trải nghiệm cùng văn bản

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, là tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào¹ ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm², từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng³ tiêu diệt giặc, đến những công chức⁴ ở hậu phương⁵ nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ⁶ quyên⁷ đất ruộng cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương⁸, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Chân trời sáng tạo

(Trích Hồ Chí Minh toàn tập, tập sáu, NXB Sự thật, 1986)

Suy nghĩ và phản hồi

1. Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, lòng yêu nước của nhân dân ta được biểu hiện như thế nào?

¹ *Kiêu bào*: người dân một nước sinh sống ở nước ngoài.

² *Vùng tạm bị chiếm*: vùng đất đang bị thực dân Pháp tạm thời chiếm đóng trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).

³ *Đặng*: để.

⁴ *Công chức*: người làm việc trong các cơ quan nhà nước.

⁵ *Hậu phương*: vùng ở phía sau tiền tuyến, xa nơi có chiến sự, là nơi để xây dựng lực lượng, huy động sức người, sức của để phục vụ cho cuộc chiến đấu.

⁶ *Điền chủ*: người có nhiều ruộng đất.

⁷ *Quyên*: quyên góp.

⁸ *Rương*: hòm gỗ để đựng đồ dùng.

2. Xác định luận đề và luận điểm trong văn bản.
3. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm.
4. Hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình là một trong những biểu hiện của lòng yêu nước.
Viết một đoạn văn khoảng sáu câu, nêu một số việc mà em đã hoàn thành tốt và lí giải vì sao những việc đó có thể thể hiện lòng yêu nước của em.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này:

a. *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.*

(Hồ Chí Minh, *Lòng yêu nước của nhân dân ta*)

b. *Đã tan tác những bóng thù hắc ám*

Đã sáng lại trời thu tháng Tám.

(Tố Hữu, *Ta đi tới*)

2. Đọc lại bài thơ *Nam quốc sơn hà* và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định câu hỏi tu từ có trong bài thơ này.

b. Nhận xét hiệu quả của câu hỏi tu từ ấy trong việc thể hiện nội dung của bài thơ.

3. Câu hỏi dưới đây có phải là câu hỏi tu từ không? Dựa vào đâu em khẳng định như vậy?

Có ai, một buổi sáng mùa thu, ngồi nhìn ra đường phố, thấy những cô gái làng Vòng gánh cối đi bán mà không nghe thấy lòng rộn rã yêu đương?

(Vũ Bằng, *Cối Vòng*)

4. Viết đoạn văn (khoảng bốn đến năm câu) nêu cảm nhận của em về bài thơ *Qua Đèo Ngang*, trong đó có ít nhất một câu hỏi tu từ. Sau đó, cho biết câu hỏi ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung của đoạn văn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CHẠY GIẤC¹

Nguyễn Đình Chiểu

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.
Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này?

(In trong *Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*, NXB Văn học, 1971)

Khi đọc một bài thơ tứ tuyệt hoặc thất ngôn bát cú, em nên:

- Xác định bố cục, niêm, luật, vần, nhịp.
- Chú ý nghệ thuật đối, nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình”.
- Chú ý đến tình cảm, mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

Hướng dẫn đọc

1. Xác định bố cục, niêm, luật, vần, nhịp của bài thơ.
2. Trong sáu câu đầu, hình ảnh chạy giặc của người dân được gợi tả bằng những từ ngữ nào?
3. Theo em, tác giả muốn gửi gắm điều gì qua hai câu thơ cuối?
4. Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ và chỉ ra tác dụng của chúng.



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Trong bài viết có kết hợp kể với hai yếu tố miêu tả và biểu cảm.

¹ Còn có tên khác là *Chạy Tây*.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Chọn một hoạt động xã hội mà em cảm thấy thú vị và có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng để kể lại, ví dụ:

- Các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, môi trường: dọn rác ở công viên, chế tạo vật dụng từ rác thải nhựa,...

- Các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị văn hoá, lịch sử của địa phương: viết bài giới thiệu các di tích văn hoá – lịch sử, danh lam thắng cảnh; tham gia bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc như: chèo, tuồng, cải lương,...

- Các hoạt động thể hiện tình yêu quê hương, đất nước: thiết kế pô-tơ-xơ (poster) hoặc vẽ tranh về chủ quyền biển đảo của Việt Nam; thiết kế thiệp xuân tặng các chú bộ đội;...

- Xác định mục đích viết và người đọc (Người đọc là ai? Họ mong muốn thu nhận được thông tin gì từ bài viết?).

- Thu thập tư liệu cho bài viết bằng cách:

- Nhớ lại những hoạt động xã hội mà bản thân đã tham gia hoặc chứng kiến.

- Xem lại những bức ảnh đã chụp trong lần tham gia hoạt động xã hội.

- Trò chuyện với những người cùng tham gia để nhớ lại những sự việc đã xảy ra.

- ...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại phần Viết bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một).

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, em viết thành bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, em cần lưu ý:

- Sử dụng ngôi thứ nhất để kể lại.

- Sử dụng những *từ ngữ liên kết* như: *đầu tiên, sau đó, thế rồi, cuối cùng,...* nhằm thể hiện trình tự của các sự việc.

- Kết hợp *kể* với *miêu tả* (quang cảnh diễn ra hoạt động; thái độ, hành động của những người tham gia,...) và *biểu cảm* (bộc lộ cảm xúc của bản thân về hoạt động với những người cùng tham gia) một cách hợp lí trong bài viết.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Sử dụng bảng kiểm bài văn kể lại hoạt động xã hội ở phần Viết bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một) để tự kiểm tra bài viết của mình.

- Em hãy đọc lại bài viết của mình từ vai trò người đọc và trả lời các câu hỏi sau:

1. Phần hấp dẫn nhất trong bài viết là phần nào?
2. Bài viết nên điều chỉnh những gì để hoàn thiện hơn?



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC

Em được tham dự buổi thuyết trình của học sinh trong trường về những hoạt động xã hội có ích với cộng đồng. Hãy lắng nghe và ghi tóm tắt nội dung của các bài thuyết trình.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

- Xác định mục đích nghe: để hiểu về ý nghĩa của hoạt động xã hội, để học cách thuyết trình,...
- Tìm hiểu về hoạt động xã hội mà em sẽ được nghe thuyết trình.
- Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang,...) để ghi chép và đánh dấu những thông tin quan trọng.

Bước 2: Nghe và ghi chép

- Theo dõi các từ ngữ được lặp lại nhiều lần, những từ diễn giả sử dụng để chuyển ý như: *thứ nhất là, thứ hai là, ngoài ra, bên cạnh đó, tóm lại,...* để nắm được bố cục bài thuyết trình.
- Quan sát các hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng trong bài thuyết trình (nếu có).
- Sử dụng sơ đồ, dấu gạch ngang (–), dấu cộng (+), dấu sao (*) hoặc bút màu để tóm tắt, đánh dấu các ý chính, ý phụ mà người nói thể hiện trong bài thuyết trình.
- Ghi những câu hỏi hoặc vấn đề mà em muốn trao đổi với người thuyết trình.

Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi

- Đọc lại bản ghi chép, trao đổi với người thuyết trình những nội dung em chưa hiểu rõ hoặc không đồng ý.
- Sử dụng bảng kiểm *Kĩ năng nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác* (phần Nói và Nghe, bài *Những gương mặt thân yêu*, *Ngữ văn 8*, tập một) để tự đánh giá kĩ năng nghe và tóm tắt của bản thân.

ÔN TẬP

1. Tóm tắt các đặc điểm của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường.
2. Đọc lại các văn bản đã học trong bài và điền thông tin vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Từ ngữ, hình ảnh	Mạch cảm xúc	Cảm hứng chủ đạo
Nam quốc sơn hà			
Qua Đèo Ngang			
Chạy giặc			

3. Nhận xét về bố cục, niêm, luật, vần, nhịp của bài thơ sau:

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
 Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
 Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
 Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(Hồ Chí Minh, *Cảnh khuya*)

4. Xác định biện pháp đảo ngữ và nêu tác dụng của biện pháp ấy trong trường hợp sau:

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
 Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

(Hồ Xuân Hương, *Tự tình II*)

5. Câu hỏi trong đoạn thơ dưới đây có phải là câu hỏi tu từ không? Nhận xét hiệu quả của câu hỏi này trong việc thể hiện nội dung của đoạn thơ.

*Năm nay đào lại nở,
 Không thấy ông đồ xưa.
 Những người muôn năm cũ
 Hồn ở đâu bây giờ?*

(Vũ Đình Liên, *Ông đồ*)

6. Em rút ra được bài học gì khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng?
7. Ghi lại ít nhất hai kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
8. Từ những nội dung đã học trong bài này, em hiểu thế nào là tình yêu Tổ quốc?

YÊU THƯƠNG VÀ HI VỌNG

(Truyện)

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học; hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác.
- Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội; vận dụng được một số thành ngữ, tục ngữ thông dụng trong giao tiếp.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.
- Yêu thương và nuôi dưỡng niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Chân trời sáng tạo

Như một nguồn nước mát lành, tình yêu thương nuôi dưỡng trong mỗi chúng ta những cảm xúc tích cực, giúp ta thêm tin yêu con người, cuộc sống. Niềm hi vọng lại như một chồi cây, đón nhận nguồn nước yêu thương để hướng đến tương lai. Hai giá trị ấy luôn song hành trong cuộc sống.

Trong bài học này, qua việc đọc các văn bản truyện, em sẽ nhận ra tình yêu thương, niềm hi vọng đã làm thay đổi cuộc sống của chúng ta như thế nào.

? Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương và niềm hi vọng?



TRI THỨC NGỮ VĂN

Một số đặc điểm của văn bản truyện

Nhân vật chính là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của truyện.

Chi tiết tiêu biểu là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mỹ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc sự thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Tư tưởng của tác phẩm văn học

Tư tưởng của tác phẩm văn học là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm văn học, cũng như những vấn đề về cuộc sống con người được đặt ra trong tác phẩm. Tư tưởng được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, qua đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo,... Ví dụ: Tư tưởng của bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) là những chiêm nghiệm sâu sắc về quy luật khắc nghiệt một đi không trở lại của thời gian, vì thế, cần biết quý trọng những gì đang có trong hiện tại. Tư tưởng đó được thể hiện qua cặp hình ảnh sóng đôi: mẹ và cau; qua giọng thơ day dứt, thổn thức;...

Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị

Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác,...), chẳng hạn như biệt ngữ của các nhóm tội phạm, biệt ngữ của giới trẻ,...

Ví dụ: *Vào ngày khai giảng, ngoài các hoạt động trong phần lễ, các bạn còn được “quẩy” hết mình trong phần hội.*

(Theo Mục tím online)

Trong ví dụ trên, “quẩy” là biệt ngữ của giới trẻ, dùng để chỉ ý “vui chơi thoải mái”.

Biệt ngữ xã hội gắn liền với môi trường và bản thân tầng lớp xã hội tạo ra nó. Mục đích sáng tạo ra biệt ngữ chính là để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình. Vì vậy, người ngoài nhóm thường không hiểu được biệt ngữ.

Mặc dù biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một phạm vi hạn chế nhưng theo thời gian, vẫn có những biệt ngữ dần dần trở nên phổ biến và sau đó trở thành từ ngữ toàn dân. Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, biệt ngữ xã hội được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích làm cho câu chuyện và nhân vật trở nên chân thật hơn.

VĂN BẢN 1

BỔNG CHANH ĐỎ¹

Đỗ Chu

Truyện *Bổng chanh đỏ* kể về kỉ niệm tuổi thơ của chú bé Hoài và anh trai tên Hiền. Cả hai anh em đều là những người đam mê tìm hiểu về thế giới các loài chim. Khi phát hiện ở đầm sen của làng có một đôi vợ chồng bồng chanh đỏ sinh sống, Hiền và Hoài thường xuyên ngắm nhìn vẻ đẹp của loài chim này. Một ngày nọ, anh Hiền rủ Hoài đi bắt đôi bồng chanh đỏ nhưng sau khi bắt được một con, anh lại đặt nó về tổ với con còn lại. Trước khi lên đường nhập ngũ, anh Hiền quyết định trả tự do cho tất cả các chú chim mà anh đã nuôi. Truyện kết thúc với lá thư Hoài viết gửi anh Hiền, kể chuyện đôi bồng chanh đỏ đã quay trở về với tổ cũ ở đầm sen.

Dưới đây là trích đoạn Phần 1, 2, 3 của truyện.

Chuẩn bị đọc

Theo em, chúng ta có nên nuôi nhốt các loài động vật hoang dã hay không? Vì sao?

Trải nghiệm cùng văn bản

1

[...] Anh Hiền vừa viết thư cho tôi. Lá thư chưa bóc tem, nghĩa là còn mới toanh như kiểu chúng ta vẫn thường nói với nhau. Tôi trích đọc để bạn nghe một đoạn:

“Ồ đây, trong Trường Sơn, những cánh rừng rộng bạt ngàn, có đi đến đây mới thấy hết sự giàu đẹp của



¹ *Bổng chanh đỏ*: tên một loại chim thuộc họ bói cá, bộ lông có nhiều màu, hai màu chủ đạo là vàng cam và xanh tím (Võ Quý, *Chim Việt Nam hình thái và phân loại*, NXB Khoa học và kĩ thuật, Hà Nội, 1975).

đất nước ta. [...] Còn em thì sao, mùa hè này có năng ra đầm tắm không? Nằm trong rừng mà anh vẫn nhận ra hương thơm thoang thoảng của sen từ đầm làng ta theo gió bay đến đây. Vợ chồng đôi bông chanh đỏ năm nay đã về làm tổ ở chỗ gốc vối¹ chưa, anh tin là thế nào nó cũng quay lại đầm nước làng mình. Nó bỏ làm sao được cái đầm sen đẹp như vậy, phải không em? Vả lại, chắc nó cũng đã thấy anh em mình đôi xử với nó cũng đã đến nỗi nào đâu. Trong cánh rừng bọn anh đóng quân có rất nhiều giống chim lạ, nhưng bông chanh đỏ thì anh chưa hề gặp”.

[...] Thế có nghĩa là trong rừng có rất nhiều giống chim, nhưng giống bông chanh đỏ trên đầm nước làng tôi thì phải nói là hiếm. Và tôi dám chắc là bạn cũng ít khi đã gặp nó. Tôi có cảm tưởng chỉ ở đầm nước làng tôi mới có bông chanh đỏ, mà cũng không nhiều lắm đâu bạn ạ.

Con chim ấy thường đậu trên một cọng sen khô ven đầm. Trông nó thật rục rờ. Cái mỏ nhọn hoắt và oai vệ, dài như một cái quần bút². Lông ức hung hung vàng, còn thì toàn thân đều đỏ hồng như một đốm lửa. Chao ôi, đã bao nhiêu lần anh em tôi đứng trên bờ đầm ngắm nhìn không mỏi mắt bộ cánh rất đẹp của nó. Đứng bao giờ bạn tưởng nó đang ngủ gật nhé, cứ lim dim mắt và ngồi lì một chỗ như thế đấy, nhưng chỉ cần một hòn sỏi nhỏ rơi xuống nước là lập tức cái đầu tinh khôn của nó liền ngẩng cao lên ngay. Lúc đó, bạn thấy nó láu lỉnh một cách lạ lùng. **1**

Tưởng tượng

- 1** Em hình dung như thế nào về vẻ đẹp của chim bông chanh đỏ qua lời miêu tả của chú bé Hoài?

[...] Anh Hiền xuýt xoa bảo nó có một bộ lông mỹ miều³ biết nhường nào. Phải nói anh là một người mê nuôi chim và sự hiểu biết phong phú của anh về đời sống các loài chim làm cho tôi rất cảm phục. Đi chơi ngoài đường, gặp bất kì chú chim nào bay qua anh cũng có thể nói ngay được tên và cả thói quen sinh hoạt của nó nữa. Các bạn anh vẫn hay gọi đùa anh là nhà sinh vật học tương lai cũng vì thế.

[...] Anh Hiền nói với tôi:

– Hoài nhỉ, ước gì có một đôi bông chanh đỏ mà nuôi thì thú biết mấy.

Tôi hiểu anh đang mê bông chanh lắm, mê hơn tất cả những chú chim mà anh đã có trong lồng kia. Sự say mê đó đã truyền sang tôi rất mau. Ngày nào tôi cũng phải ra bờ đầm một lần để được trông thấy bông chanh thì mới yên tâm. Hôm nào anh Hiền bận thì tôi rủ bọn bạn của tôi cùng ra cho vui, trông như nếu từ nay mà thiếu mất nó thì mình phải nhớ đến sầu não⁴ cả người cũng nên.

¹ Vối: một loài cây quen thuộc ở nông thôn miền Bắc, lá và nụ thường dùng để pha trà hoặc làm thuốc.

² Quần bút: dụng cụ có cán nhỏ và dài, dùng để cắm ngòi bút vào mà viết.

³ Mỹ miều: đẹp một cách hào nhoáng, gây ấn tượng mạnh.

⁴ Sầu não: buồn rầu, đau khổ.

[...]

2

Rồi một hôm, vào lúc gà đã lên chuồng, vừa ăn cơm xong anh Hiền đã rủ tôi:

– Ra đầm.

– Ra làm gì lúc này? – Tôi tròn xoe mắt hỏi lại.

– Cứ ra, khắc đi khắc biết. **2**

Dự đoán

2 Điều gì sẽ xảy ra khi hai anh em ra đầm nước, nơi chim bồng chanh làm tổ?

Trước sự kinh ngạc của tôi, anh chỉ giải thích ngắn gọn như thế. Tôi cun cút¹ bước theo anh, còn vội vã nữa là đằng khác. Bởi vì bạn ạ, tôi đã phấp phỏng đoán được rằng anh sẽ dành cho mình một “cú” bất ngờ gì đây, một cái gì đó rất chi là lí thú.

[...] Hai anh em chúng tôi đi trên một bờ vùng đắp to như con đê, hai bên đường là những rặng xoan non cao quá đầu người. Mới hôm nào ở đây còn là những thảm lúa chiêm² tốt bời bời, mà nay gặt hái coi như đã xong. Trước mặt chúng tôi là một đầm sen rậm rì và im phăng phắc, không thể phân biệt đâu là lá, đâu là hoa, trừ cây vối ven đầm đang vẽ lên nền trời những đường nét rối rắm. Ánh sao lấp lánh trong những vũng nước ruộng. Những gốc rạ nhô lên san sát. Giờ thì tôi hiểu anh Hiền rủ tôi ra ngoài này làm gì rồi. Ngực tôi bắt đầu thổ phấp phỏng vì hồi hộp. Bước chân của anh đặt nhẹ trên đường, tôi cảm thấy không phải anh đang đi mà là anh lướt trên mặt đất. Riêng tôi thì sao mà vụng về, con đường này có gì lạ lắm với tôi, vậy mà đã mấy lần tôi bị vấp, mỗi lần như thế anh tôi lại “xì” một tiếng để cảnh cáo.

Tới gần cây vối, anh Hiền khoát tay ra lệnh cho tôi đứng lại. Một mình anh lom khom tiến về phía tổ bồng chanh, cứ vài bước anh lại dừng chân nghe ngóng, rồi cuối cùng, nhanh như chớp anh nhoài tới nằm sấp trên bờ cỏ. Chỉ chờ có thế, tôi tự cho phép mình lao lên ngay. Tôi thấy anh Hiền đang dùng một bàn tay lấp kín cửa hang bồng chanh. Anh bảo tôi:

– Nhảy xuống!

Tôi ba chân bốn cẳng lợi xuống nước, không kịp xắn hai ống quần, bùn dưới chân tôi kêu lép lép. Bàn tay anh Hiền chỉ chịu bỏ ra khi tay tôi đã đưa hẳn vào hang. Lòng hang nhẵn và khô ráo. Mùi tanh của tép đồng xộc lên mũi tôi. Biết chắc đây là tổ bồng chanh rồi, nhưng sao tôi cứ thấy rờn rợn, nhớ mà có một chú rắn cạp nong³ đang nằm

¹ *Cun cút*: trong ngữ cảnh này, từ “cun cút” có nghĩa là đi theo, làm theo lời người khác mà không cân nhắc.

² *Lúa chiêm*: còn gọi là lúa chiêm xuân, là vụ lúa thường được thu hoạch vào tháng Năm âm lịch.

³ *Rắn cạp nong*: một loài rắn độc; thân hình có những khoanh tròn màu vàng, đen xen kẽ nhau; thường sống trong các hang, đám cỏ.

khoanh tròn trong đó! Cánh tay tôi đã ngấp trong hang, nhưng chim thì vẫn chẳng thấy. Nhắm chẳng? Tôi cố sức thọc sâu hơn nữa.

- Còn sâu không?
- Sâu lắm, hình như có một cái ngách.
- Cố tí nữa.

Mấy ngón tay tôi đặt xuống gờ đất ẩm lạnh trong hang. Vẫn chẳng thấy gì, tôi rút tay ra và thở dài, không giấu được sự thất vọng. Thật là ngao ngán hết chỗ nói, có lẽ nào đây chỉ là một cuộc phục kích hụt?

- Để đẩy tao.

Anh Hiền xắn tay áo nhảy xuống, tôi đứng né sang một bên nhường chỗ cho anh. Càng vào sâu lòng hang càng rộng dần, vì thế tuy tay anh to hơn tay tôi nhưng cho vào vẫn không có gì khó lắm. Chợt tôi thấy anh huýt sáo:

- Được rồi!

Anh rút tay ra, lấy khuỷu tay kia bịt cửa hang, tôi đón từ tay anh một chú chim bông chanh. Đêm tối, tôi không nhận ra được màu lông của nó, chỉ thấy nó nằm im thín thít trong lòng bàn tay tôi. Đường như nó quá hoảng sợ vì biết mình đã bị bắt cóc.

Để an ủi con chim xinh đẹp, tôi âu yếm vuốt nhẹ lên đôi cánh mượt mà của nó. **3**

Suy luận

- 3** Hành động vuốt ve đôi cánh mượt mà của chú chim bông chanh thể hiện nét tính cách gì của Hoài?

Anh Hiền lại đưa tay vào tổ. Tôi chắc hẳn anh sẽ lôi ra rất nhanh một con thứ hai, anh chẳng đã từng nói với bọn đàn em chúng tôi rằng bông chanh sống thành từng đôi đấy ư?

Nhưng lần này anh để tay trong hang hơi lâu, khiến tôi sốt cả ruột. Rồi anh rút tay ra, một bàn tay không!

- Được một con cũng đủ khoái rồi.

Tôi đoán anh không vui nên nói vậy. Anh vẫn im lặng đứng đó, ngay trước cửa hang bông chanh. Đột nhiên, anh nói với tôi:

- Đưa nó đây cho tao.

Tôi chợt dạ, có ý ngần ngại. Gần như anh Hiền đã cướp lấy con chim từ trong tay tôi và thật tôi không sao hiểu nổi, anh đã đặt nó trở lại tổ.

- Thôi tha cho vợ chồng nó, chúng nó còn có con nhỏ.

Thú thật là lúc đó tôi rời khỏi tổ bông chanh rất khó khăn. Đã bao lâu nay tôi ao ước có một đôi bông chanh để nuôi, đến cả trong giấc ngủ tôi cũng mơ thấy chúng, vậy mà bây giờ, nắm chúng trong tay rồi lại phải thả ra thì không tiếc ngần tiếc ngơ sao được. Nhưng anh Hiền đã quyết định thế thì tôi chỉ còn biết chấp hành. Dù sao, để tỏ ý không tán thành, trước khi nhảy lên bờ tôi đã hắt xì hơi mấy tiếng thật to. ⁴

Đọc đường, tôi thấy anh Hiền vẫn trầm ngâm¹, anh đi như chạy làm tôi theo bờ hơi tai².

Cái lò gạch ở cuối cánh đồng đang phun lửa sáng rực và ánh đèn ô tô ngoài đường cái³ quét lên nền trời những luồng ánh sáng xanh biếc. Lúc về đường bao giờ cũng ngắn hơn lúc đi, người ta nói thế mà đúng, chỉ một loáng anh em tôi đã đến cổng làng. Từ sân phơi của hợp tác đội đến những âm thanh nghe vui như một đàn ong đang xây tổ. Tôi nghĩ bụng, biết thế này ở nhà mà lẫn ra nằm tán dóc với mấy thằng bạn dưới chân một đồng rom nào đó lại hơn. Chuyện lạ đời, thả con bông chanh đã bắt được ra! Liệu lát nữa kể lại chuyện này chúng nó có tin không? Thế nào cũng có đứa bảo mình là nói điêu⁴ cho mà xem. Càng nghĩ tôi càng thấy giận anh Hiền. Ông ấy vẫn có vẻ thanh thản lắm, chẳng bực cho bạn này, cứ lom khom lom khom, lại còn “xì” cảnh cáo tôi khi tôi trót làm động nữa! Được rồi, đêm mai tôi sẽ có cách, tôi sẽ rủ thêm mấy thằng bạn ra đó, những đứa không làm hỏng việc, mà cũng có thể tôi đi một mình, như thể hành động sẽ mau lẹ hơn.

[...]

Chân trời sáng tạo

3

Hôm sau, ở trường về là tôi ra đồng ngay. Tôi muốn được nhìn thấy chú bông chanh mà đêm qua mình đã túm gọn. Nấp sau mô đất cao, tôi đưa mắt tìm kiếm quanh đầm nhưng chẳng thấy bóng dáng con chim màu đỏ ấy. Hay là cả hai vợ chồng nó đều đi kiếm ăn cả rồi?

Có tiếng chân người phía sau đi đến, tôi giật mình quay lại. Tưởng ai, hoá ra là anh Hiền.

– Đừng chờ vô ích – anh nói – chúng nó sơ tán⁵ đến chỗ khác rồi.

¹ Trầm ngâm: có dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì đó.

² Bờ hơi tai (khẩu ngữ): mệt đến mức như thở ra cả ở tai.

³ Đường cái: con đường lớn, thường là trục giao thông chính ở một địa phương.

⁴ Nói điêu: nói những điều không có thật để lừa dối người khác.

⁵ Sơ tán: di chuyển tạm thời người và của cải ra khỏi khu vực không an toàn để tránh tai nạn, địch hoạ.

Liên hệ

- 4 Em đã bao giờ trải nghiệm cảm giác "tiếc ngẩn tiếc ngơ" khi từ bỏ một thứ mình yêu thích?

- Thế còn các con nó?
- Nó cấp theo chứ sao. Bồng chanh chuyển tổ là thường, thấy động là chúng đi ngay.
- Lẽ ra hôm qua phải búng lấy chúng – Tôi nổi xung lên nói với anh.
- Mày tôi lắm, tao hỏi, nếu có đứa nào phá rồi nhà mày thì mày tính sao?
- Thì nện cho chúng một trận chứ sao?
- Vậy thì mày có muốn đóng vai thằng ăn cướp đối với gia đình con bồng chanh không? Cũng may con bồng chanh đó nó không biết chống cự đấy, nếu không thì nó tha gì mày.

Duối lí, tôi đành nằm im, lơ đãng nhìn ra ngoài đầm.

[...] Tôi nằm trên bờ đầm lơ đãng nhìn ra xa mà nghĩ ngợi miên man. Tôi thương đôi vợ chồng bồng chanh bây giờ đã tha con đến một cánh đồng nào, ở một đầm nước xa lạ, chúng lại phải cùng nhau xây tổ để tránh mưa tránh nắng và con chồng lại lang thang kiếm tằm tép mang về nuôi con. Cuộc sống của chúng có chắc được yên ổn không, hay rồi cũng sẽ bị một lũ trẻ như tôi rình mò bắt bớ. Chúng đang nghĩ về chúng tôi như thế nào sau buổi tối hôm qua, hẳn chúng phải oán giận lắm. Tôi thầm kêu lên: “Bồng chanh, bồng chanh ơi, hãy yên tâm mà trở về đầm này. Chúng tao yêu mày và ở đây mày cũng đỡ vất vả. Nhà cửa có sẵn cả rồi, đồng tao tằm tép nhiều, mày đỡ phải lặn lội¹. Vợ mày cứ ngồi trước tổ mà trông con cái, và soi mình xuống nước rửa lông, làm dáng...”.

Chân trời sáng tạo

(In trong *Chuyện mùa hạ*, tập hai, Đỗ Chu, NXB Văn học, 2010)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định đề tài và nội dung bao quát của văn bản.
2. Liệt kê các chi tiết miêu tả hành động, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật Hoài trong các thời điểm:
 - Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mặt đến ở đầm nước.
 - Khi đi bắt chim bồng chanh đỏ với anh Hiền trong đêm.
 - Khi ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về tổ cũ.

Từ những chi tiết đó, em có nhận xét gì về sự chuyển biến trong tình cảm và nhận thức của nhân vật Hoài?

¹ Lặn lội: làm việc vất vả nơi ruộng đồng, sông nước.

3. Phân tích một số điểm giống và khác nhau (trong suy nghĩ, tình cảm, hành động) của Hiền và Hoài. Qua việc miêu tả hai nhân vật này, nhà văn thể hiện cách nhìn cuộc sống, con người như thế nào?
4. Lựa chọn và phân tích ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong truyện.
5. Chủ đề của truyện này là gì? Nêu một vài căn cứ giúp em xác định chủ đề.
6. Lời nhắn nhủ của chú bé Hoài dành cho vợ chồng bồng chanh đỏ ở cuối truyện gợi cho em suy nghĩ gì về cách ứng xử của con người với loài vật? Viết khoảng năm câu để trả lời câu hỏi này.



Nhà văn Đỗ Chu, tên thật là Chu Bá Bình, sinh năm 1944 tại Bắc Giang. Các tác phẩm của ông (chủ yếu là truyện ngắn, tùy bút) rất giàu chất thơ, tiêu biểu là: *Hương cỏ mật* (1963), *Phù sa* (1966), *Gió qua thung lũng* (1971), *Những chân trời của các anh* (1990), *Chuyện mùa hạ* (2010),...

VĂN BẢN 2

BỐ CỦA XI-MÔNG (SIMON)

Guy đơ Mô-pát-xăng (Guy de Maupassant)

Chuẩn bị đọc

Chân trời sáng tạo

Sự yêu thương, cảm thông giữa người với người có ý nghĩa như thế nào?



Lược phần đầu: Lớp học vừa tan nhưng lũ trẻ không chịu về nhà mà túm tụm nhau lại bàn tán, vì hôm nay, cậu bé Xi-mông, con của chị Blăng-sốt (Blanchotte), lần đầu tới trường. Xi-mông là cậu bé không có bố. Cậu được sinh ra sau lâm lữ¹ của người mẹ trong tình yêu. Chính vì vậy, các bạn học đã xúm lại trêu chọc Xi-mông. Thậm chí, lũ trẻ còn đánh em khi thấy em nổi giận với cậu bé chế giễu mình nhiều nhất. Bị đánh, Xi-mông vừa đau đớn, vừa buồn tủi nên em quyết định nhảy xuống sông cho chết đuối.

[...]

Trời âm áp vô cùng, dễ chịu vô cùng. Ánh mặt trời êm đêm suối âm bãi cỏ. Nước lấp lánh như gương. Và Xi-mông có những giây phút khoan khoái, có cái cảm giác uể oải thường thấy sau khi khóc, em rất thèm được nằm ngủ ở đây, trên mặt cỏ, dưới nắng ấm.

Một chú nhái con màu xanh lục nhảy dưới chân em. Em định bắt nó. Nó nhảy thoát. Em đuổi theo nó và vồ hụt ba lần liên. Cuối cùng, em tóm được hai đầu chân sau của nó và bật cười nhìn con vật cổ gãy giữa thoát thân. Nó thu mình trên đôi cẳng lớn, rồi bật phắt lên, đột ngột duỗi cẳng, ngay đơ như hai thanh gỗ; trong lúc giương tròn con mắt có vành vàng, nó dùng hai chân trước đập vào khoảng không, hươ lên như hai bàn tay. Thấy vậy, em nhớ đến một thứ đồ chơi làm bằng những thanh gỗ hẹp đóng đinh chữ chi² chồng lên nhau, và với động tác cũng giống như vậy, điều khiển các chú lính nhỏ cài bên trên tập tành. Thế là em nghĩ đến nhà, rồi nghĩ đến mẹ, và thấy buồn vô cùng, em lại khóc. Người em rung lên, em quỳ xuống và đọc kinh cầu nguyện³ như trước khi đi ngủ. Nhưng em không đọc hết được, vì những cơn nước mắt lại kéo đến, dồn dập, xốn xang, choán lấy em. Em chẳng nghĩ ngợi gì nữa, chẳng nhìn thấy gì quanh em nữa mà chỉ khóc hoài.

Bỗng một bàn tay chắc nịch đặt lên vai em và một giọng ồm ồm hỏi em: “Có điều gì làm cháu buồn phiền đến thế, cháu ơi?”.

Xi-mông quay lại. Một bác công nhân cao lớn, râu tóc đen, quần, đang nhìn em với vẻ nhân hậu. Em trả lời, mắt đầm lệ, giọng nghẹn ngào:

- Chúng nó đánh cháu... vì... cháu... cháu... không có bố... không có bố.
- Sao thế – bác ta mỉm cười bảo – ai mà chẳng có bố.

¹ *Lâm lữ*: vô ý hoặc quá tin tưởng vào người khác nên phạm phải sai lầm. Ở đây ý chỉ sự việc chị Blăng-sốt chưa lấy chồng mà đã có con.

² *Đóng đinh chữ chi*: đóng đinh theo hình chéo lên rồi chéo xuống.

³ *Kinh cầu nguyện*: bài kinh của những người theo đạo Thiên Chúa.

Em bé nói tiếp một cách khó khăn, giữa những tiếng nấc buồn tủi:

– Châu... châu không có bố.

Bác công nhân bỗng nghiêm lại; bác nhận ra thằng bé con nhà chị Blăng-sốt, và tuy mới đến vùng này, bác cũng đã mong manh biết chuyện của chị.

– Thôi nào – bác nói – đừng buồn nữa, cháu ơi, và về nhà mẹ cháu với bác đi. Người ta sẽ cho cháu... một ông bố.

Hai bác cháu lên đường, người lớn dắt tay đưa bé, và bác lại mỉm cười, vì bác chẳng khó chịu được đến gặp chị Blăng-sốt, nghe đồn chị là một trong những cô gái đẹp nhất vùng; có lẽ trong thâm tâm, bác nhủ thầm rằng một tuổi xuân đã làm lỡ rất có thể lỡ làm lần nữa.

Họ đến trước một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ.

– Đây rồi – đứa trẻ nói, và em gọi to – Mẹ ơi!

Một thiếu phụ¹ xuất hiện, và bác công nhân bỗng tắt nụ cười, vì bác hiểu ra ngay không bốn cột được nữa với cô gái cao lớn, xanh xao, đứng nghiêm nghị trước cửa nhà mình, như muốn cấm đoán ông bước qua ngưỡng cửa ngôi nhà nơi chị đã bị một kẻ khác lừa dối. E dè, mũ cầm tay, bác áp úng:

– Đây, thưa chị, tôi dắt về trả cho chị cháu bé bị lạc ở gần bờ sông.

Nhưng Xi-mông nhảy lên ôm lấy cổ mẹ, lại oà khóc và bảo:

– Không, mẹ ơi, con đã muốn nhảy xuống sông cho chết đuối, vì chúng nó đánh con... đánh con... tại con không có bố.

Đôi má thiếu phụ đỏ bừng và, tê tái đến tận xương tủy², chị ôm con hôn lấy hôn để, trong khi nước mắt lăn chã tuôn rơi. Người đàn ông xúc động vẫn đứng đó, không biết bỏ đi thế nào cho phải. Nhưng Xi-mông bỗng chạy đến bên bác và nói:

– Bác có muốn làm bố cháu không? **1**

Im lặng như tờ. Chị Blăng-sốt hồ thẹn, lặng ngắt và quẩn quại, dựa vào tường, hai tay ôm ngực. Thấy người ta không trả lời mình, em bé lại nói:

– Nếu bác không muốn, cháu sẽ quay trở ra nhảy xuống sông cho chết đuối.

Bác công nhân cười đáp coi như chuyện đùa:

– Có chứ, bác muốn chứ.

Suy luận

1 Lời đề nghị của Xi-mông với bác công nhân thể hiện khao khát gì của em?

¹ *Thiếu phụ*: người phụ nữ còn trẻ, đã có gia đình hoặc đã làm mẹ.

² *Tê tái đến tận xương tủy*: hết sức đau đớn, xót xa.

– Thế bác tên là gì? – em bé liền hỏi – để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên bác?

– Phi-líp (Philip) – người đàn ông đáp.

Xi-mông im lặng một giây, để ghi nhớ cái tên ấy trong óc, rồi hết cả buồn, em vươn hai cánh tay nói:

– Thế nhé! Bác Phi-líp, bác là bố cháu.

Bác công nhân nhấc bổng em lên, đột ngột hôn vào hai má em, rồi sải từng bước dài, bỏ đi rất nhanh.

Ngày hôm sau, khi em bé đến trường, một tiếng cười ác ý đón em. Và lúc tan học, khi thằng kia lại muốn trêu chọc, Xi-mông quát vào mặt nó những lời này, như ném một hòn đá: “Bố tao ấy à, bố tao tên là Phi-líp”.

Khắp chung quanh bật lên những tiếng la hét thích thú:

– Phi-líp gì?... Phi-líp nào?... Phi-líp là cái gì?... Mày lấy đâu ra Phi-líp của mày thế?

Xi-mông không trả lời gì hết, và một mực tin tưởng sắt đá, em đưa con mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ, còn hơn là bỏ chạy. Thầy giáo giải thoát cho em và em về nhà.

Suốt ba tháng ròng, bác thợ cao lòn thường tạt qua nhà chị Blăng-sốt, và đôi khi bác đánh bạo nói chuyện với chị, khi thấy chị ngồi khâu bên cửa sổ. Chị trả lời bác nhã nhặn, lúc nào cũng nghiêm trang, chẳng bao giờ cười với bác và không bao giờ để bác vào nhà. Tuy nhiên, cũng hóm hỉnh đôi chút như mọi người đàn ông, bác cứ tưởng tượng rằng chị hay đỏ mặt hơn thường lệ, mỗi khi trò chuyện với bác.

Nhưng một thanh danh¹ đã bị mai một² thật khó mà gây dựng lại và cũng rất đổi mong manh, đến mức, mặc dù chị Blăng-sốt ngại ngần giữ gìn, trong vùng đã thấy đồn đại.

Còn về Xi-mông thì em rất yêu ông bố này và hầu như chiều nào, xong việc em cũng đi chơi với bố. Em đến trường đều đặn và đi qua giữa các bạn học, hết sức đàng hoàng, không bao giờ đáp lại chúng.

Thế mà một hôm cái thằng đã tấn công em đầu tiên bảo với em:

– Mày nói dối, mày chẳng có bố nào tên là Phi-líp.

¹ Thanh danh: tiếng tăm tốt.

² Mai một: mất dần hoặc mất hẳn (thường dùng để nói về những giá trị tinh thần, danh tiếng của một người).

– Sao lại thế? – Xi-mông rất xúc động hỏi.

Thằng kia xoa hai tay vào nhau. Nó tiếp:

– Bởi vì nếu mày có bố thì ông ấy phải là chồng của mẹ mày.

Xi-mông mất bình tĩnh trước tính chính xác của lập luận ấy, tuy vậy em vẫn trả lời:

– Nhưng cứ là bố của tớ.

Thằng kia cười khẩy¹ bảo:

– Có thể lắm, nhưng không phải bố của mày hẳn hoi.

Lược dẫn: *Băn khoăn vì cuộc nói chuyện với cậu bé kia, cuối giờ học, Xi-mông rẽ vào lò rèn tìm bác Phi-líp. Xi-mông ngây thơ kể lại cho bác nghe nội dung cuộc trò chuyện với bạn, về việc bác Phi-líp không phải là bố “hẳn hoi” vì không phải là chồng của mẹ. Những người thợ rèn cùng làm việc với bác Phi-líp lúc đó đều nói rằng chị Blăng-sốt vẫn là một cô gái tốt, xứng đáng làm vợ một người đàn ông tử tế. Bác Phi-líp đột ngột dặn Xi-mông về nói với mẹ là tối nay bố sẽ đến nói chuyện.*

Trời đầy sao khi bác đến gõ cửa nhà chị Blăng-sốt. Bác mặc áo khoác ngày Chủ nhật², sơ mi mới và râu tóc đã sửa sang. Thiếu phụ bước ra thêm và bảo bác về phiên muộn:

– Thưa ông Phi-líp, ông đến lúc đêm hôm thế này quả thực không phải lắm.

Bác muốn trả lời, bác ấp úng và bối rối đứng trước chị. Chị tiếp:

– Mà ông cũng biết rằng không nên để người ta bàn tán về tôi nữa.

Thế là bác nói, hết sức đột ngột:

– Thì có sao đâu nếu cô chịu làm vợ tôi! ²

Không ai trả lời bác, nhưng bác tưởng tượng như trong bóng tối căn phòng, có người gục xuống. Bác bước vào thật nhanh và Xi-mông nằm trên giường, em nghe thấy tiếng hôn và mấy lời mẹ thì thầm rất khẽ. Rồi đột nhiên, em thấy mình được bế bổng lên trong tay bác và bác nhắc bổng em trên hai cánh tay hộ pháp³, hét lên bảo em:

– Nói với các bạn học của con rằng bố con là Phi-líp Rê-mi (Philip Remy), bác thợ rèn, và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con.

Suy luận

² Vì sao bác Phi-líp đề nghị mẹ Xi-mông làm vợ của mình?

¹ Cười khẩy: cười nhếch mép, tỏ ý khinh thường hoặc mỉa mai.

² Người theo đạo Thiên Chúa thường mặc trang phục dùng để đi lễ nhà thờ trong những sự kiện quan trọng, có ý nghĩa đối với họ. Với Phi-líp, bác mặc trang phục đó vào thời điểm tới cầu hôn chị Blăng-sốt (nhóm biên soạn chú thích).

³ Hộ pháp: ở đây ý chỉ cánh tay rắn chắc, mạnh mẽ, có thể bảo vệ, che chở của nhân vật Phi-líp.

Ngày hôm sau, thấy trường đã đông chật và giờ học sắp bắt đầu, Xi-mông đứng dậy, mặt tái nhợt, môi run run:

“Bố tớ ấy, – em nói rành rọt, – bố tớ là Phi-líp Rê-mi, bác thợ rèn, và bố tớ hứa sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt tớ”.

Lần này chẳng người nào cười nữa, vì cái nhà bác Phi-líp Rê-mi, thợ rèn, thì biết rõ lắm rồi, và đây thật là một ông bố, mà ai có được cũng phải lấy làm tự hào.

(Trích từ *Tuyển tập truyện ngắn Pháp thế kỉ XIX*, nhiều tác giả, Lê Hồng Sâm dịch, NXB Đại học Tổng hợp, 1986)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Xác định đề tài của truyện *Bố của Xi-mông*.
2. Trong truyện, chi tiết bác Phi-líp nhận lời làm bố của Xi-mông được kể mấy lần? So sánh các lần kể ấy theo bảng dưới đây (làm vào vở) và nêu tác dụng của việc lặp lại chi tiết này.

Yếu tố so sánh	Lần đầu	(Những) lần khác
Bối cảnh		
Người đưa ra đề nghị		
Câu nói của bác Phi-líp khi nhận lời		
Phản ứng của chị Blăng-sốt		
Câu thông báo của Xi-mông với các bạn học		
Phản ứng của các bạn học		

3. Cách nhìn của tác giả về chị Blăng-sốt và Xi-mông có gì khác biệt với cách nhìn của người dân trong vùng? Cách nhìn ấy gợi cho em suy nghĩ gì về lòng thương yêu con người?
4. Em có đồng tình với lời hứa của bác Phi-líp “sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt” Xi-mông hay không? Vì sao?
5. Xác định chủ đề của truyện và nêu một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề đó.
6. Thông qua câu chuyện tìm bố cho chú bé Xi-mông, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì đến người đọc?

7. Thảo luận trong nhóm, đề xuất một vài biện pháp để tăng sự gắn kết, sẻ chia và tình yêu thương giữa các bạn trong lớp.



Guy đơ Mô-pát-xăng (1850 – 1893) là nhà văn người Pháp nổi tiếng ở thế kỉ XIX. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông là: *Viên mỡ bò, Bố của Xi-mông, Một cuộc đời, Ông bạn đẹp, Mạnh hơn cái chết,...*

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐẢO SƠN CA¹

Lê Cảnh Nhạc

Trải nghiệm cùng văn bản

Quả bàng vuông xanh non màu lá
Mơn mơn thơm mùi nắng Sơn Ca
Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy
Chim liu lo rót mật trước hiên nhà
Mái chùa cong veo chiều cổ tích
Tiếng cầu kinh² bịn rịn níu hồn tôi
Khát từng giọt mưa mùa khô trên đảo
Cây vắn mướt xanh vầy gọi chim trời

Anh lính trẻ đứng canh chim làm tổ
Tiếng chim rơi nòng súng ngỡ sáo diều
Đảo Sơn Ca vắn bốn mùa lạnh lốt
Chim và người xây cột mốc tiền tiêu³.

(In trong *Quân đội nhân dân cuối tuần*, ra ngày 20/12/2019)

¹ *Đảo Sơn Ca*: một đảo cát nhỏ thuộc cụm đảo Nam Yết của quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hoà.

² *Cầu kinh*: đọc kinh cầu nguyện.

³ *Tiền tiêu*: nơi canh gác ở phía trước khu vực trú quân, hướng về phía địch.

Suy ngẫm và phản hồi

- 1. Chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ này.
- 2. Chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc trong hai câu thơ: *Chim liu lo rót mật trước hiên nhà* và *Mái chùa cong veo chiều cổ tích*. Những hình ảnh, từ ngữ này gợi ra ý nghĩa gì?
- 3. Liệt kê hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca theo hai nhóm:
 - Nhóm hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị,...).
 - Nhóm hình ảnh miêu tả cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo.Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc gì qua những hình ảnh trên?
- 4. Nêu chủ đề của bài thơ.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- 1. Xác định biệt ngữ xã hội trong các trường hợp sau và giải thích ý nghĩa của chúng:
 - a. *Tại sao bạn ấy hay... chém gió?*
 - b. *Không chỉ sở hữu thành tích học tập khủng, Nam còn đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ của trường.*

Chân trời sáng tạo

(Theo Mục tím online)

Đây là biệt ngữ của nhóm người nào?

- 2. Tìm ít nhất ba biệt ngữ xã hội của giới trẻ và điền thông tin vào bảng dưới đây (làm vào vở):

Biệt ngữ xã hội	Ý nghĩa
...	...

- 3. Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta có thể sử dụng các biệt ngữ xã hội không? Vì sao?
- 4. Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:

Phú ghê “nổ” một tràng khiến Cường tắt đài. Nó nghệt mặt một hồi rồi ngẩn ngơ hỏi lại:

– Chẳng lẽ tụi mày đến đây để chơi trò “phá đám”?

(Nguyễn Nhật Ánh, *Trại hoa vàng*)

- a. Tìm biệt ngữ xã hội của giới trẻ trong đoạn trích trên.
 - b. Nêu tác dụng của việc sử dụng (các) biệt ngữ ấy.
5. Hiện nay, giới trẻ có những cách nói như: *thất bại vì ngại thành công, liệu cơm không gắp nổi mắm*. Những cách nói này xuất phát từ những thành ngữ/ tục ngữ nào? Tìm thêm các trường hợp tương tự.
6. Xác định thành ngữ trong câu văn sau và nêu tác dụng của thành ngữ ấy:
- Tôi ba chân bốn cẳng lội xuống nước, không kịp xắn hai ống quần, bùn dưới chân tôi kêu lép bép.*
- (Đỗ Chu, *Bông chanh đỏ*)
7. Em hãy viết một đoạn hội thoại (khoảng bốn đến năm câu) có sử dụng thành ngữ đã xác định ở câu 6.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CÂY SÔI MÙA ĐÔNG

Iu-ri Na-ghi-bin (Yuri Nagibin)

Lược phần đầu: Trong tiết học về danh từ của cô An-na Va-xi-li-ép-na (Anna Vasilyevna), học sinh tìm được rất nhiều ví dụ đúng, riêng cậu bé Xa-vu-skin (Savushkin) hay đi học muộn (dù nhà không quá xa trường) chọn từ “cây sôi mùa đông”, mặc dù đã được nhắc “cây sôi” mới là danh từ nhưng em vẫn lặp đi lặp lại câu này¹. Cô giáo cho rằng Xa-vu-skin đã nói dối lí do thường đi học muộn. Vì thế, cô quyết định theo Xa-vu-skin về nhà gặp mẹ em để tìm hiểu nguyên nhân. Cậu bé dẫn cô đi “con đường tắt” qua một cánh rừng,... Nhờ đó, cô hiểu đúng về “cây sôi mùa đông” của Xa-vu-skin và lí do khiến em thường đi học muộn.

[...]

Khi đọc truyện, em nên:

- Xác định đề tài, cốt truyện, bối cảnh.
- Phân tích tính cách nhân vật và ý nghĩa của các chi tiết tiêu biểu.
- Xác định chủ đề và nêu căn cứ để xác định chủ đề.
- Xác định tư tưởng của tác phẩm.
- Tìm hiểu thông điệp mà nhà văn gửi đến người đọc.

¹ Cách sắp xếp trật tự từ “cây sôi mùa đông” trong tiếng Nga là: mùa đông (tính từ), được đặt trước cây sôi (danh từ).

Con đường mòn chạy vòng qua bụi phi tử¹ và rừng lập tức tản ra: giữa một bãi trống, một cây sồi khổng lồ mặc bộ y phục trắng tinh, lấp lánh, nom uy nghi như một nhà thờ lớn. Đường như cây cối kính cẩn dạt ra nhường chỗ cho bậc đàn anh bộc lộ hết sức vóc tráng sĩ của mình. Những cành cây phía dưới xoè rộng thành một mái lều bên trên bãi trống. Tuyết lấp đầy những nếp nhăn hoắm sâu trong vỏ cây và cái thân cây tầm² ba người ôm được gộp bằng những sợi chỉ bạc. Lá khô héo qua mùa thu hầu như chưa rụng, cây sồi vẫn xum xuê cho đến tận ngọn, mỗi phiến lá đều mang tấm vỏ bao bằng tuyết.

– Nó đây này, cây sồi mùa đông!

An-na Va-xi-li-ép-na rút rè bước một bước về phía cây sồi và người canh rừng hùng vĩ, độ lượng khẽ khua động một cành cây đón chào cô.

Không hề biết những gì đang diễn ra trong tâm hồn cô giáo, Xa-vu-skin loay hoay dưới gốc cây sồi, cư xử một cách tự nhiên với người quen cũ của mình.

– Cô An-na Va-xi-li-ép-na, cô nhìn xem này!

Nó gắng sức vằn một tảng tuyết bên dưới bết những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại. Ở đây, trong một cái hố, có một cục tròn bọc trong những tấm lá đã mủn nát mỏng dính như mạng nhện. Qua lớp lá thò ra những đầu kim nhọn hoắt. An-na Va-xi-li-ép-na đoán ra đây là con nhím.

– Nó tự ủ ấm mới khéo chứ! – Xa-vu-skin ân cần đắp cho con nhím tấm chăn mộc mạc của nó. Rồi thằng bé bới tuyết cạnh một khúc rễ khác. Trước mắt là một cái hang nhỏ xíu, trên vòm có những trụ bằng rễ xuống như tua viền. Trong hang, một con nhái màu nâu nom như bằng bìa cứng ngồi chồm hồm, làn da căng dính xương bóng như đánh véc-ni³ (vecni), Xa-vu-skin sờ vào con nhái, nó không động đậy.

– Vờ vĩnh! – Xa-vu-skin bật cười – Làm như đã chết rồi. Thế mà nắng ấm lên là nó nhảy ngay đi cho mà xem, ôi chao, cứ là như chơi chơi⁴ ấy!

Thằng bé tiếp tục đưa An-na Va-xi-li-ép-na đi thăm cái thế giới bé nhỏ của mình. Dưới gốc sồi còn nhiều khách trọ khác: bộ dừa, thần lẩn, rệp cây. Một số ẩn kín dưới các nhánh rễ, số khác rúc vào những kẽ vỏ cây. Con nào cũng gầy nhom, đường như bên trong rỗng tuếch, chúng ngủ vùi cho qua mùa đông. Cái cây cường tráng, tràn trề

¹ *Phi tử*: một loại cây bụi mọc trong rừng, hạt cây có thể dùng làm thuốc.

² *Tầm*: độ, cỡ, thường ở mức coi là chuẩn hoặc mức tương đối cao.

³ *Đánh véc-ni*: dùng dung dịch màu nâu của cánh kiến ngâm hai mươi tư giờ trong cồn 90 độ cùng giấy nhám chà xát lên mặt đồ gỗ để gỗ bóng đẹp.

⁴ *Chơi chơi*: một loài chim nhỏ sống gần bờ nước, chân cao, mỏ dài, hay nhảy.

nhựa sống tích tụ quanh nó nhiều sinh lực ảm áp đến nỗi loài thú đáng thương không thể tìm đâu ra căn nhà tốt hơn. Lòng rộn ràng vui thích, An-na Va-xi-li-ép-na mãi mê quan sát đời sống bí mật của rừng, trước nay cô chưa từng biết đến cuộc sống như thế, bỗng nhiên cô chợt nghe thấy tiếng kêu lo lắng của Xa-vu-skin:

– Chết thôi, cô sẽ không gặp được mẹ em nữa rồi!

An-na Va-xi-li-ép-na vội đưa đồng hồ lên sát tận mắt. Ba giờ mười lăm. Cô có cảm giác như mình bị sa bẫy. Và trong thâm tâm, thầm xin cây sồi tha thứ cho cái mưu mẹo nhỏ hẹp tình người của mình, cô nói:

– Thế đấy, Xa-vu-skin ạ, điều đó chỉ có nghĩa rằng con đường tắt vẫn chưa phải là con đường đúng nhất. Em sẽ phải đi học bằng đường nhựa thôi.

Xa-vu-skin không đáp lại gì hết, chỉ cúi đầu xuống.

“Trời ơi – An-na Va-xi-li-ép-na nghĩ, không khỏi cảm thấy đau đớn trong lòng – Có cách nào thú nhận sự bất lực của mình rõ rệt hơn thế không?”. Cô nhớ đến bài giảng hôm nay và tất cả những bài giảng khác của mình; cô đã giảng một cách nghèo nàn, khô khan, lạnh nhạt làm sao về từ ngữ và tiếng nói, cái mà thiếu nó thì con người trở nên câm lặng trước thế giới, bất lực trong tình cảm, về tiếng mẹ đẻ, cái tiếng nói cũng tươi mát, mỡ mẽ và giàu có như cuộc sống phong phú và tươi đẹp.

Ấy vậy mà cô vẫn tự coi mình là một cô giáo dạy giỏi đấy! Có lẽ cô chưa tiến nổi một bước trên con đường mà một đời người chưa đủ để đi cho hết. Và chẳng, con đường ấy ở đâu kia chứ? Tìm ra nó cũng gay go và không dễ gì hơn tìm chiếc chìa khoá mở hộp đựng vật báu của Ka-sây¹ (Kasey). Nhưng qua niềm vui sướng của các em học sinh khi các em reo lên: “máy kéo... giéng... chuồng chim”, niềm vui sướng mà cô không hiểu nổi, cô đã thấy lờ mờ ló ra cái cột mốc đầu tiên.

– Xa-vu-skin ạ, cảm ơn em đã đưa cô đi dạo chơi. Tất nhiên là em vẫn có thể cứ đi con đường này.

– Em cảm ơn cô, cô An-na Va-xi-li-ép-na!...

Xa-vu-skin đỏ mặt, em rất muốn nói với cô giáo rằng em sẽ không bao giờ đi học muộn nữa, nhưng em sợ rằng em không làm được như lời. Em dựng cao cổ áo blu-dông (bloison)², ẩn súp cái mũi có tai xuống.

¹ Ka-sây: nhân vật trong truyện cổ Nga, có những kho báu và bí quyết trường sinh (chú thích của người dịch).

² Áo blu-dông: áo kiểu Âu dài đến thắt lưng, hơi bó vào thân.

– Em đưa cô đi.

– Không cần, Xa-vu-skin ạ, cô về một mình cũng được.

Thằng bé nhìn cô giáo với vẻ ngờ vực, rồi nhặt dưới đất lên một cái gậy, bẻ gập cái đầu cong của nó và đưa cho cô giáo.

– Nếu cô gặp con thú có sừng, cô cứ quật vào lưng nó một cái, nó sẽ bỏ chạy ngay. Hay cô chỉ cần gậy lên dọa cũng đủ làm nó sợ rồi! Kẻo không nó giận và sẽ bỏ rừng đi biệt mất.

– Được, Xa-vu-skin ạ, cô sẽ không đánh nó đâu!

Đi được một quãng, An-na Va-xi-li-ép-na ngoảnh lại nhìn cây sồi lần cuối, cái cây màu trắng hồng trong ánh hoàng hôn và cô thấy một dáng hình nhỏ nhắn màu tối thẫm dưới gốc cây. Xa-vu-skin chưa đi, em vẫn đứng đằng xa bảo vệ cô giáo của mình. Và An-na Va-xi-li-ép-na bỗng hiểu rằng cái kì diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông, mà là con người nhỏ bé đi đôi ủng da đã doăng¹ ra kia, mặc bộ quần áo đơn sơ chữa lại của người lớn, con trai của người lính đã hi sinh vì Tổ quốc và của “người hộ lí của nhà tắm hương sen”², chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của tương lai.

Cô giờ tay vẫy em và thông thả đi tiếp con đường ngoằn ngoèo.

(In trong *Người thầy đầu tiên*, Phạm Mạnh Hùng dịch, NXB Đà Nẵng, 2001)

Hướng dẫn đọc

Chân trời sáng tạo

1. Xác định đề tài và nêu nội dung bao quát của văn bản.
2. Nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện tình cảm mà cậu bé Xa-vu-skin đã dành cho cây sồi và loài vật trong khu rừng. Điều này góp phần thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?
3. Vì sao ở phần cuối truyện, cô An-na Va-xi-li-ép-na “bỗng hiểu rằng cái kì diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông” và gọi Xa-vu-skin là “chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của tương lai”?
4. Thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc qua câu chuyện này là gì?

¹ Doăng: rộng ra do bị dãn.

² “Người hộ lí của nhà tắm hương sen”: tên mà chú bé Xa-vu-skin gọi mẹ, bà làm hộ lí khu điều dưỡng trị liệu bằng nước khoáng.



VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Về nội dung: nêu được chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện);...

- Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.

Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Phân tích truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* (Thạch Lam)

Mở bài

Khi những cơn gió lạnh tràn về, lòng tôi lại miên man nhớ về Thạch Lam và truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*. Mỗi lần đọc lại tác phẩm, tôi đều cảm động trước tấm lòng nhân hậu của nhà văn. Bằng truyện ngắn này, Thạch Lam đã gửi đến người đọc bài học sâu sắc mà thấm thía về tình yêu thương và sự sẻ chia. Nội dung ấy được thể hiện qua các hình thức nghệ thuật tinh tế, giàu chất thơ.⁽¹⁾

(1) Giới thiệu tác phẩm văn học, nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc nghệ thuật.

Trước hết, tôi rất thích chủ đề của truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*, đó là vẻ đẹp của tình người và sự sẻ chia trong cuộc sống.⁽²⁾ Tình người ấm áp, thấm đẫm trong từng trang sách. Tình người thể hiện trong cảnh những đứa trẻ chơi đùa vui vẻ, không phân biệt hoàn cảnh giàu nghèo. Tình người kết đọng trong hành động của Sơn và Lan khi mang chiếc áo bông cũ tặng cho Hiên, người bạn nhà nghèo không có áo ấm mặc trong mùa rét.^(**) *Gió lạnh đầu mùa* phủ khắp không gian, tạo ra một không khí rét mướt, nhưng điều đọng lại trong tôi vẫn là ngọn lửa yêu thương lan toả.^(*)

(2) Luận điểm 1: Chủ đề truyện.

Thân bài

Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện *Gió lạnh đầu mùa* còn là hình thức nghệ thuật đặc sắc.⁽³⁾ Nhà văn Thạch Lam đã rất khéo léo khi lựa chọn xây dựng một cốt truyện và tình huống truyện đơn giản.^(3a) Sự việc hai đứa trẻ nhà khá giả động lòng thương, mang cho một người bạn khó khăn chiếc áo vào mùa rét^(**) rất bình dị, tự nhiên, không phải là những xung đột gay gắt, hay sự việc li kì. Nhưng cái bình dị, quen thuộc ấy lại dễ dàng khơi dậy sự đồng cảm nơi người đọc.^(*)

(3) Luận điểm 2: Đặc sắc nghệ thuật: (3a) cốt truyện và tình huống truyện; (3b) miêu tả nội tâm nhân vật; (3c) chi tiết đặc sắc.

Biệt tài của Thạch Lam là miêu tả, khắc họa sự tinh tế, nhạy cảm trong tâm hồn nhân vật Sơn trước sự biến đổi của thiên nhiên và cảnh ngộ của con người.^(3b) Sơn cảm nhận được những biến chuyển nhỏ nhất của thiên nhiên: “chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như ở gần”. Tấm lòng nhân hậu giúp Sơn nhận ra những đứa trẻ nhà nghèo hôm nay “môi chúng tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi”, nhận ra Hiên “co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc manh áo rách tả tơi” mà “động lòng thương”.^(**) Tình thương ấy thể hiện tâm hồn cao đẹp, biết xót xa, cảm thông cho những mảnh đời khốn khó. Đó là lí do tôi trân trọng, quý mến nhân vật Sơn.^(*)

(*) Nêu lí lẽ.

(**) Đưa ra bằng chứng để làm sáng tỏ lí lẽ.

Hơn thế nữa, truyện còn chứa đựng nhiều chi tiết thú vị.^(3c) Một trong những chi tiết đặc sắc mà tôi rất tâm đắc là lời nói của người mẹ ở cuối truyện: “Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta mà không sợ mẹ mắng ư?”.^(**) Đó là lời trách móc chẳng? Đọc lại, tôi nhận ra, đó là lời mắng yêu, thể hiện niềm tự hào của bà về sự nhân hậu của các con. Có lẽ, cái bà cho đi không chỉ là chiếc áo bông giữa ngày buốt giá, mà còn là bài học sâu sắc về lòng vị tha, về hơi ấm tình người.^(*)

Kết bài

Ai đó đã nói rằng: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực, mà là nơi không có tình yêu thương”. Phải chăng vì thế, bài học về tình yêu thương và sự sẻ chia trong *Gió lạnh đầu mùa* chưa bao giờ lỗi thời, những hình thức nghệ thuật của truyện ngắn chưa bao giờ hết hấp dẫn? Một mùa gió lạnh lại về, đọc lại *Gió lạnh đầu mùa*, mong muốn sẻ chia lại nhen nhóm trong tôi...⁽⁴⁾

(4) Khẳng định lại ý kiến về chủ đề và nét đặc sắc nghệ thuật; nêu cảm nghĩ về tác phẩm.

(Nhóm biên soạn)

Sau khi đọc văn bản trên, em hãy trả lời những câu hỏi sau:

1. Bài văn phân tích tác phẩm văn học nào?
2. Phần mở bài nêu những nội dung gì?
3. Phần thân bài có mấy luận điểm? Người viết đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó?
4. Phần kết bài có mấy ý?
5. Người viết đã sử dụng các phương tiện liên kết nào để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của bài viết?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Em hãy tìm đọc:
 - Các truyện mà em đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*.
 - Truyện mà em yêu thích hoặc giúp em có những thay đổi về cách nhìn cuộc sống, con người.
 - ...

• Bài phân tích một tác phẩm văn học có thể được viết để chia sẻ trong *Câu lạc bộ đọc sách*; đăng lên trang web của trường, nhóm học tập của lớp; gửi cho các báo, tạp chí (ví dụ: Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*),... Với mỗi tình huống cụ thể, em cần xác định:

– Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết?

– Với mục đích và người đọc như vậy, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?

• Thu thập tư liệu để hiểu thêm về thể loại, tác giả, tác phẩm đã chọn trên các nguồn tham khảo uy tín như các tờ báo hoặc tạp chí: *Văn học và Tuổi trẻ*, *Văn nghệ*, *Tuổi trẻ*, *Thanh niên*,... Sau đó ghi chép thông tin và những suy ngẫm của em về tác phẩm bằng các hình thức: nhật kí đọc sách, bảng tóm tắt thông tin, sơ đồ tóm tắt nhân vật,...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

Đọc lại các ghi chép và điền thông tin vào phiếu học tập sau (làm vào vở):

PHIẾU TÌM Ý: PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC	
Tên tác phẩm văn học em lựa chọn:	
Thông tin chung về tác giả và tác phẩm	
Chủ đề	
Tóm lược nội dung tác phẩm:	
Nêu chủ đề:	
Những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng	
• Nét thứ nhất: Chỉ ra và nêu tác dụng • Nét thứ hai: Chỉ ra và nêu tác dụng • ...	
Cảm nhận về tác phẩm:	

- Chọn những ý tiêu biểu, sắp xếp theo một trình tự hợp lí (tham khảo sơ đồ sau):

Mở bài

- Giới thiệu tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả).
- Nêu khái quát về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài

- Nêu chủ đề của tác phẩm.
- Chỉ ra và phân tích tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Kết bài

- Khẳng định lại chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.
- Nêu suy nghĩ/ cảm xúc về tác phẩm, chia sẻ bài học rút ra cho bản thân.

Bước 3: Viết bài

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý, lưu ý:

- Nêu luận điểm, lí lẽ kết hợp với bằng chứng.
- Tách đoạn hợp lí.
- Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Đọc lại bài viết và dùng bảng kiểm dưới đây để tự chỉnh sửa:

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện:
chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật**

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu tên tác phẩm, thể loại và tên tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật,...).		
Thân bài	Nêu chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.		
	Phân tích giá trị của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.		

	Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm.		
	Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng.		
Kết bài	Khẳng định lại thành công nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật,...).		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.		
Diễn đạt	Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ và đặt câu).		

• Đọc lại bài phân tích của em từ vai trò của người đọc và trả lời hai câu hỏi sau:

1. Ưu điểm của bài viết này là gì?
2. Những điểm nào cần chỉnh sửa, bổ sung?



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ TÓM TẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH CỦA NGƯỜI KHÁC

Nghe và tóm tắt bài thuyết trình về một tác phẩm văn học do người khác trình bày trong buổi sinh hoạt *Câu lạc bộ đọc sách*.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe

- Xác định mục đích: nghe để hiểu thêm về tác phẩm văn học đã đọc hoặc thu nhận thông tin về những tác phẩm chưa đọc.
- Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm sẽ được thuyết trình.
- Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang,...) để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng.

Bước 2: Nghe và ghi chép

- Lắng nghe các thông tin về tên tác giả, tác phẩm, cốt truyện, nhân vật chính, chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật,...
- Theo dõi và ghi tóm tắt các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng trong bài thuyết trình.
- Ghi những câu hỏi mà em muốn trao đổi với người thuyết trình.

Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ

- Đọc lại và trao đổi nội dung tóm tắt với các bạn khác và chỉnh sửa (nếu cần).
- Nêu câu hỏi về những điểm em chưa rõ hoặc không đồng tình với người thuyết trình.
- Trao đổi với các bạn về ba vấn đề sau:
 - Cách lắng nghe và nắm bắt nội dung thuyết trình.
 - Cách ghi tóm tắt nội dung đã nghe.
 - Cách nêu câu hỏi cho người thuyết trình.

ÔN TẬP

1. Đọc lại ba văn bản đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Nhân vật chính	Chi tiết tiêu biểu (ví dụ)	Chủ đề
<i>Bông chanh đỏ</i>			
<i>Bố của Xi-mông</i>			
<i>Cây sồi mùa đông</i>			

2. Em thích nhất truyện nào trong ba truyện *Bông chanh đỏ*, *Bố của Xi-mông*, *Cây sồi mùa đông*? Vì sao?

3. Tìm biệt ngữ của giới trẻ trong câu sau và giải thích ý nghĩa:

Nếu bạn đang nhớ xir sô Chùa Vàng mà chưa có cơ hội đi thì hãy thử trải nghiệm không gian đậm chất Thái hót hờn họt này nha...

(Theo Mục tím online)

Biệt ngữ này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ ngữ nào và theo phương thức nào?

4. Nêu một số lưu ý về cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.
5. Cần chú ý những điều gì khi lắng nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác?
6. Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương và niềm hi vọng trong cuộc sống?

CÁNH CỬA MỞ RA THẾ GIỚI

(Văn bản thông tin)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Phân tích được thông tin cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.
- Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu.
- Viết được văn bản giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục.
- Biết trình bày bài giới thiệu về một cuốn sách.
- Yêu quý sách và thường xuyên đọc sách.

Chân trời sáng tạo

Khi đọc một cuốn sách, xem một bộ phim, chúng ta như được tham gia vào hành trình khám phá những vùng đất mới; du hành vào tâm hồn con người để hiểu thêm về người khác và bản thân. Những cuốn sách, bộ phim, vì vậy, đã góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta thêm phong phú, thú vị.

Làm thế nào để chia sẻ những cuốn sách, bộ phim hay với người khác? Bài học này sẽ giúp em học được điều đó qua những văn bản thông tin giới thiệu về một cuốn sách hoặc bộ phim.

? Vì sao việc đọc một cuốn sách, xem một bộ phim được ví như “chuyến du hành vào vùng đất mới”?



TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim

Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thuộc kiểu văn bản thông tin, trong đó người viết cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó.

Cấu trúc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim thường gồm các phần sau:

Phần 1: nêu một số thông tin về: tên cuốn sách, tác giả hoặc tên bộ phim, đạo diễn, diễn viên, người quay phim,... trình bày ấn tượng hoặc nêu nhận xét khái quát của người viết đối với cuốn sách/ bộ phim.

Phần 2: tóm tắt ngắn gọn nội dung cuốn sách/ bộ phim và trình bày nhận xét, đánh giá của người viết về giá trị của cuốn sách/ bộ phim.

Phần 3: khẳng định giá trị của cuốn sách/ bộ phim và đề xuất/ khuyến khích mọi người nên đọc/ xem.

Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim có thể có sa-pô (sapo), đoạn nằm ngay dưới nhan đề văn bản, nhằm giới thiệu tóm tắt nội dung bài viết và thu hút sự chú ý của người đọc. Loại văn bản này thường sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh từ cuốn sách/ bộ phim được giới thiệu) để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả.

Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng

Thành phần biệt lập là thành phần phụ có tính độc lập với nòng cốt câu, không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu. Thành phần biệt lập gồm các loại sau:

1. *Thành phần phụ chú*: được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu, thường được tách biệt bằng dấu gạch ngang, dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu hai chấm.

Ví dụ:

Bên dưới con thác (và đây là cảnh tượng đáng kinh ngạc hơn cả), là một mớ những đường ống thủy tinh kèch xù từ đâu đó tít trên trần rủ xuống vực vào lòng sông.

(Rô-a Đan, Xưởng Sô-cô-la)

Phần in đậm trong ví dụ trên là thành phần phụ chú, được dùng để bổ sung thông tin cho khung cảnh “bên dưới con thác”.

2. *Thành phần gọi – đáp*: được dùng để gọi đáp, tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

Ví dụ:

Hai bà cháu chợt nhận ra cô Gió, bà tươi tỉnh hẳn lên:

– Đào ơi, có gió rồi, con nghỉ tay đi. Ôi, cô Gió thật là tốt quá! Bà cứ tỉnh cả người.

(Xuân Quỳnh, *Cô Gió mất tên*)

Trong ví dụ trên, “Đào ơi” được dùng để hô gọi, nhằm bắt đầu cuộc thoại.

3. *Thành phần cảm thán*: được dùng để diễn tả cảm xúc của người nói.

Ví dụ:

Ôi, cô Gió thật là tốt quá!

(Xuân Quỳnh, *Cô Gió mất tên*)

Trong câu trên, “ôi” biểu lộ cảm xúc (sự xúc động mạnh mẽ) của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

4. *Thành phần tình thái*: được dùng để diễn tả thái độ, cách đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Ví dụ:

Tàu Nau-ti-lotx dường như đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đậy.

(Giuyt Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*)

Trong ví dụ trên, “dường như” biểu thị ý phỏng đoán một cách dè dặt, dựa trên những gì người nói trực tiếp cảm nhận.

VĂN BẢN I

CHUYẾN DU HÀNH VỀ TUỔI THƠ

Theo Trần Mạnh Cường



Chuẩn bị đọc

Tìm đọc *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của Nguyễn Nhật Ánh và chia sẻ với bạn những cảm nhận của em về tác phẩm này.

Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ như một chuyến tàu đưa ta trở về với tuổi thơ. Ta vừa vui sướng khi gặp lại hình ảnh của chính ta ngày thơ bé vừa bồi hồi vì những tháng ngày ấy sao mà xa xôi quá!

Với *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, Nguyễn Nhật Ánh đã trao tận tay độc giả chiếc vé quý giá trở về những ngày ấu thơ xa vắng, cùng sống lại những kỉ niệm tinh khôi, cùng đắm mình trong dòng suối mát của những năm tháng thiếu thời vô lo nghĩ. Một cuốn sách đáng đọc “cho tất cả những ai đã từng là trẻ con”.

Cuốn sách là lời tự thuật của cả Mùi bé và Mùi lớn, một là cậu bé tám tuổi tinh nghịch, lăm lăm điều, hai là người đàn ông trải đời, biết suy nghĩ. Xuôi theo dòng hồi tưởng của Mùi về những năm tháng quá khứ, người đọc được tham gia vào thế giới đầy màu sắc của Mùi và những người bạn – Hải cò, con Tún và Tí sun. Ở đó không có những nỗi lo thường trực về vật chất, cũng chẳng có những rạn vỡ đau đớn về tinh thần, có chăng cũng chỉ là những nỗi buồn băng quơ khi trốn học đi chơi bất thành, khi bị cha mẹ la mắng và cùng lắm là ê ẩm mình mẩy khi bị phết nhẹ mấy roi vào mông.

Mỗi ngày mới trong thế giới kì diệu kia, lạ lùng thay, đều bắt đầu bằng những lời than thở: “Một ngày, tôi chợt nhận thấy cuộc sống thật là buồn chán và tẻ nhạt”. Tuy nhiên, cái tẻ nhạt và buồn chán ấy không phải là cảm giác vô vị, bất lực trước cuộc đời mà nó thuần túy chỉ là vẻ chán ngán bởi phải thực hiện hàng tá những hành động lặp đi lặp lại: tỉnh giấc, ăn sáng, đi học, ngủ trưa, đi học rồi lại học bài, đi ngủ và tỉnh giấc. Bởi vậy, cậu bé quyết định sẽ lấp đầy những ngày buồn tẻ bằng những “phi vụ” nghịch ngợm mà cũng hết sức đáng yêu. Bắt đầu từ trò chơi giả bộ làm phụ huynh, rồi tới việc đặt tên đồ vật bằng những cái tên chẳng-liên-quan-tạo-nào, chưa kể tới việc



Ảnh trang bìa cuốn sách
“Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ”

Xác định thông tin chính

- 1 Xác định nội dung chính của đoạn 2.

xới tung cả khu vườn để lùng tìm một thùng báu vật không có thật, nuôi nấng một đàn chó hoang, hay thậm chí mở cả tá phiên toà để “xét xử” tội danh người lớn. **2**

Suy luận

- 2** Mục đích của tác giả ở đoạn văn này là gì?

Từng câu chữ, từng trang viết trong *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* đều thấm đượm dư vị ngọt ngào của những ngày thơ bé và phảng phất hương thơm dịu ngọt của những kỉ niệm đẹp để khó phai mờ, khiến người đọc bật cười thích thú. Đọc cuốn sách này, ta vừa vui sướng khi bắt gặp hình ảnh của chính bản thân ta, vừa ngỡ ngàng vì những tháng ngày xưa nhìn vậy sao mà xa xôi quá!

Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ thực sự là một tác phẩm nhỏ xinh cho những ai mong muốn được trở về những ngày tháng xưa, được lắng đọng vài giây để chiêm nghiệm về quá trình trưởng thành của mỗi con người.

(<https://www.nxbtre.com.vn/diem-tin/cho-toi-xin-mot-ve-di-tuoi-tho-33821.html>, ngày 08/9/2022)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Văn bản gồm mấy phần? Tóm tắt nội dung của từng phần.
2. Nội dung chính của văn bản này là gì? Nội dung đó được thể hiện qua những chi tiết nào?
3. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong sa-pô và các đoạn 1, 2, 3, 4, 5 của văn bản; phân tích tác dụng của chúng đối với việc thể hiện nội dung của đoạn.
4. Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về cuốn sách *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* và chỉ ra mục đích của việc sử dụng những từ ngữ ấy.
5. Nhận xét về cách đặt nhan đề của tác giả.
6. Mục đích viết của văn bản này là gì? Cách bố cục và sử dụng các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong văn bản đã thể hiện được mục đích đó như thế nào?
7. Dựa vào nội dung văn bản và cảm nhận của em về cuốn *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, hãy thiết kế một áp phích để giới thiệu cuốn sách này với bạn bè.

VĂN BẢN 2

MẸ VẮNG NHÀ – BỘ PHIM TUYỆT ĐẸP VỀ NHỮNG ĐỨA TRẺ THỜI CHIẾN TRANH

Lê Hồng Lâm

Chuẩn bị đọc

Kể tên một bộ phim thiếu nhi mà em yêu thích nhất. Vì sao em yêu thích bộ phim đó?

Trải nghiệm cùng văn bản

Mẹ vắng nhà là một bộ phim thiếu nhi xuất sắc của đạo diễn Nguyễn Khánh Dư. Ông vốn là một nhà quay phim kì cựu của điện ảnh cách mạng Việt Nam và đã đoạt giải Quay phim xuất sắc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ hai, năm 1973 với bộ phim *Chị Tư Hậu*. Về sau, Nguyễn Khánh Dư chuyển sang làm đạo diễn và đạt nhiều thành tựu về đề tài thiếu nhi. Một trong những bộ phim được yêu thích nhất của ông là *Mẹ vắng nhà* (1979), tác phẩm được chuyển thể từ truyện ngắn *Người mẹ cầm súng* và *Mẹ vắng nhà* của nhà văn Nguyễn Thi.

Bộ phim từng đoạt giải thưởng Bông sen vàng tại Liên hoan phim Việt Nam vào năm 1980, cùng với *Cánh đồng hoang* của đạo diễn Hồng Sến. Không những thế, cả *Cánh đồng hoang* và *Mẹ vắng nhà* còn đoạt hai giải thưởng quốc tế quan trọng tại Liên hoan phim Mát-xcơ-va (Moscow, Nga) và Ca-lo-vi Va-ri (Karlovy Vary, Tiệp Khắc). Cả hai đều có bối cảnh vùng sông nước Nam Bộ, nơi những con người bình thường, ngay cả những đứa trẻ nhỏ bé cũng phải sống trong cảnh nguy hiểm dưới bom đạn của quân đội Mỹ,... Tuy nhiên, điều đặc biệt là cả hai bộ phim đặc sắc nói trên không mô tả sự mất mát, đau thương của người dân Việt Nam mà là bản anh hùng ca lãng mạn, là vẻ đẹp tràn ngập biểu tượng và chất thơ



Áp phích bộ phim "Mẹ vắng nhà"
(Hàng phim truyện Việt Nam, 1980)

về tinh thần chịu đựng, là khí phách, lòng dũng cảm, cũng như tâm hồn và phẩm giá của con người Việt Nam thời chiến tranh.

Mẹ vắng nhà kể về cuộc sống của chị Út Tịch và năm đứa con thơ trong bối cảnh chiến tranh Việt Nam giữa những ngày tháng khốc liệt nhất. Bộ phim mở đầu với hình ảnh hạnh phúc của chị Út đang quay quần cạnh đàn con thơ bên một chái nhà tranh đơn sơ nằm sát bên sông. Niềm hạnh phúc bình dị ấy chẳng kéo dài được bao lâu. Là một chiến sĩ cách mạng của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, người mẹ trẻ phải để các con thơ ở lại nhà để làm nhiệm vụ tải lương, tải đạn cho bộ đội. Năm đứa con tự chăm sóc nhau, trong đó Bé – cô chị cả, chưa đến mười tuổi – thay mẹ chăm lo cho những đứa em nhỏ. Chị Bé thay mẹ làm những việc lớn, chèo thuyền đi mò ốc ra chợ bán rồi mua quà bánh về cho các em và dạy dỗ chúng như một người mẹ trẻ; leo lên cây ngắt mề đi đánh giặc, rồi kể cho mấy đứa em nheo nhóc đứng dưới gốc cây hóng chuyện. ¹

**Xác định thông tin cơ bản
và thông tin chi tiết**

- 1 Xác định thông tin cơ bản và thông tin chi tiết của đoạn 3.

Thành công của *Mẹ vắng nhà* là nhờ khả năng chỉ đạo diễn xuất và tạo dựng không khí, bối cảnh của đạo diễn Nguyễn Khánh Dư. Năm diễn viên nhí hoá thân thành năm đứa trẻ vùng sông nước miền Tây, chúng biết chèo thuyền, leo cầu khỉ, biết bảo ban nhau chui vào hầm tránh bom khi máy bay Mỹ đi càn; đứa lớn biết lo cho đứa bé, chúng tự biết phân việc, nấu nướng, chăm sóc nhau. Đạo diễn có biệt tài trong việc thể hiện tâm lý của những đứa trẻ: cô chị cả¹ đảm đang, chu toàn thay mẹ chăm lo cho các em; cô chị thứ (Thanh) biết đỡ đàn chị để san sẻ công việc; hai đứa áp út là con Anh và thằng Hiền suốt ngày tranh giành nhau nhưng biết nghe lời hai chị. Không khí của một ngôi nhà nhỏ thiếu vắng bóng mẹ nhưng không thiếu vắng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Dù phải trưởng thành sớm trong hoàn cảnh mẹ vắng nhà nhưng những đứa trẻ vẫn có những lúc bộc lộ tâm lý trẻ con, như chi tiết Bé đổi hờn khi bị đứa em gái quả quyết Bé không giống mẹ. Điều này, một lần nữa cho thấy biệt tài của đạo diễn trong việc thấu hiểu tâm lý trẻ thơ và giúp bộ phim có những khoảnh khắc xúc động, đồng thời để lại tiếng cười trong trẻo cho khán giả.

Không chỉ thành công trong mô tả sinh hoạt của những đứa trẻ vắng mẹ và bối cảnh làng quê vùng sông nước Nam Bộ, Nguyễn Khánh Dư còn để lại dấu ấn về tài năng đạo diễn qua những cảnh tưởng tượng hay giấc mơ qua góc máy lãng mạn bay bổng và giàu hình tượng của một đạo diễn vốn xuất thân từ quay phim. Ở trên cây, dù không thấy bóng mẹ đâu, Bé phải tưởng tượng để kể cho các em nghe hình ảnh người mẹ đang dũng cảm lao về phía trước, chiến đấu với quân thù. Trong một cảnh tưởng

¹ Chị cả (miền Nam gọi là chị Hai): chị lớn nhất trong nhà.

tượng khác của Bé, hình ảnh một chú bò với thân hình bèn lửa vì bom đạn chạy trên cánh đồng gây ấn tượng mạnh về thị giác. Còn trong tưởng tượng của Bé về giấc mơ được cắp sách đến trường ở cuối phim, đạo diễn để cho những con chữ nhảy múa và biến thành những chú chim bay lên trong cảnh hoà bình, không còn bóng dáng của chiến tranh.

Ngoài diễn xuất của nữ diễn viên Ngọc Thu trong vai chị Út Tịch, dàn diễn viên nhí nghiệp dư cũng là linh hồn làm nên thành công của bộ phim *Mẹ vắng nhà*. Diễn viên nhí Vân Dung, con gái của đạo diễn Long Vân (người thành công sau này với bốn tập phim *Biệt động Sài Gòn*) để lại ấn tượng mạnh nhất với vai cô chị cả đảm đang, tháo vát thay mẹ quán xuyến gia đình nhưng vẫn bộc lộ sự ngây thơ, hồn nhiên của một đứa trẻ lên mười. Ba diễn viên nhí Hồng Duyên (vai chị thứ Thanh), Thu Hằng (em gái thứ ba – Anh), Hồng Phương (cu Hiên – em trai áp út) với vẻ ngọng nghịu, dỗi hờn cũng để lại những giây phút vừa xúc động vừa đáng yêu khó quên trên màn ảnh một thời. ²

Theo dõi

- ² Đoạn 6 đề cập đến phương diện nào của bộ phim?

Sau hơn bốn mươi năm kể từ khi ra mắt, *Mẹ vắng nhà* vẫn là một bộ phim tuyệt đẹp và đáng yêu về sức sống, tình yêu thương và khả năng chịu đựng của những đứa trẻ trong chiến tranh.

(In trong *101 bộ phim Việt Nam hay nhất*, Nhã Nam và NXB Thế giới, 2018)

Suy ngẫm và phản hồi

Chon trời sáng tạo

1. Có thể chia văn bản thành mấy phần? Tóm tắt nội dung của từng phần.
2. Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Thông tin đó được thể hiện qua những chi tiết nào? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các chi tiết và thông tin cơ bản của văn bản.
3. Tác giả viết văn bản này nhằm mục đích gì?
4. Việc kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (áp phích) góp phần như thế nào vào việc thể hiện mục đích viết của tác giả?
5. Thực hiện nhiệm vụ sau:
 - a. Phỏng vấn sáu bạn (ba nam và ba nữ) trong lớp về hai câu hỏi sau: Bạn xem video clip, xem phim hay đọc sách nhiều hơn? Vì sao?
 - b. Thống kê các câu trả lời và rút ra một số nhận xét về kết quả phỏng vấn.

Trải nghiệm cùng văn bản

[...] Khoảng cuối năm 1956, một tin vui đến với chúng tôi: Thư viện của tỉnh Bắc Giang bắt đầu được thành lập. Tôi hớn hở chạy đến xem. Nhưng thật không may chỉ học sinh cấp ba² trở lên mới được cấp thẻ. Tôi nài nỉ thế nào, cô phụ trách thư viện cũng không linh động cấp thẻ cho tôi. Tuy không có thẻ nhưng không chiều nào tôi không đến thư viện. Tôi ngồi ngoài hành lang, nhờ mấy anh lớn cho tôi đọc ké sách báo. Các anh cũng phải khôn khéo lắm, giấu không cho cô thủ thư biết. Cũng may, cả thư viện cũng chỉ có mình cô thủ thư, bận tít tít ở trong phòng nên không có điều kiện ra ngoài để phát hiện ra tôi. Nhưng rồi cuối cùng cô cũng biết. Thấy tôi ngồi một góc khuất ngón ngấu đọc, cô cũng lờ đi, bỏ qua. Dần dà, tôi làm quen được với cô. Tên cô là Uyên, em gái nhà văn Kim Lân, tác giả truyện *Làng* và *Anh chàng hiệp sĩ gỗ* mà tôi rất thích. Các buổi sáng Chủ nhật, tôi đến thư viện rất sớm, ngồi chờ cô ở cổng. Cô vừa đến, tôi đã nhanh nhẹn giúp cô quét dọn xung quanh, lau chùi bàn ghế, sắp xếp lại sách báo,... Tôi giúp cô làm sổ sách, ghi kí hiệu các tác phẩm, dán lại các trang sách hư cũ. Thấy tôi nhanh nhẹn, cần cù, việc gì cũng vui vẻ làm, cô Uyên dần “mủi lòng”, đặc cách cấp cho tôi một chiếc thẻ, không những được quyền đọc tại chỗ mà còn được mượn về nhà nữa. Tuy có thẻ rồi, tôi vẫn ngày ngày ra thư viện giúp cô làm đủ mọi việc vặt. Tôi tranh thủ đọc được không biết bao nhiêu là sách. [...]

Dần dà, số sách ở thư viện không thỏa mãn được tôi. Tôi thường xuyên ra hiệu sách Nhân dân, xem có sách gì mới lập tức chạy về báo cho cô Uyên biết. Tôi sướng đến run rẩy cả người khi lần đầu tiên trông thấy quyển *Những người khốn khổ* của Vích-to Huy-gô (Victor Hugo) được xuất bản một cách hoàn chỉnh. Trước đây, tôi đã được đọc bản *Những kẻ khốn nạn* do Nguyễn Văn Vĩnh dịch. Bản dịch lần này đầy đủ hơn, văn chương mới hơn. Mới chỉ tập một mà đã dày cộp. Tôi chạy như bay về báo cho cô Uyên, nài nỉ cô đưa tiền để tôi đi mua giúp cô. Sắp hết giờ làm việc, cô cho phép tôi đi mua sách, mang về nhà tranh thủ đọc rồi sáng mai đem đến trả cô sớm.

¹ Phần văn bản trên được trích từ truyện dài *Miền xanh thắm*, tác phẩm đoạt Giải B của Hội Nhà văn năm 2001. Truyện kể về Thiện – một cậu bé nhân hậu, nhạy cảm, giàu lòng trắc ẩn và say mê đọc sách. Tuy phải xa nhà để trọ học nhưng em vẫn luôn được sống trong tình thương yêu, đồng cảm, sẻ chia của thầy cô giáo, các anh em kết nghĩa và bạn bè.

Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

² Cấp ba: cấp Trung học phổ thông.

Tôi mừng đến run hết cả người. Ngay đêm đó, tôi ngón ngấu đọc hết tập một. Rạng sáng, đọc xong rồi mà tôi vẫn còn ngơ ngẩn thèm thường. Ước gì có ngay tập hai, tập ba,... để tôi đọc liền một mạch. Hình ảnh Giăng Van-giăng (Jean Valjean), Phăng-tin (Fantine), Cô-dét (Cosette), Ga-vơ-rôt (Gavroche) cứ lừng lững đi lại, nói năng, buồn vui, đau khổ ngay trước mặt tôi kia. Tâm hồn tôi đẹp thêm lên biết bao nhiêu nhờ những trang sách chứa chan lòng yêu thương...

(Trích *Miền xanh thẳm*, NXB Kim Đồng, 2017)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tình yêu sách của nhân vật “tôi” được thể hiện như thế nào trong đoạn trích trên?
2. Những hành động nào của cô Uyên đã góp phần nuôi dưỡng tình yêu sách của nhân vật “tôi”?
3. Chi tiết: “Hình ảnh Giăng Van-giăng, Phăng-tin, Cô-dét, Ga-vơ-rôt cứ lừng lững đi lại, nói năng, buồn vui, đau khổ ngay trước mặt tôi kia” thể hiện điều gì về nhân vật “tôi”?
4. Chia sẻ với bạn về một cuốn sách hoặc bộ phim đã giúp em mở rộng tầm hiểu biết về thiên nhiên hoặc con người.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Chân trời sáng tạo

1. Xác định thành phần biệt lập trong các trường hợp sau và cho biết chức năng của chúng:

a. *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về.

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

b. *Cả ba cùng chạy vào, cùng nói:*

– Bác Tai ơi, bác có đi với chúng cháu đến nhà lão Miệng không? Chúng cháu đến nói cho lão biết, từ nay chúng cháu không làm cho lão ăn nữa. Chúng cháu cũng như bác, lâu nay vất vả nhiều rồi, nay phải nghỉ ngơi mới được.

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam, *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

c. *Trẻ con chúng tôi la ó, té nhau, reo hò. Ôi, con suối; con suối khi nó cạn, chúng tôi ngán ngơ. Chúng tôi thoả thuê tắm, khi ra về tiếng ào ào vọng mãi.*

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*)

2. Cho biết thành phần phụ chú trong mỗi trường hợp sau bổ sung thông tin gì:

a. *Đêm ấy ông khách – đích thị Bọ Dừa, cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai – ngủ lại dưới vòm lá trúc thật.*

(Trần Đức Tiến, *Giọt sương đêm*)

b. *Và bởi vậy, truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” vẫn còn sống mãi trong lòng người đọc – vượt ra khỏi giới hạn không gian và thời gian.*

(Theo Minh Khuê, *Sức hấp dẫn của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”*)

c. *Vài ngày ngâm rửa như thế, mới bắt đầu một trong những quy trình then chốt – gọt thủy tiên.*

(Theo Giang Nam, *Cách gọt củ hoa thủy tiên*)

d. *Giữa dây buộc một miếng vải đỏ hay một vật bất kì làm dấu (gọi là tâm điểm) để xác định đội thắng.*

(Trần Thị Ly, *Kéo co*)

3. Dựa vào thành phần gọi – đáp trong các trường hợp bên dưới, hãy cho biết tính chất mối quan hệ giữa người nói và người nghe:

a. – *Thưa ông, độ này trời hạn, cạn khô cả.*

(Truyện cười dân gian Việt Nam, *Vắt cổ chày ra nước*)

b. – *Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*

– *Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.*

(Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)

4. So sánh hai câu sau và cho biết sự khác nhau về nghĩa giữa chúng:

a. *Chắc chắn trời sẽ mưa.*

b. *Có lẽ trời sẽ mưa.*

Theo em, vì sao lại có sự khác biệt ấy?

5. Viết đoạn văn khoảng năm câu thể hiện những cảm xúc của em khi được chiêm ngưỡng một cảnh đẹp, trong đó có ít nhất một câu chứa thành phần biệt lập. Xác định chức năng của (những) thành phần biệt lập này.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TỐT-TÔ-CHAN (TOTTO-CHAN) BÊN CỬA SỔ: KHI TRẺ CON LỚN LÊN TRONG TÌNH THƯƠNG

Theo Phạm Ngọ

Ra đời cách đây gần 40 năm, *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* đã trở thành một hiện tượng văn học Nhật Bản với số lượng phát hành kỉ lục 4,5 triệu bản trong năm đầu tiên. Ở Việt Nam, *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* cũng trở thành quyển sách gối đầu giường của rất nhiều thiếu nhi.

Lớp học của những toa tàu

Tốt-tô-chan bên cửa sổ là tự truyện về quãng đời tiểu học của nữ tác giả Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô (Kuroyanagi Tetsuko). Từ một bài tiểu luận về trường Tô-mô (Tomoe) của Tét-su-kô trên một tạp chí, các biên tập viên đã đề nghị bà viết thành sách. Tuy nhiên, phải mất đến hai mươi năm, Tét-su-kô mới viết xong các chương của quyển

truyện thiếu nhi này và đăng trên các số từ tháng 2/1979 đến tháng 12/1980 của Tạp chí *Người phụ nữ trẻ*. Sau đó, bà còn cất công chọn lựa các bức tranh thiếu nhi của cố họa sĩ I-qua-sa-ki Chi-hi-rô (Iwasaki Chihiro) để minh họa cho tác phẩm của mình. Và những bức tranh ấy đã trở thành một phần không thể thiếu của tác phẩm.

Ngôi trường Tô-mô mà Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô giới thiệu trong sách do thầy Hiệu trưởng Kô-ba-gia-sơ-ki Sô-sa-ku (Kobayaski Sosaku) thành lập từ năm 1937 và bị thiêu rụi trong chiến tranh vào năm 1944. Ngôi trường ấy thật đặc biệt với các lớp học được thiết kế nằm trong toa tàu điện cũ, cùng những phương pháp giáo dục đổi mới so với bối cảnh nước Nhật trước Chiến tranh Thế giới thứ hai. Tác giả Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô đã “hoá thân” thành Tốt-tô-chan, một cô bé vừa vào học lớp Một được vài ngày đã bị cho thôi học vì quá hiếu động, làm ảnh hưởng đến các bạn khác. Mẹ của Tốt-tô-chan buộc phải đưa em đến trường Tô-mô.



Ảnh trang bìa cuốn sách “Tốt-tô-chan bên cửa sổ”

“Bên cửa sổ” là một thành ngữ phổ biến ở Nhật, được dùng để chỉ những người đang ở trên mép cửa, sắp bị đẩy ra đường. Đây cũng chính là hoàn cảnh của Tốt-tô-chan: bị hắt hủi, xa lánh ở ngôi trường đầu tiên. Với Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô, tựa truyện còn có ý nghĩa là “cửa sổ của hạnh phúc”, “một thiên đường mới” sẽ mở ra cho cô bé Tốt-tô-chan.

Khi đọc văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim, em nên:

- Xác định mục đích viết của văn bản.
- Tìm thông tin cơ bản và các chi tiết góp phần thể hiện thông tin cơ bản.
- Xác định cấu trúc của văn bản.
- Chỉ ra hiệu quả của việc kết hợp sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (nếu có) với phương tiện ngôn ngữ trong văn bản.

“Ước mơ của các em còn lớn hơn kế hoạch của cô giáo”

Có lẽ, điều thú vị nhất ở ngôi trường Tô-mô là các em nhỏ luôn được thầy Hiệu trưởng Kô-ba-gia-sơ-ki và các giáo viên tôn trọng, lắng nghe. Ngay từ buổi đầu tiên đến trường, gặp thầy hiệu trưởng, cô bé hiếu động Tốt-tô-chan đã không phải trả lời những câu hỏi theo khuôn khổ, ngược lại, em được thầy khuyến khích kể bất cứ chuyện gì mình thích. Buổi kể chuyện kéo dài gần bốn tiếng ấy đã để lại cho Tốt-tô-chan cảm giác yên tâm, đầm ấm và hạnh phúc, khiến em muốn mãi mãi ở bên thầy.

Từ đây, hành trình đến trường của Tốt-tô-chan trở thành những ngày tháng thú vị, không còn bị mọi người chê trách như ở trường cũ. Trường Tô-mô khuyến khích học sinh vui chơi bên cạnh việc học. Không có đồng phục, hiệu trưởng yêu cầu phụ huynh cho trẻ mặc các bộ đồ cũ, thoải mái để các em vui chơi mà không sợ bị lấm bẩn hay làm rách quần áo. Ngôi trường đó cũng không bắt buộc học sinh phải ngồi một chỗ suốt năm học và cũng không có thời khoá biểu cố định mỗi ngày. [...] Sau giờ học buổi sáng là những buổi chiều đi dạo, hái rau, vẽ tranh, nghe thầy cô kể chuyện, ca hát. Quả là một ngôi trường đáng mơ ước. Thầy Kô-ba-gia-sơ-ki luôn nói với các giáo viên: “Không được gò các em vào kế hoạch của cô giáo. Phải cho các em vui chơi thoải mái trong thiên nhiên. Ước mơ của các em còn lớn hơn nhiều kế hoạch của cô giáo”.

“Con thật là một cô bé ngoan”

Bài học lớn mà Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô nhận được khi theo học ở ngôi trường của những toa tàu là tình yêu và sự kết nối với thiên nhiên. Sau giờ học, học sinh theo thầy cô lên ngọn đồi cạnh trường để khám phá cây, cỏ hay đến một khuôn viên xanh mát của ngôi chùa cổ kính,... Sau mỗi niên khoá là những chuyến vui chơi ở vùng biển hay suối nước nóng để khám phá thiên nhiên. Ngay cả trong buổi ăn trưa của các em, thầy hiệu trưởng cũng đưa thiên nhiên vào với cách diễn đạt đơn giản, chia thức

ăn thành các món của đất và biển. Đây là cách để phụ huynh chuẩn bị bữa ăn vừa đủ chất dinh dưỡng vừa giúp học sinh có thêm kiến thức một cách sinh động.

Như chia sẻ của tác giả: “Thầy hiệu trưởng lúc nào cũng canh cánh trong lòng nỗi lo là làm thế nào để người lớn nuôi dưỡng được những tố chất bẩm sinh ở trẻ em mà không phá hỏng chúng. [...] Chính vì thế, xuyên suốt câu chuyện, độc giả thường gặp nhiều chuyện xảy ra hằng ngày ở trường Tô-mô thể hiện tinh thần này. Ngay cả với chuyện rất lớn như Tốt-tô-chan lật tung nhà vệ sinh để tìm chiếc ví, thầy hiệu trưởng vẫn tin tưởng em sẽ giải quyết ổn thỏa, trả lại mọi thứ như cũ thay vì can ngăn hay la mắng, tức giận. Dù không tìm được chiếc ví nhưng đêm đó Tốt-tô-chan cảm thấy rất vui vì thầy đã tin tưởng, coi mình như một người lớn.

Lời khen tặng “con thật là một cô bé ngoan” của thầy hiệu trưởng đã là động lực để cô bé Tốt-tô-chan trở thành một người thành công và hạnh phúc. “Nếu tôi không đến trường Tô-mô và gặp ông Kô-ba-gia-sơ-ki thì rất có thể tôi sẽ bị coi là “một cô bé hư” đầy mặc cảm và nhút nhát”, bà chia sẻ.

Sức lan toả của cuốn sách

Sau khi xuất bản lần đầu vào năm 1981, cuốn sách đã gây được tiếng vang lớn không chỉ ở Nhật Bản mà còn trên toàn thế giới. Tính đến năm 2001, tổng số bản sách bán ra ở Nhật đã lên đến 9,3 triệu bản, *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* trở thành một trong những cuốn sách bán chạy nhất trong lịch sử ngành xuất bản nước này. Cuốn sách đã được dịch ra 35 thứ tiếng (Anh, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc,...).

Năm 1988, cuốn sách *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* đến với độc giả Việt Nam với sự đồng ý của chính tác giả, khi ấy đang là Đại sứ thiện chí của Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc đến thăm Việt Nam. Bản dịch đầu tiên của Phí Văn Gừng và Phạm Duy Trọng có tên *Tốt-tô-chan cô bé ngồi bên cửa sổ*. Không chỉ là một quyển truyện dành cho thiếu nhi, cuốn sách dường như dành cho mọi người, mở ra những cách nhìn mới về giáo dục trẻ em.

(<https://www.phunuonline.com.vn/totto-chan-ben-cua-so-khi-tre-con-lon-len-trong-tinh-thuong-a1417059.html>, ngày 06/9/2022)

Hướng dẫn đọc

1. Văn bản này gồm mấy phần? Nội dung của từng phần là gì?
2. Xác định cách triển khai thông tin của đoạn văn sau: “Từ đây, hành trình đến trường ... Ước mơ của các em còn lớn hơn nhiều kế hoạch của cô giáo”. Nêu tác dụng của cách triển khai này.
3. Xác định thông tin cơ bản của văn bản, thông tin ấy được thể hiện qua những chi tiết nào? Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và các chi tiết của văn bản.

4. Việc đưa hình ảnh bìa sách vào văn bản tạo nên hiệu quả gì?
5. Tác giả viết văn bản này nhằm mục đích gì? Những đặc điểm nào của văn bản góp phần đạt được mục đích ấy?



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN GIỚI THIỆU MỘT CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Giới thiệu một cuốn sách thuộc kiểu văn bản thông tin, được viết nhằm mục đích chia sẻ những cảm nhận, đánh giá của người viết về cuốn sách, khuyến khích mọi người đọc sách.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Giới thiệu thông tin chính về cuốn sách.
- Tóm tắt nội dung cuốn sách.
- Nêu nhận xét của người viết về cuốn sách, khuyến khích mọi người đọc sách.
- Có thể kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.
- Trình bày thông tin mạch lạc.

Cấu trúc bài viết gồm ba phần:

Phần 1: nêu một số thông tin về tên sách, tên tác giả; nêu cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách để thu hút người đọc.

Phần 2: tóm tắt ngắn gọn nội dung và trình bày nhận xét của người viết về giá trị của cuốn sách. Trích dẫn một vài chi tiết từ cuốn sách để làm rõ ý kiến.

Phần 3: khẳng định giá trị của cuốn sách, khuyến khích/ đề nghị mọi người nên đọc cuốn sách đó (gián tiếp hoặc trực tiếp).

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Câu chuyện về lòng yêu thương

Phần 1

Đã bao giờ bạn nghĩ rằng hạnh phúc là một thứ gì đó quá xa tầm với? Tuy nhiên, tôi tin là chỉ với một chút thay đổi nhỏ trong tư tưởng, bạn sẽ tìm thấy hạnh phúc, sự bình yên trong tâm hồn. Điều bạn cần, đôi khi đơn giản chỉ là một cuốn sách. Và tôi đã tìm thấy câu trả lời của mình trong cuốn *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* của nhà văn người Chi-lê, Lu-i Se-pun-vê-đa (Luis Sepúlveda).⁽¹⁾

(1) Trình bày ấn tượng chung về sách và tên tác phẩm, tác giả.

Phần 2

Ngay từ tên sách, bạn đã thấy đây là câu chuyện kể về một con mèo dạy một cô hải âu cách bay lượn, điều mà mèo không bao giờ làm được. Khá là nực cười phải không? Nhưng câu chuyện không đơn giản chỉ có thế. Do một tai nạn, hải âu mẹ chỉ kịp giao một quả trứng cho mèo đen béo ú Gioóc-ba (Zorba) và bắt nó hứa sẽ không ăn quả trứng mà phải chăm sóc cho đến khi trứng nở ra chim non và đặc biệt là... dạy chim non bay. Kì diệu làm sao, Gioóc-ba đã hoàn thành lời hứa của mình! Quả trứng nở thành chim non, được đặt tên là Lắc-ki (Lucky), và chim non trưởng thành trong sự bảo vệ của cộng đồng mèo ở bến cảng Ham-bơ (Hamburg). Lắc-ki, cô hải âu bé nhỏ, cuối cùng đã cất cánh bay về với đại dương bao la, ngôi nhà của những chú hải âu.⁽²⁾ Mỗi quan hệ dường như không tưởng giữa hai loài vật hoàn toàn khác biệt ấy đã dạy cho ta một bài học sâu sắc về tình yêu thương, đó là: yêu thương một người không phải là biến họ trở nên giống mình, trở thành người mà mình cho là "tốt nhất" mà phải biết chấp nhận sự khác biệt, đồng cảm với bản chất của chính con người ấy.^(3a)

(2) Tóm tắt nội dung câu chuyện.

(3a), (3b) Nhận xét về giá trị của tác phẩm.

Tất cả nhân vật, sự việc trong truyện đều trở nên chân thực bởi được thể hiện bằng ngôn từ giản dị, mộc mạc. Cả câu chuyện như một bản giao hưởng êm dịu với đầy đủ các cung bậc cảm xúc, đi sâu vào lòng người, để mỗi lần đọc là một lần trong ta nảy nở những tình cảm và suy nghĩ khác nhau.^(3b) Tuy nhiên, điều lớn nhất mà tôi có được sau nhiều lần lật giở từng trang sách chính là khoảng bình yên trong tâm hồn. Với tôi, *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* giống như một li cà phê ấm áp, một góc phố bình yên, một con đường ngập nắng thu,...

Phần 3

Bạn hãy đọc cuốn sách này để hiểu rằng yêu thương và được yêu thương là một niềm hạnh phúc lớn lao và đó cũng là cách tốt nhất để chữa lành những vết thương trong tâm hồn. Cho dù có chuyện gì xảy ra chẳng nữa thì cũng chưa bao giờ quá muộn để học cách yêu thương và chấp nhận người khác.⁽⁴⁾

(4) Khẳng định lại giá trị của cuốn sách, khích lệ mọi người nên đọc.

(Theo Nguyễn Minh Anh, in trong *Văn học và Tuổi trẻ*, số 8, 9 (339, 340), 2015)

Sau khi đọc văn bản trên, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Tác giả nêu ấn tượng/ cảm nhận chung về cuốn sách bằng cách nào? Nêu tác dụng của cách trình bày đó.

2. Người viết đã có những nhận xét như thế nào về giá trị của tác phẩm?
3. Theo tác giả, giá trị lớn nhất của cuốn sách là gì?
4. Em học được điều gì về cách giới thiệu sách từ văn bản này?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Trường em tổ chức cuộc thi giới thiệu sách với chủ đề “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”. Hãy viết bài giới thiệu về một cuốn sách mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Yêu cầu của đề bài là gì, thuộc kiểu bài nào?
- Người đọc, người nghe trong cuộc thi này có thể là những ai? Họ mong muốn biết điều gì về cuốn sách mà em định giới thiệu?
- Cuốn sách mà em yêu thích và định giới thiệu có phù hợp với đối tượng người đọc, người nghe đó không?
- Chọn cuốn sách có dung lượng vừa phải, nội dung không quá phức tạp.
- Tìm thông tin về tác giả và cuốn sách trên các trang web của nhà xuất bản, báo và tạp chí, chẳng hạn như thông tin về số lượng bản in của cuốn sách, phát biểu của tác giả về cuốn sách, năm xuất bản, giải thưởng (nếu có).
- Tìm hiểu yêu cầu hoặc thể lệ của cuộc thi để viết bài đáp ứng được yêu cầu.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Đọc kĩ cuốn sách mà em định viết bài giới thiệu; đánh dấu những chi tiết quan trọng, thú vị trong cuốn sách mà em có thể sử dụng làm bằng chứng trong bài viết.
- Ghi chép các thông tin về cuốn sách trong quá trình đọc bằng cách điền vào phiếu (làm vào vở):

Phiếu tìm ý

Tên sách:
Tên tác giả:
Tên nhà xuất bản:
Số lượng bản in, số lần tái bản (nếu có):

Tóm tắt nội dung, chủ đề và thông điệp của cuốn sách:

Phần 1/ Chương 1:

Phần 2/ Chương 2:

Phần 3/ Chương 3:

Ấn tượng hoặc cảm xúc sâu sắc về cuốn sách:

Nét đặc sắc và hạn chế (nếu có) về nội dung và nghệ thuật của cuốn sách:

• Dựa trên bố cục của bài giới thiệu sách và phiếu ghi chép, lập sơ đồ dàn ý cho bài viết (tham khảo sơ đồ sau):

Phần 1

Tên sách, tên tác giả.

Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách.

Có thể hoán
đổi vị trí hai ý

Phần 2

Tóm tắt nội dung sách.

Nhận xét về giá trị (nội dung, nghệ thuật) của cuốn sách.

Phần 3

Khẳng định giá trị của cuốn sách.

Khuyến khích mọi người nên đọc sách.

Bước 3: Viết bài

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, cần chú ý: cung cấp các thông tin chính xác về cuốn sách; thể hiện cảm nhận, đánh giá về cuốn sách; thể hiện sự khích lệ của em đối với người đọc về việc nên tìm đọc cuốn sách.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự kiểm tra và điều chỉnh bài viết:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài giới thiệu một cuốn sách

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Phần 1	Giới thiệu tên sách, tên tác giả.		
	Cảm nhận hoặc ấn tượng nổi bật về cuốn sách.		
Phần 2	Tóm tắt ngắn gọn nội dung của cuốn sách.		
	Nêu nhận xét, đánh giá về giá trị của cuốn sách (nội dung, hình thức nghệ thuật).		
Phần 3	Khẳng định giá trị của cuốn sách.		
	Khích lệ độc giả đọc cuốn sách.		
Hình thức	Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (tranh vẽ hoặc hình ảnh bìa sách).		
	Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.		

- Sau khi viết xong, đọc lại bài viết từ vai trò của người đọc và trả lời hai câu hỏi:
 - Bài viết có thôi thúc em tìm đọc cuốn sách này hay không?
 - Còn thông tin gì trong cuốn sách mà em chưa tìm thấy trong bài viết?
- Ghi lại ba bài học kinh nghiệm mà em rút ra được về cách viết bài thuyết minh giới thiệu sách.
- Thể hiện các bài học đó trên một tấm thẻ và gửi đến các bạn trong lớp.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY, GIỚI THIỆU VỀ MỘT CUỐN SÁCH

Thuyết trình về cuốn sách mà bản thân yêu thích với các bạn để lan tỏa tình yêu sách.

Bước 1: Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

- Đề tài bài nói trong trường hợp này chính là đề tài của bài viết.
- Liệt kê một số mục đích mà em muốn đạt được khi giới thiệu cuốn sách này.

- Xác định đối tượng người nghe, lượng thời gian trình bày bài nói; tìm hiểu nơi trình bày bài nói (phòng học hay hội trường, có máy chiếu hay không,...).

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Dựa vào nội dung bài viết, liệt kê những ý chính cần trình bày trong bài nói:
 - Tên cuốn sách, thể loại, tên tác giả, tên nhà xuất bản, năm xuất bản, các giải thưởng đạt được (nếu có),...
 - Một số đặc điểm về nội dung, hình thức nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của cuốn sách.
 - Một vài chi tiết, hình ảnh, sự việc quan trọng, thú vị trong cuốn sách để làm bằng chứng minh họa cho bài nói.
 - Nhận xét hoặc nêu ấn tượng/ cảm xúc về cuốn sách.
 - Cách thức thể hiện bài giới thiệu sách, ví dụ như: đóng vai, biểu diễn một phần/ đoạn nào đó của cuốn sách (nếu có thể).
 - Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài nói, ví dụ: hình ảnh minh họa cho cuốn sách.
- Dựa trên dàn ý đã lập cho bài viết để lập dàn ý cho bài nói.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Sử dụng thẻ ghi chú để tóm tắt những từ ngữ quan trọng và sắp xếp các thẻ theo thứ tự trình bày.
- Trích dẫn một số câu văn, câu thơ, lời thoại giữa các nhân vật, chi tiết, hình ảnh, sự việc,... trong cuốn sách và sử dụng một số phương tiện trực quan như: hình ảnh, âm thanh, hoặc video clip, sơ đồ,...
- Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu, âm lượng, tốc độ và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp; thể hiện sự tương tác với người nghe trong khi nói.
- Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi về cuốn sách.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài giới thiệu sách của mình và của các bạn:

Bảng kiểm kĩ năng trình bày, giới thiệu một cuốn sách

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở đầu	Chào người nghe và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân.		
	Giới thiệu cuốn sách: tên tác phẩm, thể loại, tên tác giả, tên nhà xuất bản.		
	Nêu cảm nhận/ ấn tượng nổi bật về cuốn sách.		
Nội dung chính	Tóm tắt ngắn gọn nội dung, chủ đề, thông điệp của cuốn sách.		
	Trình bày nhận xét, đánh giá về giá trị của cuốn sách (nội dung, hình thức nghệ thuật).		
Kết thúc	Tóm tắt nội dung trình bày.		
	Khích lệ người nghe tìm và đọc sách.		
	Cảm ơn và chào kết thúc.		
Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe	Tương tác với người nghe trong quá trình nói.		
	Diễn đạt rõ ràng, rành mạch, đáp ứng yêu cầu bài nói.		
	Kết hợp sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày.		
	Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe.		

ÔN TẬP

1. Trình bày đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim.
2. Tóm tắt các đặc điểm của những văn bản đã học vào bảng sau (làm vào vở):

Phương diện tóm tắt	Chuyến du hành về tuổi thơ	"Mẹ vắng nhà" – Bộ phim tuyệt đẹp về những đứa trẻ thời chiến tranh	"Tốt-tô-chan bên cửa sổ": Khi trẻ con lớn lên trong tình thương
Mục đích viết			
Nội dung chính			
Cấu trúc			
Cách thể hiện thông tin			

3. Xác định thành phần biệt lập và nêu chức năng của chúng trong các trường hợp sau:
 - a. – *Trời ơi, thật là tội nghiệp! Con trần đã cắn vào chân mày rồi. Tao sẽ bôi thuốc chữa cho, đừng quên trả ơn đấy nhé.*
(Truyện cổ tích Hàn Quốc, Non-bu và Heng-bu)
 - b. *Trong cái buổi chiều nhạt nắng ấy, hai chị em tôi đã có một cuộc trò chuyện thật đặc biệt – cuộc trò chuyện mở ra một khởi đầu mới cho mối quan hệ của chúng tôi.*
(Giấc Can-phiu & Mác Vích-to Han-xen, *Chị sẽ gọi em bằng tên*)
 - c. *Thầy Phu bây giờ đã qua đời, Lợi đã rất lâu tôi chưa gặp lại mặc dù lần nào về quê tôi cũng đi tìm nó. Nghe nói nó đã đi lập nghiệp ở phương xa.*
(Nguyễn Nhật Ánh, *Tuổi thơ tôi*)
4. Viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim như thế nào để hấp dẫn người đọc?
5. Ghi vào thẻ những kĩ năng trình bày, giới thiệu về một cuốn sách và chia sẻ với các bạn.
6. Theo em, vì sao việc đọc một cuốn sách, xem một bộ phim được ví như “chuyến du hành vào vùng đất mới”?

ÂM VANG CỦA LỊCH SỬ

(Truyện lịch sử)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ.
- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định.
- Viết được bài văn kể lại một chuyến đi đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ, tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố ấy trong văn bản.
- Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi về một vấn đề của đời sống, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
- Trân trọng lịch sử, tự hào về cốt cách kiên cường của dân tộc.

Từ xưa đến nay, để lịch sử được lưu truyền, các nhà viết sử đã từng tìm cách chép sử lên tre, gỗ, giấy tốt, thậm chí lên cả các vật liệu bền vững, quý hiếm như đá quý, kim hoàn,... Nhưng dù chép vào đâu, kí ức lịch sử cũng khó có thể lưu giữ được bền lâu như chép vào tâm trí và lòng người qua tác phẩm nghệ thuật. Ở đó, các sự kiện, nhân vật, bối cảnh lịch sử đã được biến thành truyện, thành hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo.

Trong bài học này, qua việc đọc một số văn bản trích từ các truyện *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), *Lá cờ thù sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng), *Búp sen xanh* (Sơn Tùng),... em sẽ học cách đọc truyện lịch sử và hiểu thêm về lịch sử đất nước, cốt cách của con người Việt Nam.

? *Sức sống và âm vang của lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống của con người và đất nước?*



TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện lịch sử

Truyện lịch sử là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,...) làm nội dung chính. Trong khi kể lại các sự kiện, nhân vật, truyện lịch sử thường làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc.

Đặc điểm của truyện lịch sử thể hiện qua các yếu tố như *bối cảnh (thời gian – không gian), cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ,...*

Bối cảnh (thời gian – không gian): Truyện lịch sử tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ. Quá khứ ấy thường cách xa thời điểm tác giả viết tác phẩm. Không gian truyện lịch sử gắn với thời gian, xác định niên đại, thời đại cụ thể. Trong bối cảnh (thời gian – không gian) ấy, cuộc sống con người và không khí thời đại hiện lên rõ nét, không lẫn với thời gian, không gian khác.

Cốt truyện đơn tuyến là cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất. Các truyện ngụ ngôn, truyện cười dân gian và phần lớn các truyện ngắn hiện đại thường có loại cốt truyện này.

Cốt truyện đa tuyến là cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyến truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau. Các tác phẩm tự sự nhiều chương/ hồi như truyện lịch sử, truyện khoa học viễn tưởng, truyện trinh thám, tiểu thuyết hiện đại,... thường dùng cốt truyện đa tuyến.

Cốt truyện trong truyện lịch sử: Truyện lịch sử cần kết nối nhiều loại sự kiện liên quan đến quá trình hình thành, hưng thịnh, diệt vong của các nhà nước, những biến cố lớn trong đời sống xã hội ở một quốc gia, quan hệ giữa các quốc gia,... nên thường sử dụng cốt truyện đa tuyến. Đó là kiểu cốt truyện trình bày một hệ thống sự kiện phức tạp, liên quan đến nhiều tuyến nhân vật vận động, phát triển đồng thời. Các tuyến sự kiện này có thể được kể song hành, đan xen nhau trong cùng một chương/ hồi của truyện. Ví dụ trong *Hoàng Lê nhất thống chí* có các tuyến truyện: (1) *Tuyến về Chúa Trịnh – Vua Lê* gắn với quá trình suy tàn của chính quyền phong kiến Lê – Trịnh dẫn đến cảnh triệt hạ, tàn sát lẫn nhau để tranh giành quyền lực; (2) *Tuyến về Quang Trung Nguyễn Huệ* với những chiến công oanh liệt từ những lần tiến quân ra Bắc dẹp loạn, đánh đuổi ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi,...

Nhân vật: Trong truyện lịch sử, nhân vật chính thường là những nhân vật mà cuộc sống, sự nghiệp của họ có ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử của một dòng tộc, một quốc gia,... tên tuổi, công trạng được ghi chép trong lịch sử. Nhân vật phụ trong truyện thường do người viết bổ sung, có thể không có vai trò quan trọng về lịch sử, nhưng cần thiết cho việc làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính.

Đối với các nhân vật, sự kiện có thật, gắn với bối cảnh thời gian – không gian xác định trong quá khứ, được các tài liệu lịch sử ghi chép lại hoặc người đời truyền tụng, người viết truyện lịch sử thường tôn trọng, tái hiện một cách chân thực. Nhưng để tái hiện, làm sống dậy các sự kiện, nhân vật ấy, nhà văn phải sử dụng trí tưởng tượng của mình để tạo ra các chi tiết về ngoại hình, hành vi, tâm lí, lời nói,... của nhân vật chính; tạo ra các nhân vật phụ, cảnh quan, không khí lịch sử bao quanh nhân vật. Vì thế, truyện lịch sử cần đến sự hư cấu.

Ngôn ngữ: Truyện lịch sử cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một niên đại, thời đại đã qua nên ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch sử. Sắc thái này thể hiện qua các hệ thống chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong một bối cảnh lịch sử cụ thể.

Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến

Kiểu câu	Chức năng	Đặc điểm
Câu kể (Câu trần thuật)	Kể, miêu tả, thông báo, nhận định,...	Thường kết thúc bằng dấu chấm (.).
Câu hỏi (Câu nghi vấn)	Hỏi.	– Sử dụng các từ nghi vấn (ai, gì, nào, tại sao, vì sao, bao giờ,...). – Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (?).
Câu cảm	Biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết).	– Sử dụng các từ ngữ cảm thán: ôi, chao, chao ôi, chà, trời,... hoặc các từ chỉ mức độ của cảm xúc như: quá, lắm, thật,... – Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!).
Câu khiến	Yêu cầu, đề nghị, ra lệnh,...	– Sử dụng những từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ; đi, nào,... – Thường kết thúc bằng dấu chấm than (!).

Câu khẳng định, câu phủ định

Kiểu câu	Chức năng	Đặc điểm
Câu khẳng định	Khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc,... trong câu.	– Thường không có phương tiện diễn đạt riêng. – Có thể bắt gặp trong câu khẳng định những cấu trúc: <i>không phải không, không thể không, không ai không,...</i>
Câu phủ định	Phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng, sự việc,... trong câu.	– Thường sử dụng các từ ngữ phủ định như: <i>không, chẳng, không phải, chẳng phải, chả,...</i> – Có thể bắt gặp trong câu phủ định những cấu trúc: <i>làm gì..., mà...</i> Ví dụ: Nó làm gì biết.

VĂN BẢN 1

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

Ngô gia văn phái

Hoàng Lê nhất thống chí (Truyện lịch sử về công cuộc thống nhất nhà Lê) còn có tên là *An Nam nhất thống chí* (Truyện lịch sử về việc thống nhất cõi An Nam), do Ngô gia văn phái – những tác giả họ Ngô ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội) sáng tác. Tác phẩm viết bằng chữ Hán, kết cấu theo kiểu truyện chương hồi Trung Quốc, gồm 17 hồi. Nội dung khắc hoạ sinh động bức tranh rộng lớn của xã hội Việt Nam khoảng ba mươi năm cuối thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX với nhiều câu chuyện, sự kiện, nhân vật.

Văn bản dưới đây trích một phần Hồi thứ hai (kể lại việc kiêu binh¹ nổi loạn, phò chúa mới Trịnh Tông lên ngôi sau khi truất quyền chúa cũ Trịnh Cán, đã trở nên kiêu căng, hành động càn quấy, gây bao tai hoạ, náo động chốn kinh thành) và một phần Hồi thứ mười bốn (kể lại việc Vua Quang Trung đại phá quân Thanh).

¹ *Kiêu binh*: binh lính kiêu căng. Ở đây chỉ đám binh lính gốc ở Thanh – Nghệ, tự cho mình có công phò lập Chúa Trịnh Tông, đã sinh thói kiêu căng, coi thường luật lệ, từng làm cho trong và ngoài triều chính thời đó hết sức điều đứng, khổ sở. Sử Việt gọi đó là loạn kiêu binh hay nạn kiêu binh.

Chuẩn bị đọc

Em biết gì về thời Vua Lê – Chúa Trịnh hay về những chiến công của Hoàng đế Quang Trung? Hãy chia sẻ cùng các bạn trong lớp.

Trải nghiệm cùng văn bản

Hồi thứ hai

*Lập Điện đô, bảy quan nhận di chúc,
Giết Huy quận, ba quân phò Trịnh vương*

Lược dẫn: *Trịnh Sâm mê Đặng Thị Huệ, bỏ con trưởng (Trịnh Tông), lập con thứ (Trịnh Cán), gây nên sự lục đục trong phủ chúa. Quận Huy Hoàng Đình Bảo, một vị đại quan của Trịnh Sâm đứng về phe Đặng Thị Huệ phò Trịnh Cán. Nhân lúc Chúa Trịnh Sâm lâm bệnh nặng sắp qua đời, Quận Huy và phe cánh Đặng Thị Huệ vội vàng đưa Trịnh Cán chính thức kế vị ngôi chúa, tuy Cán còn rất nhỏ tuổi. Trịnh Tông và đám binh lính vốn căm ghét Quận Huy và Đặng Thị Huệ bèn bàn mưu nổi loạn. Kiều binh tấn công phủ chúa, Quận Huy đơn độc cuời voi ra trận. Cuộc chiến không cân sức. Kiều binh hung hãn giết chết anh em Quận Huy và giành chiến thắng một cách dễ dàng.*

[...]

Anh em Quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò Thế tử Tông¹ lên phủ đường. Họ kiệu thế tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng:

– Xin ngòi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng cho thỏa lòng vui của mọi người!

Trong lúc gấp vội không có kỉ sập², họ vẫn phải dùng tạm chiếc mâm vãn bày cổ lộc làm ghế, đặt thế tử ngòi lên, rồi tám người kê vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỗi lại hạ xuống vai, rồi vai mỗi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta giỡn quả cầu hoặc rước pho

¹ *Thế tử Tông*: tức Trịnh Tông, con trai của Chúa Trịnh Sâm, mẹ là Thái phi Dương Ngọc Hoan. Đáng lẽ Trịnh Tông được làm thế tử nối ngôi chúa nhưng Trịnh Sâm yêu chuộng Đặng Thị Huệ, nên lập Trịnh Cán làm thế tử. Năm 1782, Trịnh Sâm chết, Trịnh Cán lên ngôi mới khoảng năm, sáu tuổi. Triều đình chia làm hai phe: phe Trịnh Cán do Đặng Thị Huệ và Quận Huy Hoàng Đình Bảo cầm đầu, còn Trịnh Tông được Thủy trung hầu và một số đại thần quan lại che chở. Trịnh Tông dựa vào một số gia thần để mưu việc nổi lên chống phe Trịnh Cán, cướp lại ngôi chúa.

² *Kỉ sập*: (*kỉ*: ghế hay bàn nhỏ kiểu cổ, thường có chạm khắc hình để trang trí; *sập*: đồ dùng bằng gỗ để nằm, mặt liền với chân, xung quanh có diềm) chỉ chung các đồ dùng bằng gỗ để ngồi, nằm, làm việc hay để bày trí vật dụng.

tượng Phật. Mỗi lần thể tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò vang lên một chặp. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ. ¹

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phát ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kể qua người lại trên đường đều hí hửng nói: “Chúa ta lập rồi!”. Thế là họ truyền miệng nhau mà vui mừng, kinh kì¹ hôm ấy vì thế mà phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự² ở ngoài phủ đường, các quan đều diu thể tử lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu³ dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các⁴. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng Quận Diễm bế chúa lánh ở một nơi khác, từ sáng đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải dọa: “Không được khóc to, kéo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết!”. Chúa nhỏ sợ hãi, mới không khóc nữa.

Đến đêm, thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi, không ăn uống gì được, bệnh càng thêm nguy kịch.

Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ thì thưởng một trăm lạng vàng và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cuộc không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan tham tụng Tứ Xuyên hầu thay chúa nhỏ làm một tờ khải⁵ xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khải làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung quốc công. Được ít lâu sau thì Cung quốc công qua đời.

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em Quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập Thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của Quận Huy.

Liên hệ

- ¹ Cảnh kiêu binh phò Trịnh Tông lên ngôi ở đây có gì khác so với cảnh lên ngôi của vua chúa ngày xưa mà em biết hoặc hình dung?

¹ Kinh kì: vùng trong (kinh) và vùng ngoài (kì) của kinh đô (gần như nội, ngoại thành của thủ đô).

² Sập ngự: (ngự: từ đi kèm danh từ chỉ vật dụng dành riêng cho vua chúa) sập dành riêng cho vua chúa.

³ Thánh mẫu: ở đây là mẹ của Trịnh Sâm (gọi theo kiểu tôn xưng bậc thánh).

⁴ Cửa các: cửa lớn để ra vào kinh thành, cung vua, phủ chúa hay nhà có lầu cao.

⁵ Khải: trình bày, thuật lại.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn:

– Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá huỷ dinh thự Quận Huy anh em ơi!

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của Quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ, hễ ai thuộc bè đảng Thị Huệ và Quận Huy, cùng những người dự vào việc tổ giặc vụ án năm Canh Tý¹, những viên quan hầu mọi ngày có tính ngiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kì, lên đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa mới tạm dừng, nhưng việc lùng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt... 2

Suy luận

- 2 Em có nhận xét gì về hành động của đám kiêu binh?

Hồi thứ mười bốn

*Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài*



¹ Vụ án năm Canh Tý: một vụ án lớn đã xảy ra vào tháng 9 năm Canh Tý (1780) ngay trong phủ Chúa Trịnh, mà bên nguyên đơn là Nguyễn Huy Bá, người theo phe Tuyên phi Đặng Thị Huệ và bị can là Trịnh Khải (còn có tên là Tông, con trưởng của Tĩnh Đô vương Trịnh Sâm) cùng với một số đại thần đương thời. Theo sử Việt, vụ án này đã làm cho nội bộ nhà Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài thêm rạn nứt, suy yếu.

Lược dẫn: Kiêu binh ỷ vào công phò lập Trịnh Tông, ngày càng lộng hành, gây ra cảnh loạn lạc, chúa mới Trịnh Tông chẳng khác nào con rối trong tay chúng. Nguyễn Huệ bấy giờ ở trong Nam phải kéo quân ra Bắc để dẹp loạn kiêu binh, đưa Lê Chiêu Thống lên ngôi vua. Khi Nguyễn Huệ quay vào Nam, Trịnh Bồng lại nhẩy ra chiếm ngôi chúa, mâu thuẫn giữa Vua Lê – Chúa Trịnh tái diễn gay gắt. Nguyễn Hữu Chỉnh được Nguyễn Huệ sai ra Bắc diệt Trịnh Bồng. Vua Lê dựa vào thế lực của Nguyễn Hữu Chỉnh đốt sạch cơ ngơi của Chúa Trịnh. Nhưng Nguyễn Hữu Chỉnh ngày càng lộng quyền, Nguyễn Huệ lại phải sai Vũ Văn Nhậm ra Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh. Lê Chiêu Thống biết tin, vô cùng hoảng sợ, chạy sang cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh nhân cơ hội ấy cất quân sang xâm chiếm nước ta.

Trước tình hình đó, Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi vua (niên hiệu Quang Trung) tại Phú Xuân (Thừa Thiên Huế). Vua Quang Trung gặp mưu sĩ Nguyễn Thiếp để trù định về sách lược đánh giặc; tuyển thêm quân ở Nghệ An và mở tiệc khao quân, hẹn với tướng sĩ sẽ mừng chiến thắng và đón Tết Kỷ Hợi ở Thăng Long, sau đó đích thân cầm quân thân tốc tiến ra Bắc đánh đuổi quân Thanh. ³

Theo dõi

- ³ Chú ý diễn biến và chỉ ra mối quan hệ giữa các sự kiện, tuyến sự kiện qua các đoạn lược dẫn cả ở Hồi thứ hai và Hồi thứ mười bốn.

[...]

Vua Quang Trung bèn sai mở tiệc khao quân, chia quân sĩ ra làm năm đạo, hôm đó là ngày 30 tháng Chạp. Rồi nhà vua bảo kín với các tướng rằng:

– Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mùng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác! ⁴

Suy luận

- ⁴ Câu nói này thể hiện nét tính cách gì của Vua Quang Trung?

Sau đó nhà vua truyền lệnh: Các viên tướng ở trung quân thuộc về doanh vua sai phải là Đại tư mã Sở; Nội hầu Lân đốc suất tiền quân làm tiên phong; Hám hồ hầu đốc suất hậu quân làm đốc chiến; Đại đô đốc Lộc, Đô đốc Tuyết đốc suất tả quân, trong đó gồm có thủy quân, vượt biển vào sông Lục Đầu; rồi Tuyết vẫn kinh lý vùng Hải Dương để tiếp ứng với mặt đông; còn Lộc thì đi gấp lên các hạt Lạng Sơn, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường về của quân Thanh; Đại đô đốc Bảo, Đô đốc Long đốc suất hữu quân, trong đó gồm quân voi và quân kỵ mã¹; Long xuyên qua huyện Chương Đức, theo đường đến thẳng làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì để đánh ngang vào đồn quân Điện Châu; Bảo thì thống đốc quân voi ngựa dò đường Sơn Minh ra làng Đại Áng, huyện Thanh Trì để tiếp ứng cho cánh hữu.

¹ Quân kỵ mã: quân chuyên cưỡi ngựa.

Cả năm đạo quân đều lay vâng mệnh lệnh, đúng ngày, gióng trống lên đường ra Bắc¹.

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trần thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toàn quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nót. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi² đều không biết gì cả.

Nửa đêm ngày mùng 3 tháng Giêng, năm Kỷ Dậu (1789), Vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặn lội vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.

Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rom đắp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ “nhất”; Vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mùng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi³. Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.

Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quãng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.

Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết⁴. [...] Quân Thanh đại bại.

¹ Theo *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục* (được gọi tắt là *Cương mục*) – bộ chính sử của triều Nguyễn – trước khi tiến quân ra Bắc, Vua Quang Trung có viết thư cho Tôn Sĩ Nghị vờ xin đầu hàng để khơi gợi lòng kiêu căng, khinh địch của Nghị.

Theo *Lê triều dã sử*, khi tiến quân ra Thăng Long, Vua Quang Trung bày cho quân lính cứ ba người một tổ thay phiên vòng nhau đi, thành ra quân thấy đi liên miên không phải dừng mà ai nấy đều lần lượt được nghỉ. Do đó, quân Tây Sơn đã hành binh cực kì thần tốc (chú thích của dịch giả).

² Hà Hồi, Ngọc Hồi: hai địa danh thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây; sau năm 2008, khi nhập về Hà Nội, hai địa danh này thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

³ Theo dã sử, lúc này Vua Quang Trung sai đốt hết lương thực và tự mình quần khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến quyết thắng, không chịu lùi (chú thích của dịch giả).

⁴ *Cương mục* ghi Sầm Nghi Đống thắt cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi là gò Đống Đa). Theo *Bang giao lục*, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là hai mươi bảy vạn (chú thích của dịch giả).

Trước đó, Vua Quang Trung đã sai một toán quân theo bờ đê Yên Duyên kéo lên, mở cờ gióng trống để làm nghi binh ở phía đông. Đến lúc ấy, quân Thanh chạy về trông thấy, càng thêm hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà trốn. Chợt lại thấy quân voi từ Đại Áng tới, quân Thanh đều hết hồn hết vía, vội trốn xuống đầm mực, làng Quỳnh Đô (thuộc Thanh Trì, Hà Nội), quân Tây Sơn lừa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người.

Giữa trưa hôm ấy, Vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành (có sách chép khi Quang Trung vào Thăng Long, chiếc chiến bào màu đỏ đã bị nhuộm đen vì khói thuốc súng).

Nguyên trước đó, Đô đốc Long đốc suất hữu quân đã đem binh đến đóng ở làng Nhân Mục huyện Thanh Trì. Lúc Vua Quang Trung đang đánh với quân Thanh ở Ngọc Hồi, thì sáng hôm ấy Long đã đánh tên Thái thú Điền Châu ở trại Khương Thượng¹ thuộc huyện Quảng Đức. Quân Thanh tan vỡ bỏ chạy, Long liền tiến trước vào thành.

Lại nói **5**, Tôn Sĩ Nghị và Vua Lê ở thành Thăng Long, tuyệt nhiên không nghe tin cấp báo gì cả. Cho nên trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc². Nào hay cuộc vui chưa tàn, cơ trời đã đổi. Ngày mùng 4 bỗng thấy quân ở đồn Ngọc Hồi chạy về cáo cấp. Thật là: “Tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên”. Bọn ấy lại nói:

Theo dõi

5 Từ đây, tuyến truyện có gì thay đổi?

– Quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết cả. Ở đây cách đồn Ngọc Hồi không xa, sớm chiều thế nào cũng bị đánh tới.

Tôn Sĩ Nghị hoảng hốt sợ hãi, lập tức sai lãnh binh Quảng Tây là Thang Hùng Nghiệp dẫn viên hàng tướng Tây Sơn là Phan Khải Đức đem nghĩa binh tới cứu; lại sai hai mươi lính kỵ mã ở dưới trướng của mình cùng đi với Nghiệp, và dặn họ rằng:

– Trong khoảng chốc lát, phải tiếp tục báo tin về ngay.

Ý của Nghị chỉ lo có một mặt đó, không ngờ lại có mặt khác ập tới. Canh tư đêm ấy, chợt nghe ở phía tây bắc thành, tiếng súng nổ ùng ùng không ngớt. Nghị vội sai người cưỡi ngựa ra xem, thì nghe báo tin đồn quân Điền Châu tan vỡ, quân Tây Sơn đã vào cửa ô, (...) khói lửa bốc lên đầy trời rồi.

¹ Trại Khương Thượng: tức làng Khương Thượng, nay thuộc thành phố Hà Nội (chú thích của dịch giả).

² Bất trắc: ý nói không lường trước được.

Tôn Sĩ Nghị sợ mất mặt, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp, dẫn bọn lính kị mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy. Quân sĩ các doanh nghe tin đều hoảng hồn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống chết rất nhiều. Lát sau cầu lại bị đứt, quân lính đều rơi xuống nước, đến nỗi nước sông Nhĩ Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa¹.

Vua Lê ⁶ ở trong điện, nghe tin có việc biến ấy, vội vã cùng bọn Lê Quýnh, Trịnh Hiến đưa Thái hậu² ra ngoài. Cả bọn chạy đến bến sông thì thấy cầu phao đã đứt, thuyền bè cũng không, bèn gấp rút chạy đến Nghi Tàm, thỉnh lính gặp được một chiếc thuyền đánh cá, bèn cướp lấy rồi chèo

Suy luận

6 Phần kể về Vua Lê Chiêu Thống có phải là một tuyến truyện khác không? Vì sao?

sang bờ bắc. Trưa ngày mùng 6, Vua Lê và những người tùy tùng chạy đến núi Tam Tầng, nghe nói Tôn Sĩ Nghị đã đi khỏi đó. Bấy giờ quân Thanh chạy về nước, trên đường đông nghịt như chợ, đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi. Vua đưa Thái hậu cùng đi với họ đến đồn Hoà Lạc, thì gặp một người thổ hào³. Hồi trước Vua Lê chạy ra ngoài, người ấy đã được biết mặt; lúc đó thấy vua, người ấy bất giác rơi lệ, nhân tiện mời vua vào trại trong núi tạm nghỉ. Bấy giờ, Vua Lê và mấy người tùy tùng luôn mấy ngày không ăn, ai nấy đều đã mệt lử. Người thổ hào kia liền giết gà làm cơm thết đãi. Vua sai bưng một mâm lên mời Thái hậu, còn mình thì cùng ăn với bọn Quýnh, Hiến ở mâm dưới. Ăn xong, chợt nghe quân Tây Sơn đã đuổi đến nơi, vua cuống quýt bảo người thổ hào rằng:

– Muôn đời hậu tình⁴, không có gì để báo đáp, chỉ có trời cao đất dày chứng giám tác lòng thành của ông mà ban phúc cho thôi. Bấy giờ quân giặc gần tới, trước mắt đây còn có con đường sông nào để có thể chạy gấp lên cửa ải, xin tính kế ngay cho.

Người thổ hào vội vã sai con đưa đường, theo lối tắt trong núi mà đi. Trời nhá nhem tối thì nhà vua đến cửa ải, theo kịp chỗ nghỉ của Tôn Sĩ Nghị. Một lát, các viên quan khác cũng lục tục kéo theo đến, cùng nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Tôn Sĩ Nghị cũng lấy làm xấu hổ.

Phần tiếp theo: *Vua Lê Chiêu Thống cùng thái hậu, một số cận thần theo đám tàn quân chạy sang Trung Quốc nương náu nhà Thanh, rồi một thời gian sau ông ta mất ở bên đó.*

(In trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, Ngô gia văn phái, bản dịch của Nguyễn Đức Vân – Kiều Thu Hoạch, NXB Văn học, 1987)

¹ Có sách chép, đạo quân Vân – Quy lúc này mới kéo sang đến Sơn Tây, nghe tin Nghị thua chạy nên cũng vội vàng tìm đường tháo lui (chú thích của dịch giả).

² Thái hậu: hoàng thái hậu (nói tắt), mẹ của vua.

³ Thổ hào: (thổ: đất, địa phương; hào: đứng đầu, mạnh thế hơn người) kẻ có quyền thế ở một địa phương trong xã hội cũ.

⁴ Hậu tình: tình cảm nồng hậu, ở đây chỉ cách đối xử đầy đặn, thân tình.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Vẽ sơ đồ tóm tắt chuỗi sự kiện chính trong đoạn trích *Hồi thứ hai* và đoạn trích *Hồi thứ mười bốn*. Chỉ ra mối liên hệ giữa hai đoạn trích này.
2. Nét tính cách nổi bật của nhân vật Vua Quang Trung được thể hiện trong văn bản là gì? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật nét tính cách ấy.
3. Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện của tác giả (chú ý cách sử dụng ngôi kể, kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật,...).
4. So sánh thái độ, tình cảm của tác giả khi viết về Vua Quang Trung – nghĩa quân Tây Sơn và về anh em Trịnh Tông – đám kiêu binh, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị, đội quân xâm lược nhà Thanh. Theo em, cách thể hiện thái độ như vậy có phù hợp với truyền lịch sử hay không? Vì sao?
5. Qua văn bản, em hiểu thêm điều gì về Vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh của nhân dân ta.
6. So sánh cốt truyện trong văn bản trên đây với cốt truyện trong một văn bản mà em đã đọc, chỉ ra điểm khác biệt và điểm tương đồng (nếu có) giữa cốt truyện đa tuyến với cốt truyện đơn tuyến.

VĂN BẢN 2

VIÊN TƯƠNG TRỞ VÀ CON NGỰA TRẮNG¹

Nguyễn Huy Tưởng



¹ Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*. Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Lá cờ thêu sáu chữ vàng gồm 18 chương, kể câu chuyện về Trần Quốc Toản – Hoài Văn Hầu, người anh hùng tuổi nhỏ, chí lớn đã cùng quân tướng nhà Trần lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược. Phần văn bản dưới đây được trích từ các Chương VIII, IX, XI, XII – XIII của tác phẩm.

Chuẩn bị đọc

Trong *Đại Nam quốc sử diễn ca* có hai dòng thơ lục bát ca ngợi một nhân vật lịch sử thời nhà Trần:

... tuổi trẻ chí cao
Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công.

Em biết nhân vật ấy là ai, có công trạng gì mà được tôn vinh như vậy hay không? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.

Trải nghiệm cùng văn bản

Lược dẫn: Từ bến Bình Than trở về với nỗi buồn và sự thất vọng vì bị xem là một đứa trẻ không được bàn việc nước, không được tham gia đánh đuổi quân Nguyên, Hoài Văn quyết tâm dựng cờ chiêu mộ binh lính, cùng nhau rèn luyện võ nghệ đánh giặc để thể hiện lòng yêu nước và báo đền ơn vua. Đạo quân của Hoài Văn gồm hơn sáu trăm chàng trai trẻ rất thiện chiến, tự tìm giặc mà đánh.

VIII

Hoài Văn Hầu mặc áo bào đỏ, vai mang cung tên, lưng đeo thanh gươm gia truyền¹, mình ngồi trên một con ngựa trắng phau. Chàng giữ vẻ uy nghiêm của một vị chỉ huy. Theo sau Hoài Văn là người tướng già, mặt sạm đen vì sương gió, chòm râu dài trắng như cước. Tiếp sau là sáu trăm gã hào kiệt², nón nhọn giáo dài. Đoàn quân hùng hổ ra đi trên con đường cái nhỏ, hai bên là đồng không mông quạnh. Tiếng chiêng tiếng trống rộn rinh.

Đoàn quân đã đi xa. Bà con ra tiễn vẫn còn trông thấy lá cờ đỏ đề sáu chữ vàng mở đường đi trước. Lá cờ căng lên vì ngược gió. ❶

Hình dung

- ❶ Em hình dung thế nào về đoàn quân của Hoài Văn?

¹ Gia truyền: do các đời trước truyền lại, được trân trọng, giữ gìn từ đời này qua đời khác.

² Hào kiệt: người có tài cao, chí lớn, hơn hẳn người thường.

IX

Lá cờ thêu sáu chữ vàng mỗi lúc một căng lên vì ngược gió.

Sáu trăm gã hào kiệt đi tìm quan quân.

Nhưng quan quân ở đâu? Họ không biết nữa.

Hoài Văn nói:

– Bây giờ dù có tìm được quan quân, quan quân lại đuổi về thôi. Chẳng bằng ta đi tìm giặc, đánh vài trận cho người lớn biết tay anh em ta đã.

Sáu trăm gã thưa:

– Vương tử nói phải. Ta đi tìm giặc mà đánh.

Và họ tiến theo hướng bắc. Và lá cờ đỏ căng lên vì ngược gió. Những cánh đồng Võ Ninh đã hết. Họ tiến vào vùng đồi đất. Chẳng mấy chốc, đồi đất cũng lùi xa. Họ lọt vào giữa rừng núi. Rừng mỗi lúc một rậm, núi mỗi lúc một cao, suối mỗi lúc một nhiều, dân mỗi lúc một thưa. Họ cảm thấy càng đi lên càng gần mặt trận. Lòng họ vui như Tết. Nhưng đi đã mấy ngày đêm liền, họ vẫn chẳng thấy tăm hơi giặc. Mắt chỉ thấy núi rừng âm u. Tai chỉ nghe tiếng hoẵng kêu, vượn hú.

Một buổi chiều, sau một ngày lội suối trèo đèo vất vả, sáu trăm gã hào kiệt đổ vào một cánh đồng cỏ rộng, núi vây bốn phía. Lung chừng núi, lác đác mấy cái xóm thổ dân.

Lược thuật (đoạn cuối Chương IX và Chương X): Đoàn quân của Hoài Văn lọt vào ổ mai phục của một toán quân lạ. Hai bên sắp sửa giao chiến. Nhưng nhờ kinh nghiệm và sự tháo vát của người tướng già, Hoài Văn biết rằng toán quân lạ kia, gồm những tráng sĩ người Mán yêu nước, do Thế Lộc làm thủ lĩnh. Hai bên hợp lực với nhau, xây dựng trận địa mai phục ở vùng rừng núi hiểm trở, để đánh đuổi quân Nguyên xâm lược.

XI

Các tráng sĩ Mán¹ và sáu trăm gã hào kiệt chia nhau đi bố trí trên các ngọn núi chung quanh cánh đồng Ma Lục. Trên động chỉ để một số tráng sĩ giữ việc giết bầy đá và điều khiển thần tượng. Bên thần tượng, dựng một lá cờ đại đề sáu chữ: PHÁ CƯỜNG ĐỊCH² BẢO HOÀNG ÂN³. ②

Tóm tắt

- ② Theo dõi và tóm tắt trận đánh của liên quân Hoài Văn – Thế Lộc.

¹ Mán: tên khác của dân tộc Dao, sống một số nơi ở vùng núi phía bắc.

² Cường địch: chỉ bọn giặc đông và đang ở thế mạnh.

³ Hoàng ân: ơn vua.

Lúc ấy đã quá trưa sang chiều. Mây mù phủ trên các chòm cây mồm núi. Nấp trong rừng, Hoài Văn nhìn quân giặc đang lọt thỏm vào thế trận của mình. Bạt ngàn san dã¹ những người và ngựa. Áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo đen lố nhố. Chúng đều đi hia² da thú dữ, đội mũ lông vằn vèo như lông cáo, lông cây. Những ngọn giáo rất dài nhấp nhô theo vó ngựa. Những bao tên lắc lư trên vai, tua tủa những mũi tên bịt sắt. Chúng lỏng lẻo tiến, đầu ngựa sau húc vào mông ngựa trước. Hoài Văn nín thở nhìn quân giặc, người chàng run bắn lên. Chàng nghiêng chặt răng cố lấy lại bình tĩnh.

Thành núi âm vang tiếng ngựa hí ầm ầm. Quân giặc đã lọt vào giữa cánh đồng. Viên tướng giặc xông xáo đi trước. Tới gần dãy núi Ma Lục, nó bỗng dừng lại. Các chiến sĩ của Hoài Văn và Thế Lộc đều nắm chặt đốc gươm, cán giáo. Những đội bắn giỏi thì kéo thử dây cung cho dẻo gân tay, ngắm sẵn đường tên cho trúng đích.

Viên tướng giặc nhìn lên lưng chừng núi Ma Lục, nơi vị thần tướng đứng sừng sững bên lá cờ đại. Quân giặc ngồi im trên mình ngựa. Ngựa đi chậm chậm lại, chúng nhìn lên rồi ngo ngác nhìn nhau. Viên tướng giặc giơ roi chỉ trở và quay lại như truyền một lệnh gì cho quân sĩ. Giặc lại tiến từ từ. Chúng nó biết thần tướng là giả hay sao? Hoài Văn tự hỏi mình và tim đập đến vỡ ngực. Nhưng quân giặc tiến một cách rụt rè. Viên tướng giương cung hướng lên thần tướng trên núi, quân nó cũng rậm rập lấp tên. Vừa lúc ấy, trong đám giặc, có những tiếng kêu kinh hãi. Nhiều ngón tay giặc chỉ lên thân cây đa cao đã bị một mũi tên thần xuyên thủng. Chúng hét hoảng chỉ những cây cổ thụ khác cũng bị bắn xuyên. Nhiều đứa lắc đầu lè lưỡi. Trên núi, vị thần tướng bước đi mấy bước, mũi tên thần lấp trên cái nỏ to lớn khác thường đã chĩa thẳng xuống đám quân giặc. Lá cờ đại phồng lên như ra lệnh, nổi rõ sáu chữ kiêu kì. Tiếng trống trên núi vang lên, rung cả bầu trời. Cả cánh đồng ầm ầm như vỡ chợ. Viên tướng quay ngựa chạy ra, và quân giặc cũng giạt lại đằng sau. Ầm, ầm, ầm, ầm, cả ngọn núi cao như ập đổ xuống đầu giặc. Những tảng đá lăn trên núi xuống đè bẹp gí những hàng đầu người ngựa. Quân giặc tranh nhau chạy. Ngựa xô vào nhau ngã lỏng lỏng. Ngựa giẫm lên những tên giặc nằm sóng soài. Ngựa kéo lê những thẳng lưng tưng chưa gỡ được chân ra khỏi vòng kiềng.

Hoài Văn vỗ đùi kêu đôm đốp:

– Cha chả là vui. Quân ta đánh xuống thôi!

Tiếng tù và rúc một hồi đồng đặc. Toán giặc chạy ra đầu tiên ngã chúi dưới một trận mưa tên nổ dữ dội. Những tên sống sót chạy lộn vào, va ập vào đám quân đang học tốc chạy trở ra, người văng từ trên ngựa xuống, ngã tứ tung dưới đất. Tiếng kêu, tiếng gọi thất thanh. Tiếng khóc như ri. Quân giặc tối tăm mặt mũi, chỉ nghe thấy

¹ San dã (hay sơn dã): nơi núi rừng hoang vu.

² Hia: giày vải cao cổ, mũi cong, dùng khi mặc lễ phục trong triều đình phong kiến.

tiếng núi lở ầm ầm, tiếng hò reo của thiên binh vạn mã. Các chiến sĩ áo chàm leo trèo nhanh như vượn, đã tới trước mặt quân giặc từ lúc nào, vung những con dao to bản chém giặc như chặt chuối. Giặc không phân biệt trời đất, ngày đêm, lúng túng chẳng biết chạy đi đâu.

Viên tướng giặc dẫn một cánh quân liều chết đánh và chạy thoát khỏi cánh đồng Ma Lục khủng khiếp. Chúng đang cắm đầu chạy trên một con đường hẻm, bỗng nghe tiếng chiêng trống vang lừng. Trên dốc cao, một đạo quân đã chặn ngang đường. Một tiếng thét lạnh lạnh:

– Bớ quân giặc, đây là đường cùng của chúng bay. Chúng bay còn chạy đi đâu?

Viên tướng giặc nhìn lên trên dốc, hấn giật mình vì lại trông thấy một lá cờ đề sáu chữ, giống như sáu chữ trên núi cao. Tưởng như thần tướng đã lại xuống đây rồi. Thần tướng bây giờ là một người trẻ tuổi, mặt đẹp như ngọc, ngồi trên lưng một con ngựa bạch, tay cầm ngang một ngọn giáo dài.

Hoài Văn chỉ vào mặt tên tướng giặc:

– Bại tướng, đến nước này, chúng bay còn muốn chống lại uy trời đó sao? Hãy bỏ giáo quy hàng, thì còn được toàn tính mạng.

Đằng sau người tướng trẻ, bụi bốc mù mịt, như còn hàng nghìn hàng vạn binh mã. Tên tướng giặc hốt hoảng từ trên yên ngựa nhảy xuống quỳ trước con ngựa bạch của Hoài Văn Hầu. Lá cờ thêu sáu chữ đã nhòe trong bóng tối, nhưng vẫn reo phàn phật. Quốc Toàn bỗng thấy có ai giật áo mình. Cúi xuống thì ra Thế Lộc. Chàng xuống ngựa, nắm tay người bạn núi rừng và nói:

– Chỉ có vài tên chạy thoát, nhưng thế mới tốt. Để cho chúng nó về mà báo cho nhau tin thua trận.

Thế Lộc nói:

– Hôm nay vui lắm, tao phải kết nghĩa anh em với mày. Được không?

– Ai hơn tuổi là anh. Thế Lộc là anh ta vậy.

Trong bóng tối, Quốc Toàn thoáng thấy Thế Lộc mỉm cười.

[...]

XII – XIII

Lược dẫn: Chiêu Thành Vương, chú ruột của Hoài Văn, được lệnh đi đuổi Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc (kẻ đã chủ trương cho giặc mượn đường, nay bí mật đem cả gia đình đầu hàng quân Nguyên, lộ rõ mưu đồ bán nước). Trên đường đuổi theo Trần Ích Tắc, Chiêu Thành Vương bị giặc mai phục ở một vùng rừng núi hiểm trở,

tướng đã cùng đường, phải quyết tử với giặc. Đột nhiên có quân của Thê Lộc và Hoài Văn tiếp cứu. **3**

Các tướng vừa dìu Chiêu Thành Vương lên một quả đồi thì quân giặc ập tới, bủa vây kín chân đồi. Vòng vây siết chặt lại, trùng trùng điệp điệp. Gươm giáo dày như nê-m-cối.

[...]

Phía sau lưng quả đồi cao bên kia đường, bỗng nổi lên những tiếng reo hò. Vương vừa múa gươm gạt những ngọn giáo giặc tua tủa đâm lên, vừa ngược mắt nhìn sang bên đồi ấy. Vương thấy lỗ nhố người và ngựa. Vương nói với viên tướng duy nhất còn sót lại:

– Giặc lại đến thêm, mệnh ta cùng rồi.

Nhưng người tướng reo to:

– Bầm đại vương, dễ không phải giặc... **4**

Người tướng chưa nói hết câu, thì toán quân trên ngọn đồi trước mặt đã lao xuống đường ào ào như thác đổ và đánh thẳng vào sau lưng đám giặc vây ngọn đồi của Chiêu Thành Vương, xé quân giặc ra làm đôi, như đánh rần khúc giữa. Giặc rú lên những tiếng kêu man rợ. Chúng vỡ từng mảng như những bức tường đổ xuống. Vòng vây đang khép chặt quả đồi, phút chốc tan đi như mây khói. Quân sĩ của Chiêu Thành Vương reo hò:

– Quân cứu viện đến rồi.

Và quên cả mệt nhọc, họ từ trên đồi đánh xuống. Người tướng của Chiêu Thành Vương thưa:

– Giặc đã rút rồi!

– Ai đến cứu ta vậy?

Wương định thần nhìn dưới chân đồi, thấy quân giặc chạy nháo nhác như gà, gươm giáo, cung tên quăng bừa bãi. Toán quân đến cứu viện đã làm chúa trên bãi chiến trường. Sức khoẻ của Chiêu Thành Vương hồi lại. Vương vung gươm đánh xuống, vừa đánh vừa hỏi người tướng:

– Có phải là giặc chiêm bao không?

Wương vừa nói xong, thì bỗng thấy phấp phới một lá cờ đề sáu chữ vàng: PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BẢO HOÀNG ÂN. Lá cờ phát cao hùng dũng. Chiêu Thành Vương nhìn lá cờ kì lạ, dụi mắt rồi lại nhìn xem có phải lầm không. Vương tự hỏi:

Theo dõi

3 Từ Chương XI đến Chương XII – XIII, tuyển truyện có gì thay đổi?

Dự đoán

4 Đội quân nào sẽ tiếp viện cho Chiêu Thành Vương?

– Người tướng có lá cờ sáu chữ là đây chẳng?

Quả nhiên, dưới lá cờ, có một người tướng trẻ, mặc áo bào đỏ, cưỡi ngựa trắng. Người tướng trẻ cất tiếng lanh lảnh chỉ huy quân sĩ giết giặc. Vương giật mình, nghe tiếng nói sao quen quen. Vương lại nhìn người tướng trẻ đang bay đi bay lại, trước mặt tung bay lá cờ sáu chữ. Vương thét lên một tiếng kêu kinh ngạc:

– Sao giống cháu ta như đúc?

Người tướng tâm phúc của Vương cũng nói:

– Ai như Hoài Văn Hầu...

– Chẳng có lẽ nào!

Chiêu Thành Vương nheo mắt nhìn người tướng trẻ và reo lên:

– Đúng cháu ta rồi!

Chiêu Thành Vương chạy đuổi theo lá cờ sáu chữ. Đang chạy thì có một bàn tay giữ lại:

– Đại vương nó đây này¹. Đây này!

Đây là Nguyễn Lĩnh, người tráng sĩ Mán mà Vương đã gặp trưa hôm qua. Cùng một lúc, có tiếng chào cung kính:

– Kính lạy đại vương! Đại vương đến lúc nào, chúng con không được biết...

Wương nhìn ra thì là người tướng già. Vương mừng quýnh:

– Ông cũng ở đây ư? Đích thị cháu ta rồi.

Lá cờ sáu chữ bay lại. Con ngựa trắng của người tướng trẻ phi trên những xác giặc ngổn ngang. Chỉ trong nháy mắt, người tướng trẻ đã tới chân đồi, dừng ngựa trước mặt Chiêu Thành Vương. Hai hàng nước mắt chảy ròng ròng trên má sây sạt của người chủ ruột. Hoài Văn kêu lên, tiếng kêu vui sướng:

– Lạy chú ạ! Chú lên đây từ bao giờ?

Chàng nhảy phắt xuống ngựa, quỳ trước Chiêu Thành Vương:

– Cháu không biết chú lên, chậm tới vãn an, xin chú tha tội cho cháu.

Đúng là cháu ta rồi. Vẫn là đứa cháu mặt còn bụ sữa mà sao bây giờ đường đường khí thế hiên ngang. Vẫn là giọng nói của đứa con trai mới vỡ tiếng mà sao rắn rỏi không ngờ. Vương mỉm cười mà nước mắt cứ trào ra. Vương nâng cháu dậy và nói:

– Hậu sinh khả uý. Cháu ta trẻ tuổi mà anh hùng.

¹"Đại vương nó đây này": "Vị đại vương ấy đây này" – cách nói của người dân tộc thiểu số.

Hoài Văn chỉ Thế Lộc cũng vừa chạy tới:

– Đây là người anh kết nghĩa của cháu. Cháu được có ngày nay là nhờ người anh hùng son cước này.

Vương hết nhìn Hoài Văn, lại nhìn những người Mán, rồi lại nhìn những người hào kiệt Võ Ninh tới chào. Dưới chân Vương, xác giặc nằm chất đống, máu chảy như suối từ trên đồi xuống đường. Vương ngược nhìn lên lá cờ sáu chữ, lẩm nhẩm luôn miệng.

– Phá cường địch báo hoàng ân...

Vương kéo lá cờ xuống để nhìn cho rõ. Vương lẳng lẳng gật đầu. Một gã hào kiệt dắt một con ngựa cướp được của giặc, tới trước mặt Chiêu Thành Vương.

Hoài Văn mời chú lên ngựa trở về Ma Lục.
Vương nói:

– Chú không ngờ! Thật chú không ngờ!

Suy luận

- 5 Em hiểu thêm điều gì về nhân vật Hoài Văn qua câu nói này?

(In trong *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, tập hai, NXB Văn học, 1985)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tóm tắt các sự kiện trong văn bản trên và cho biết các sự kiện được kể theo mấy tuyến. Đó là những tuyến nào?
2. Xác định nội dung bao quát của văn bản và cho biết những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử.
3. Nêu những nét tính cách nổi bật của nhân vật Hoài Văn Hầu.
4. Theo em, sự xuất hiện của các nhân vật như Thế Lộc, Chiêu Thành Vương có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Hoài Văn Hầu?
5. Sự lặp lại của hình ảnh lá cờ sáu chữ vàng, con ngựa trắng và đoàn quân gồm toàn những chàng trai trẻ có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?
6. Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể; cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...).
7. Theo em, hình tượng nhân vật Hoài Văn mà nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong văn bản trên có những điểm tương đồng và khác biệt nào so với hình tượng Hoài Văn trong *Đại Nam quốc sử diễn ca*?



Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960) xuất thân trong một gia đình nhà nho ở làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông là tác giả của nhiều truyện lịch sử nổi tiếng như: *Đêm hội Long Trì*, *Sống mãi với Thủ đô*, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, *Kể chuyện Quang Trung*,... và cũng là tác giả của các vở kịch đặc sắc như: *Vũ Như Tô*, *Bắc Sơn*, *Những người ở lại*,...

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐẠI NAM QUỐC SỬ DIỄN CA

Lê Ngô Cát – Phạm Đình Toái

Trải nghiệm cùng văn bản

Chuyện Phù Đổng Thiên Vương

Sáu đời Hùng vận vừa suy,
Vũ Ninh có giấc mới đi cầu tài.
Làng Phù Đổng có một người,
Sinh ra chẳng nói, chẳng cười tro tro.
Những ngờ oan trái bao giờ,
Nào hay thần tướng đợi chờ phong vân¹.
Nghe vua cầu tướng ra quân,
Thoắt ngồi, thoắt nói muôn phần khích ngang.
Lời thừa mẹ, dạ cần vương,
Lấy trung làm hiếu một đường phân minh.
Sứ về tâu trước thiên đình,
Gươm vàng, ngựa sắt đề binh² tiến vào.
Trận mây theo ngọn cờ đào,
Ra uy sấm sét, nửa chiều giặc tan.

¹ Phong vân: (phong: gió, vân: mây) gió và mây.

² Đề binh: đem binh lính đi đánh trận.

Áo nhung cởi lại Linh San,
Thoắt đà thoát nợ trần hoàn¹ lên tiên.
Miếu đình còn dấu cổ viên²,
Chẳng hay chuyện cũ lưu truyền có không?

Hai Bà Trưng dựng nền độc lập

[...]

Bà Trưng quê ở châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chi em nặng một lời nguyên,
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.
Ngàn Tây nổi áng phong trần³,
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.
Hồng quân⁴ nhẹ bước chinh yên⁵,
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành.
Đô kì đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.
[...]

(Trích *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Đinh Xuân Lâm, Chu Thiên phiên âm, khảo dị, hiệu đính, chủ thích, giới thiệu, NXB Văn hoá Thông tin, 2004)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Theo em, nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng* và nhân vật Phù Đổng Thiên Vương trong văn bản trên có những điểm tương đồng và khác biệt nào?

¹ *Nợ trần hoàn*: (*trần hoàn*: trần gian) nợ trần gian. Nợ trần gian xuất phát từ quan niệm cho rằng con người khi được sống trên đời là đã mang một món nợ cần phải trả.

² *Cổ viên*: vườn cũ, ở đây chỉ nơi còn lưu lại dấu tích của Thánh Gióng lúc sinh ra và lớn lên ở làng Phù Đổng.

³ *Phong trần*: ý chỉ những gian nan, vất vả trong cuộc sống.

⁴ *Hồng quân*: (*hồng*: sắc đỏ) nghĩa đen chỉ chiếc quần màu đỏ hay trang phục đẹp, rực rỡ của phụ nữ; nghĩa bóng chỉ người con gái đẹp thời phong kiến.

⁵ *Chinh yên*: (*chinh*: đánh dẹp, đi xa; *yên*: yên ngựa) yên ngựa của người lính, ý nói người lính đi đánh trận nơi xa.

- Phân tích một số chi tiết làm nổi bật phẩm chất anh hùng của Hai Bà Trưng qua đoạn diễn ca *Hai Bà Trưng dựng nền độc lập*.
- Từ các văn bản đã học, đã đọc, em có suy nghĩ gì về tầm quan trọng của việc hiểu biết về lịch sử dân tộc?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

- Tìm trong văn bản *Viên tướng trẻ và con ngựa trắng* ba câu hỏi, ba câu kể và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Câu văn	Kiểu câu	Dấu hiệu nhận biết
1.	Câu hỏi	...
...	...	...
6.	...	...

- Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

– Ta với các người hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!

(Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí)

- Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai?
- Câu: “Các người nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác!” là câu cảm hay câu khiến? Việc dùng kiểu câu đó để kết thúc lời thoại có tác dụng gì?

- Cho câu sau: *Nam đang đọc truyện lịch sử.*

- Dựa vào câu trên, thêm/ bớt từ ngữ để tạo thành câu hỏi, câu cảm, câu khiến.
- Trao đổi kết quả câu a với bạn ngồi cùng bàn. Chỉ ra dấu hiệu nhận biết các kiểu câu này trong bài làm của bạn mình.

- Cho đoạn văn sau:

Khi quân ra đến sông Gián, nghĩa binh trấn thủ ở đó tan vỡ chạy trước. Lúc đến sông Thanh Quyết, toàn quân Thanh đi do thám từ đằng xa trông thấy bóng cũng chạy nốt. Vua Quang Trung liền thúc quân đuổi theo, tới huyện Phú Xuyên thì bắt sống được hết, không để tên nào trốn thoát. Bởi vậy, không hề có ai chạy về báo tin, nên những đạo quân Thanh đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi đều không biết gì cả.

(Ngô gia văn phái, Hoàng Lê nhất thống chí)

a. Xác định câu khẳng định, câu phủ định được dùng trong đoạn văn trên và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Kiểu câu	Câu văn	Dấu hiệu nhận biết
1. Câu khẳng định	...	...
2. Câu phủ định	...	...

b. Nêu tác dụng của câu khẳng định và câu phủ định trong đoạn văn trên.

5. Dùng cụm danh từ “Vua Quang Trung” hoặc “quân Thanh” để đặt câu dưới hai hình thức: câu khẳng định và câu phủ định.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

BẾN NHÀ RỒNG NĂM ẤY...¹

Sơn Tùng

Cảng Nhà Rồng mờ mờ ánh đèn. Đêm hè trải dài theo gió. Gió va vào những boong tàu, dây buồm, phát ra những âm thanh hiu hắt hoà trong tiếng sóng vỗ bờ. Mấy con thuyền câu, bè vó như những chấm đen trôi lững đững trên sông loang loáng ánh đèn. Từ bên Thủ Thiêm, những ngôi sao lạc kẻ từng đường sáng giữa mênh mông.

Anh Ba² ngồi kể vai với anh Tư Lê bên bờ sông. Họ im lặng nhìn xuống dòng sông. Anh Ba về thận trọng hỏi Tư Lê:

– Anh Tư này. – Tư Lê xoay người nhìn vào mặt anh Ba – anh có dám nghĩ đến việc đuổi Tây ra khỏi nước mình không?

– Tôi là người thợ. Nhà tôi có thù với chúng mà, anh Ba!

Khi đọc truyện lịch sử, em nên:

- Xác định và nhận xét cốt truyện, bối cảnh, ngôn ngữ.
- Xác định các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật; làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố đó trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.
- Tìm hiểu nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản.

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

² Anh Ba: một trong những tên gọi của Bác Hồ, nhân vật chính trong tác phẩm. Tài liệu *Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (phần 1)*, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu rõ: “Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi, bắt đầu cuộc hành trình cứu nước. Trong sổ lương của tàu, tên anh là Văn Ba. Những người bạn cùng làm việc với Văn Ba ở tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin (Latouche-Tréville) đều thân mật gọi anh là Ba, anh Ba”. Trong tiểu thuyết *Búp sen xanh*, tên nhân vật (Bác Hồ) thay đổi theo từng giai đoạn: *Thời thơ ấu* (Phần I, Chương I – XII) tên là Côn, “cậu bé Côn”; *Thời niên thiếu* (Phần II, Chương XIII – XXIII) tên là Nguyễn Tất Thành, “thầy giáo Thành”; *Tuổi hai mươi* (Phần III, Chương XXIV – XXX) tên là “anh Ba” (tức Văn Ba).

Hai người lại im lặng. Trước mặt họ một chân trời đen kịt. Anh Ba dè dặt hỏi:

– Anh có giữ kín được không?

– Kín chó. Ồn sâu nghĩa nặng từ kinh đô Huế. Rượu thề kết nghĩa trên sông Phan Thiết, quên làm sao được, anh Ba.

Bóng tối như loăng ra quanh hai người. Anh Ba thì thầm:

– Nỗi khổ của người dân mất nước, chúng mình đã từng tâm sự nhiều lần. Bây giờ... bây giờ mình đã quyết định đi ra nước ngoài... Mình muốn anh cùng đi.

Tư Lê hơi bối rối. Anh cầm bàn tay anh Ba:

– Đi tới đâu hả anh Ba?

– Sang Pháp và... đi tới các nước văn minh khác. Sau khi xem xét họ làm ăn thế nào, chúng mình trở về giúp đồng bào đuổi hết thực dân Pháp ra khỏi đất nước, giành độc lập, tự do...

Tư Lê băn khoăn:

– Đuổi Tây, giành độc lập tự do, sao chúng mình lại sang Tây?

– Tôi đọc báo, đọc sách của những người Pháp viết, họ bàn nhiều đến quyền tự do, bình đẳng, bác ái. Tôi nghĩ, quyền lợi tối cao của một dân tộc là độc lập, tự chủ. Quyền cơ bản nhất của con người ở trong xã hội là quyền tự do, bình đẳng giữa người với người. Tôi muốn sang Pháp để được nhìn tận mắt người dân Pháp họ sống thế nào, đằng sau những cái chữ “tự do, bình đẳng, bác ái” ẩn náu những gì.¹

Anh Tư Lê do dự:

– Lấy tiền đâu mà đi và sang tận bên Tây lạ nước lạ cái, sống bằng cách chi được, anh Ba?

– Đây – anh Ba giọng cương quyết, chìa hai tay ra giữa bóng đêm – tiền đây. Chúng ta sống bằng bàn tay, bằng cái đầu của chúng ta.

Anh Tư Lê thở dài:

– Tìm đường cứu nước, cứu dân, việc quá lớn. Đầu óc tôi mới được vài chữ anh vừa chia sẻ cho. Đi sang bên đó, họ văn minh, tôi lĩnh hội hồng nổi, anh Ba ạ.

Hai người lại im lặng. Tiếng sóng thâm thì và tiếng đờn cò của ông già Đòn vất qua sông, lan dài trong đêm xa mịt: ... *Kéo neo... kéo... neo... tàu chạy... Gạt... nước... nước mắt... tiễn... đưa... Thương người đi... người... đi muôn... trùng... sóng... vồ...*

¹ Theo chú thích 97 của tác giả Sơn Tùng: trang 14, sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, NXB Sự thật in: “... Vào trạc 13 tuổi, lần đầu tiên tôi đã được nghe những từ Pháp: tự do, bình đẳng, bác ái. Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”.

Ngày 2 tháng 6 năm 1911.

Anh Ba mặc quần áo trắng, toát lên màu thanh khiết, tóc rẽ đường ngôi bên phải, chải mượt, chân đi dép xăng-đan (sandal). Anh đi khoan thai xuống tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin.

Được sự giới thiệu của ông chủ sự cảng Nhà Rồng, anh Ba gặp viên thuyền trưởng. Thuyền trưởng Lu-i Ê-đu-a Mai-sen (Louis Édouard Maisen) trạc tuổi gần bốn mươi, tiếp anh Ba dưới buồng khách của con tàu. Ông ta quan sát diện mạo anh Ba với một thái độ trọng nề. Ngay từ phút đầu, ông Mai-sen đã để ý tới đôi mắt to, dài và sáng của anh Ba. Ông chìa hai bàn tay ra trước mặt, nói:

– Ô! Nhìn anh, tôi ưa lắm, tốt lắm. Tiếc là trên con tàu của tôi không còn có loại công việc hợp với anh – Mai-sen lật lật quyển sổ nhân sự để trước mặt. Ông lại nhìn anh Ba, hỏi: – Anh biết đọc chữ Pháp chứ?

– Thưa ông Mai-sen, tôi đọc được ạ.

–Ồ...! Tốt, tốt lắm. – Mai-sen chỉ vào trang sổ nhân sự và nói bằng tiếng Pháp: – Đây. Anh xem, vừa mới sáng nay, tôi đã nhận thêm bốn người An-nam. Danh sách bốn người đây. – Mai-sen đọc tên từng người: – Đặng Quang Giao, Lê Quang Chi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Văn Tri.

Anh Ba chau mày, những ngón tay gõ gõ trên mặt bàn. Hai mắt anh Ba như phủ một lớp sương chiều. Ông Mai-sen đọc được những băn khoăn trong đôi mắt anh Ba:

– Tôi biết những người như anh muốn làm cánh chim bay trên những miền đất lạ. Tiếc là, trên con tàu của tôi chỉ còn cần một chân phụ bếp.

Hai mắt anh Ba bùng sáng:

– Thưa ông Mai-sen, tôi đề nghị ông nhận tôi vào chân phụ bếp ấy.

–Ồ...! – Mai-sen nhìn anh Ba, hơi ngờ vực. – Một thư sinh như anh chịu không nổi đâu. Công việc làm bếp ở con tàu này rất nặng nhọc. Hằng ngày phải lo những bữa ăn cho cả trăm người với nhiều khẩu phần khác nhau; riêng hành khách có vé hạng nhất đã bốn mươi người.

Anh Ba chìa hai bàn tay ra trước ông Mai-sen:

– Ông xem những vết chai sạn trên bàn tay của tôi.

Mai-sen cầm lấy bàn tay anh Ba ngắm, mỉm cười:

– Người phương Tây chúng tôi rất tin khoa xem tướng bàn tay. Tôi không sành bói toán, nhưng bàn tay anh ngón thon dài thể này thì viết chữ đẹp, có năng khiếu mỹ thuật và âm nhạc. Anh được cả hai cái lớn: con mắt và bàn tay. Tôi biết một câu rất hay mà người An-nam hay dùng: “Giàu hai con mắt, khó hai bàn tay”.

– Ông đã xem tướng tôi, ông có tin là tôi làm được phụ bếp không?

– Tôi muốn nhận anh vào một công việc hợp với khả năng của anh, ít ra cũng là một chân thư kí trên con tàu của tôi. Để anh giữ chân phụ bếp, phí quá – ông ta hạ giọng: – Thôi được, từ ngày mai – ông ta nhìn lên tấm lịch – ngày mai là mùng 3 tháng 6, anh xuống tàu nhận việc. Tôi sẽ báo cho ông quản bếp để tiếp nhận anh đúng 8 giờ sáng mai. Tháng đầu tiên này tôi tạm cấp lương cho anh là 45 phờ-răng (Franc). Được chứ?

Anh Ba cười:

– Tôi sẽ làm việc xứng đáng với sự tin dùng của ông.

Ông Mai-sen còn đưa cho anh Ba một tấm thiệp in hình con tàu rẽ sóng đại dương, có chữ kí của ông, và một cuốn sách mỏng, cỡ bỏ túi, ngoài bìa cũng có hình con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin. Ông dặn cẩn thận:

– Anh giữ cái các¹ để tiện việc lúc lên bến, lúc xuống tàu. Cuốn sách nhỏ này giúp anh hiểu về hãng Sác-giơ Rê-uy-ni (Chargeurs Réunis) và con tàu của chúng tôi hoạt động như thế nào...

Rời con tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin, trên đường về xóm, anh Ba vừa đi vừa xem tập sách nhỏ của ông Mai-sen đưa. Anh đọc nhầm: Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin thuộc hãng tàu Sác-giơ Rê-uy-ni. Con tàu này thuộc loại lớn nhất của hãng và cũng là tàu có cỡ của đầu thế kỉ XX. Chiều dài của con tàu: 120 mét 10, rộng 15 mét 20, trọng tải là 5 572 tấn, chạy bằng máy hơi nước với 2 800 sức ngựa. Tàu có thể chạy một mạch những 12 000 hải lí, không cần phải ghé bến. Trong lòng con tàu được thiết kế hiện đại, tiện nghi. Đáy tàu là một bể chứa nước ngọt, tới 900 tấn. Có hầm chứa than: 150 tấn. Tầng trên của con tàu là các buồng làm việc, nghỉ ngơi, phòng giải trí vui chơi của các sĩ quan và thủy thủ. Tiếp đến là dãy phòng đủ cho bốn chục khách đi vé hạng nhất. Ở giữa khoang tàu, phần dưới cùng là ba nồi hơi lớn, các cỗ máy lớn và bếp nấu, nơi nghỉ của các người làm bếp, bồi bàn,...

Xem đến trang giới thiệu về khu vực nhà bếp, anh Ba mỉm cười: mình sẽ được làm bạn với Táo quân.

(In trong *Búp sen xanh*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020)

Hướng dẫn đọc

1. Văn bản trên kể về sự việc gì trong cuộc đời của nhân vật “anh Ba”? Đối chiếu văn bản truyện với tiểu sử, niên biểu của lãnh tụ Hồ Chí Minh, chỉ ra một số chi tiết tương đồng, khác biệt.
2. Liệt kê một số cụm từ trong văn bản thể hiện mục đích chuyến đi của nhân vật “anh Ba”.

¹ Các: (card – từ tiếng Anh) còn gọi danh thiếp, là thiệp nhỏ, ghi họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, địa chỉ, dùng để giao dịch.

3. Theo em, nét tính cách nổi bật nhất của nhân vật “anh Ba” được thể hiện trong văn bản là gì? Phân tích một số chi tiết tiêu biểu để làm rõ ý kiến của em.
4. Trong văn bản, nhân vật “anh Ba” đã trò chuyện, tiếp xúc với những ai? Các cuộc trò chuyện, tiếp xúc ấy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tính cách của nhân vật “anh Ba”?
5. Việc sử dụng các danh từ riêng như Cảng Nhà Rồng, Lu-i Ê-đu-a Mai-sen,...; các số liệu về kích cỡ, trọng tải, cấu trúc nội thất tàu Đô đốc La-tu-sơ Tô-rê-vin,... có tác dụng gì đối với câu chuyện, sự việc được kể?
6. Viết đoạn văn chia sẻ cảm nhận hoặc làm một bài thơ, vẽ một bức chân dung một trong ba nhân vật: Vua Quang Trung (*Hoàng Lê nhất thống chí*), Hoài Văn (*Viên tướng trẻ và con ngựa trắng*), anh Ba (*Bến Nhà Rồng năm ấy...*).



VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CHUYẾN ĐI

Bài văn kể lại một chuyến đi thuộc kiểu văn bản tự sự. Trong đó, người viết kể lại các sự việc của chuyến đi mà mình đã tham gia (một chuyến đi), có kết hợp với yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này để tăng sự sinh động cho bài viết.

Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Kể lại một chuyến đi theo ngôi thứ nhất.
- Nêu được các thông tin cơ bản về chuyến đi; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian diễn ra chuyến đi.
- Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí.
- Kết hợp với yếu tố miêu tả hay biểu cảm, hoặc cả hai yếu tố để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn.
- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

Mở bài: giới thiệu chuyến đi đã để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc.

Thân bài: nêu những thông tin cơ bản về chuyến đi; miêu tả quang cảnh, không gian, thời gian của chuyến đi; kể lại các sự kiện theo trình tự thời gian; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm.

Kết bài: khẳng định giá trị của chuyến đi; nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc mà chuyến đi gợi ra cho bản thân.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Về Ba Tri thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu

Mở bài

Mỗi chuyến đi mà chúng ta tham dự thường để lại trong mỗi người những bài học, những ý nghĩa riêng. Đối với tôi^(*) và nhiều bạn trong lớp, chuyến đi thăm Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (Bến Tre) là một trong những chuyến đi như vậy. Chuyến tham quan này được tổ chức cho học sinh khối lớp Bảy của trường vào cuối tháng Ba năm ngoái.⁽¹⁾

(1) Giới thiệu chung về chuyến đi và cảm nhận chung của người viết về chuyến đi.

Hôm ấy là một ngày đẹp trời, tất cả chúng tôi háo hức^(**) dậy từ rất sớm. 6 giờ 30 phút, đoàn chúng tôi khởi hành. Ba chiếc xe du lịch chở hơn một trăm học sinh của trường từ từ lăn bánh, rồi tăng tốc, bon bon chạy về Di tích lịch sử Mộ và Khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu tại xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.^{(2), (2a)}

(2), (2a), (2b), (2c), (2d), (2đ) Kể lại diễn biến các hoạt động chính trong chuyến đi: thời gian, địa điểm.

Thân bài

Xe vừa chuyển bánh đã nghe tiếng anh chị hướng dẫn viên vã chào hỏi, chúc mừng mọi người trong đoàn. Sau khi nêu các quy định cần thực hiện khi vào điểm tham quan, các anh chị thay nhau giới thiệu cho chúng tôi nghe sơ lược về cuộc đời, thơ văn cụ Đồ Chiểu. Nhờ đó, chúng tôi biết rõ hơn cụ Đồ Chiểu là ai, hoàn cảnh riêng của cụ trong hoàn cảnh chung của đất nước hồi bấy giờ như thế nào, tại sao tuy bị mù loà mà cụ vẫn sáng tác được thơ văn, và vẫn có thể hăng hái góp sức mình vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.^{(2b) (***)}

(*) Dùng ngôi thứ nhất.

(**) Kết hợp miêu tả và biểu cảm.

(***) Kết hợp kể chuyện với miêu tả, biểu cảm.

Khoảng 8 giờ 30 phút, xe đến điểm tham quan. Chúng tôi xuống xe tập hợp theo đội hình và theo anh chị hướng dẫn du lịch đi vào khu di tích.^(2c) Điểm đầu tiên chúng tôi vào thăm là khu đền thờ, gồm đền thờ cũ và đền thờ mới. Đền thờ cũ cổ kính lưu giữ vết tích của thời gian. Đền thờ mới khang trang cho thấy tấm lòng kính trọng, biết ơn của hậu thế đối với cụ Đồ. Nhưng điểm tham quan thu hút nhất đối với tôi là đền thờ mới.^(2d) Đó là một khu nhà kiên cố dựng theo hình tròn thoáng đãng, mái ngói màu xanh, nền lát gạch bóng, rất khang trang, trên các cửa ra vào và trần nhà trang trí hình hoa sen, cuốn thư, ngòi bút, hoa lá, hay trống đồng,... Theo bảng chỉ dẫn, chúng tôi bước lên tầng trên của ngôi đền, nơi đặt bức tượng cụ Nguyễn Đình Chiểu bằng đồng to cao như hình người thật.^(***) Chúng tôi đứng

theo hình vòng cung ngắm nhìn chân dung cụ Đồ, các bức phù điêu hoành tráng phía sau và nghe cô hướng dẫn viên kể về thân thế, sự nghiệp của cụ. Giọng cô thật truyền cảm, vừa trong trẻo vừa ấm áp, nhất là khi cô đọc thơ cụ:

*Chờ bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.*^(**)

Cô cho biết: hằng năm, vào dịp ngày sinh và ngày mất của cụ Đồ (ngày 1 và ngày 3 tháng Bảy), chính quyền và nhân dân trong tỉnh tổ chức lễ hội truyền thống với nhiều chương trình phong phú. Đây là dịp thể hiện tình cảm tốt đẹp mà nhân dân địa phương và cả nước dành cho cụ. Tôi ước gì có thể đến đây đúng dịp ấy để được tham gia các hoạt động tưởng niệm như dâng hương, đọc văn tế, nói thơ Văn Tiên, thi hoá trang, xem trích đoạn cải lương *Lục Vân Tiên – Kiều Nguyệt Nga* và tham gia các hoạt động vui chơi sôi nổi khác.^(**)

Theo kế hoạch, đoàn còn tham quan một số điểm quan trọng khác như: nhà bia, phòng trưng bày, khu lăng mộ,... Sau đó, đến giờ hẹn, chúng tôi đi ra điểm tập kết để lên xe trở về trường.^(2đ)

Với tôi, đây thật sự là một chuyến đi đáng nhớ và có nhiều ý nghĩa.^(**) Trên đường về, tôi cứ nghĩ miên man với câu hỏi: Trong hoàn cảnh khó khăn như cụ Đồ, liệu có mấy người vẫn có thể sống có ích, vẫn đấu tranh và làm việc nghĩa được như cụ...? Càng nghĩ, tôi càng khâm phục tấm lòng yêu nước thương dân, cốt cách bình dị, gần gũi, nghị lực phi thường và những gì mà cụ Đồ Chiểu đã làm được cho đời. Trong tâm trí tôi lại vang vang giọng đọc truyền cảm của cô hướng dẫn khu di tích về cốt cách cụ Đồ.⁽³⁾

*Nhân nghĩa sáng ngời vằng nhật nguyệt,
Văn chương tỏ rạng ánh sao Khuê.*

(Nhóm biên soạn)

Kết bài

(3) Nếu cảm nhận sâu đậm về chuyến đi.

Từ bài viết trên, xác định các đặc điểm của kiểu văn bản kể lại một chuyến đi bằng cách thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đoạn mở bài, kết bài trong văn bản trên đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài kể lại một chuyến đi như thế nào?
2. Liệt kê các sự việc được kể, xác định sự việc chính và trình tự kể về các sự việc trong phần thân bài.

3. Tìm một số câu văn, từ ngữ trong văn bản cho thấy người viết đã kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. Việc kết hợp các yếu tố đó có tác dụng gì?
4. Theo người viết, ý nghĩa sâu sắc của chuyến đi là gì? Ý nghĩa đó được thể hiện trong bài viết bằng cách nào? Việc sử dụng ngôi thứ nhất để kể lại chuyến đi có tác dụng gì trong việc thể hiện ý nghĩa đó?
5. Từ bài viết trên, em rút ra được lưu ý gì khi viết bài văn kể lại một chuyến đi?

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Viết bài văn kể lại một chuyến đi đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc (bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả hoặc biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố ấy).

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Trả lời các câu hỏi sau để xác định yêu cầu của đề bài:
 - Chuyến đi nào đã để lại cho em nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc?
 - Mục đích viết bài này là gì (chia sẻ trải nghiệm của em với bạn bè, thầy cô hay để tham gia một cuộc thi viết)?
 - Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết của em?
 - Với mục đích và người đọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?
- Để thực hiện được yêu cầu của đề bài, em cần:
 - Xem lại đặc điểm của kiểu bài.
 - Nhớ lại, tập hợp và ghi chép những tư liệu liên quan về chuyến đi mà em đã tham gia.
 - Tìm thêm các tư liệu liên quan đến chuyến đi để bảo đảm sự đa dạng và độ tin cậy của thông tin.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Em hãy:
 - Xác định rõ: hoàn cảnh, lí do, mục đích thực hiện chuyến đi; những người cùng tham dự; phương tiện di chuyển; khung cảnh, không khí chuyến đi; trình tự các hoạt động từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc.
 - Xem lại các tư liệu vừa thu thập, đánh dấu và lọc ra các ý cần cho bài viết (ví dụ: các tư liệu liên quan đến địa điểm, thời gian, trình tự diễn biến, ...).

– Liệt kê các sự kiện cụ thể cần thuật lại, chọn sự kiện chính làm điểm nhấn trong văn bản.

– Liệt kê sự việc, cảnh vật, con người,... trọng tâm cho bài viết; lưu ý kết hợp miêu tả hay thể hiện suy nghĩ, tình cảm khi kể.

– Dự kiến một số kiểu câu, từ ngữ quan trọng nhằm tạo điểm nhấn cho bài viết.

– Sắp xếp các ý đã ghi theo trình tự hợp lí vào sơ đồ dàn ý sau:

Mở bài	– Giới thiệu về chuyến đi. – Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi.
Thân bài	– Nêu những thông tin cơ bản về chuyến đi. – Thuật lại chuyến đi (thời gian, địa điểm, sự kiện, cảm xúc,...); kết hợp kể với miêu tả. – Nêu ấn tượng đặc biệt của người viết khi tham gia chuyến đi.
Kết bài	– Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi. – Nêu giá trị hay bài học từ chuyến đi.

Bước 3: Viết bài

Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. Khi viết, cần chú ý đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Viết xong, dùng bảng kiểm sau để tự chỉnh sửa bài văn:

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn kể lại một chuyến đi

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu các thông tin chính của chuyến đi.		
	Nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi.		
Thân bài	Thuật lại các sự kiện diễn ra trong chuyến đi theo trình tự thời gian (từ khởi đầu đến kết thúc).		
	Dùng ngôi thứ nhất để kể.		
	Sử dụng yếu tố miêu tả và/ hoặc biểu cảm nhằm hỗ trợ cho việc kể chuyện.		

Kết bài	Khẳng định lại tình cảm hay suy nghĩ sâu sắc của bản thân qua chuyến đi.		
	Nêu giá trị hay bài học từ chuyến đi.		
Trình bày, diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn liên kết các phần, các đoạn của bài văn kể chuyện.		

- Đọc lại bài văn trong vai người đọc và trả lời hai câu hỏi dưới đây:

1. Điều gì của bài văn này làm em thích/ chưa thích?
2. Nên điều chỉnh những gì để bài viết hay hơn?



NÓI VÀ NGHE

NGHE VÀ NẮM BẮT NỘI DUNG CHÍNH ĐÃ TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN VÀ TRÌNH BÀY LẠI NỘI DUNG ĐÓ

Em được thay mặt lớp tham gia trao đổi, thảo luận về một vấn đề lịch sử, xã hội (ví dụ: ý nghĩa của việc hiểu biết tri thức lịch sử, địa lí địa phương; cách bồi dưỡng tình yêu lịch sử và truyền thống dân tộc; cách ứng xử với những công trình văn hoá, lịch sử...); sau đó, trình bày nội dung chính của buổi thảo luận cho cả lớp nghe.

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Bước 2: Lắng nghe và nắm bắt nội dung chính

Xem bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (Ngữ văn 8, tập một).

Bước 3: Trình bày nội dung chính đã nghe

- Vận dụng kĩ năng đã học để trình bày lại những nội dung chính đã nghe và ghi chép. Cần lưu ý:

Xem lại bản ghi chép; các ý kiến chính và lập luận của người nói, các điểm nhấn trong cuộc trao đổi, thảo luận mà em đã dự.

Sắp xếp nội dung ghi chép theo một trật tự mạch lạc, thuận tiện cho việc trình bày bài nói.

Ví dụ: Có thể tham khảo bảng sau để ghi chép các loại ý kiến: *đồng tình, phản đối và xu hướng chung của cuộc trao đổi, thảo luận* về đề tài: *Ý nghĩa của việc hiểu những tri thức về lịch sử, địa lí địa phương đối với mỗi người.*

Ý kiến đồng tình	Ý kiến phản đối	Xu hướng chung của cuộc trao đổi, thảo luận
...	...	...

• Tiếp theo, dùng *Bảng kiểm* kỹ năng nghe, nắm bắt nội dung chính đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại nội dung đó ở bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (Ngữ văn 8, tập một) để tự đánh giá kỹ năng.

• Đối chiếu những gì đạt/ chưa đạt mà em đã đánh dấu trong bảng kiểm ở bài *Những bí ẩn của thế giới tự nhiên* (Ngữ văn 8, tập một) và bảng kiểm ở bài học này để thấy được những tiến bộ và những điều cần hoàn thiện của em.

ÔN TẬP

- Nêu và giải thích một số đặc điểm chính của truyện lịch sử.
- Chỉ ra đặc điểm của truyện lịch sử được thể hiện trong các văn bản đã học theo bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Đặc điểm về cốt truyện	Đặc điểm về nhân vật	Đặc điểm về bối cảnh	Đặc điểm về ngôn ngữ
<i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>				
<i>Viên tướng trẻ và con ngựa trắng</i>				
<i>Bến Nhà Rồng năm ấy...</i>				

- Chỉ ra một số điểm giống nhau, khác nhau giữa văn bản truyện lịch sử và văn bản thơ kể chuyện lịch sử.
- Các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến khác nhau như thế nào về đặc điểm và chức năng? Cho ví dụ minh họa.
- Khi viết một bài văn kể lại một chuyến đi, cần đặc biệt lưu ý những điều gì?
- Nêu một vài kinh nghiệm rút ra trong việc nắm bắt nội dung chính sau khi nhóm đã trao đổi về một vấn đề lịch sử, xã hội.
- Lịch sử dân tộc khi được thể hiện qua các tác phẩm văn học có gì độc đáo, thú vị?

CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI

(Thơ trào phúng)

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ trào phúng.
- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học.
- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và vận dụng vào việc lựa chọn từ ngữ.
- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Khoan dung với những sai sót của người khác.

Tiếng cười trong cuộc sống rất đa dạng, phong phú. Có tiếng cười nhẹ nhàng, hóm hỉnh; có tiếng cười châm biếm, đả kích mạnh mẽ. Có khi chúng ta cười người khác nhưng có lúc lại tự cười mình.

? Việc tự phê bình và phê bình người khác bằng tiếng cười có tác dụng gì?

Các bài thơ trào phúng trong bài học này sẽ giúp em hiểu thêm các sắc thái phong phú của tiếng cười, qua đó biết cách ứng xử trong cuộc sống và hoàn thiện bản thân.



TRI THỨC NGỮ VĂN

Thơ trào phúng

Thơ trào phúng là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. Tiếng cười trong thơ trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, châm biếm, đả kích nhưng không phải bao giờ cũng rạch ròi mà chuyển hoá linh hoạt từ cung bậc này sang cung bậc khác. Các bài thơ trào phúng có thể được viết bằng những thể thơ khác nhau: thơ cách luật (tử tuyệt, thất ngôn bát cú,...) và thơ tự do.

Thủ pháp trào phúng: Tiếng cười trong thơ trào phúng thường được tạo ra bằng các thủ pháp: phóng đại, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lí,...

Ví dụ: Trần Tế Xương đã sử dụng thủ pháp nói giễu để miêu tả quang cảnh khoa thi Hương năm Đinh Dậu như sau:

*Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ,
Âm oẹ quan trường miệng thét loa.
Lọng cắm rợp trời quan sứ đến,
Váy lê quét đất mụ đầm ra.*

(Trần Tế Xương, Vịnh khoa thi Hương)

Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ

Sắc thái nghĩa là phần nghĩa bổ sung bên cạnh phần nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ, đánh giá, nhận định,... của người nói, người viết, chẳng hạn như sắc thái trang trọng, thân mật, coi khinh,...

Ví dụ: Mặc dù cùng có chung phần nghĩa cơ bản (đều dùng để chỉ người) nhưng hai từ *vị* (*vị đại biểu*, *vị khách*,...) và *tên* (*tên cướp*, *tên trộm*,...) lại có sắc thái nghĩa rất khác nhau. Nếu *vị* thể hiện thái độ kính trọng thì *tên* lại tỏ thái độ coi khinh.

Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần nghĩa cơ bản, chúng ta cần phải quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ. Bởi vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định,... của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc.

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ

Nguyễn Khuyến

Chuẩn bị đọc

Khi có bạn đến chơi nhà, nhất là bạn lâu ngày gặp lại, chúng ta thường chuẩn bị những gì để tiếp đón?

Trải nghiệm cùng văn bản



Đã bấy lâu nay bác tới nhà,
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá¹,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra cây, cà mới nụ²,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa³.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có, ¹
Bác đến chơi đây, ta với ta! ²

Tưởng tượng

- ¹ Bảy câu thơ đầu giúp em hình dung điều gì?

Suy luận

- ² "Ta" trong câu thơ cuối là những ai?

(In trong *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Giáo dục, 1984)

¹ Có bản chép: *Ao sâu sóng cả, khôn mò cá.*

² Có bản chép: *Cải chửa ra cây, cà chửa nụ.*

³ Có bản chép: *Bầu vừa rụng rốn, mướp vừa hoa.*

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tác giả đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ nào trong bảy câu thơ đầu để giới thiệu về hoàn cảnh của mình cho bạn biết khi bạn đến chơi nhà?
2. Phân tích ý nghĩa của câu thơ cuối.
3. Tác giả cười ai, cười điều gì? Nêu tác dụng của những thủ pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ.
4. Tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Nêu bằng chứng để làm rõ ý kiến của em.
5. Nêu chủ đề của bài thơ và chỉ ra những căn cứ giúp em xác định được chủ đề ấy.
6. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này là gì?
7. Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày quan niệm của em về tình bạn chân chính.



Nguyễn Khuyến (1835 – 1909), hiệu là Quế Sơn, quê ở làng Vĩ Hạ, xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Đóng góp lớn nhất của Nguyễn Khuyến cho nền thơ ca dân tộc là mảng thơ về làng quê (ví dụ: *Thu ẩm*, *Thu điếu*, *Thu vịnh*,...) và thơ trào phúng (ví dụ: *Bạn đến chơi nhà*, *Hội Tây*,...).

VĂN BẢN 2

Chân trời sáng tạo

ĐỀ ĐỀN SÂM NGHI ĐỒNG¹

Hồ Xuân Hương

Chuẩn bị đọc

Theo em, khi đến những ngôi đền người ta thường có thái độ như thế nào?

Trải nghiệm cùng văn bản

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái thú² đứng cheo leo.

¹ Đền Sâm Nghi Đống trước ở ngõ Sâm Công, nay là phố Đào Duy Từ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

² *Thái thú*: một chức quan có từ thời nhà Hán (Trung Quốc), tương đương chức tri huyện. Ở đây chỉ Sâm Nghi Đống, nguyên Thái thú quận Diên Châu, triều đại nhà Thanh. Sang Đồng Kinh (tức Thăng Long, Đại Việt), Sâm Nghi Đống cũng giữ chức Thái thú, dưới quyền chỉ huy của Tôn Sĩ Nghị. Tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), khi Vua Quang Trung cho binh sĩ tấn công, triệt hạ đồn Ngọc Hồi, quân Thanh tan tác, Sâm Nghi Đống cùng đường phải tự thắt cổ mà chết.

Ví đây đôi phận làm trai được,

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu! ¹

(In trong *Hồ Xuân Hương – Thơ và Đời* (in lần thứ 6),
NXB Văn học, 2005)

Suy luận

- ¹ Em hiểu thế nào về câu thơ cuối?

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh thể hiện thái độ của tác giả khi đến đền Sầm Nghi Đống. Đó là thái độ gì? Dựa vào cước chú, giải thích nguyên nhân của thái độ ấy.
2. Tác giả đã nêu ra giả định gì trong hai câu thơ cuối? Giả định đó góp phần bộc lộ điều gì trong quan niệm của nhà thơ về “sự anh hùng”?
3. Thủ pháp trào phúng nào được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp này?
4. Chủ đề của bài thơ là gì? Nêu một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề đó.
5. Thông qua bài thơ này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

Hồ Xuân Hương (không rõ năm sinh, năm mất), sống vào khoảng cuối thế kỉ XVIII, nửa đầu thế kỉ XIX, có tài liệu ghi quê bà ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Hồ Xuân Hương nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm, tổng cộng khoảng hơn 50 bài, nội dung bênh vực, đề cao phụ nữ (ví dụ: *Tự tình II*, *Bánh trôi nước*, *Mời trầu*,...), đồng thời đả kích thói đạo đức giả, hợm hĩnh, khoe khoang,... (ví dụ: *Măng học trò đốt l*, *Thiếu nữ ngủ ngày*, *Đèo Ba Dội*,...).

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

HIỂU RÕ BẢN THÂN¹

Thơ-mát Am-xơ-trong (Thomas Armstrong)

Trải nghiệm cùng văn bản

Làm sao bạn có thể hiểu được bản thân nếu chưa từng trải trở về điều đó? Bạn hiểu rõ bản thân đến mức nào nếu bạn đang ở độ tuổi trưởng thành và sẽ thay đổi rất nhiều?

Tự nhận thức là một quá trình luôn tiếp diễn – nhưng chính điều này làm cho nó trở nên thú vị. Quá trình hiểu rõ bản thân cũng giống như việc khám phá bạn là ai –

¹ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

yêu hay ghét điều gì, thích cái gì, cảm nhận thấy gì, tin và ủng hộ điều gì, và bạn nghĩ mình có thể làm được gì cho thế giới này. Khi lớn lên, có kinh nghiệm và học hỏi được những điều mới lạ, bạn sẽ tiếp tục thay đổi cả về hình dáng lẫn thế giới nội tâm. Sẽ có những điều cần lời giải đáp, thậm chí đối với cả người trưởng thành.

Tự nhận thức bắt đầu với việc tự đánh giá và điều đó có nghĩa là bạn phải xem xét bản thân và cuộc sống của mình thật cẩn thận. Hãy tự hỏi những câu hỏi sau:

- *Năng khiếu nổi bật nhất của bạn là gì?*
- *Điều gì tốt cho bạn? Bạn có thể hoàn thiện những gì?*
- *Hi vọng và ước mơ của bạn là gì?*
- *Điều gì làm bạn hạnh phúc?*
- *Bạn thật sự muốn học điều gì?*
- *Mục tiêu hiện tại của bạn là gì?*
- *Mục tiêu tương lai của bạn là gì?*
- *Bạn đã học được những gì từ trải nghiệm của bản thân?*
- *Hiện tại bạn cảm thấy như thế nào? Tại sao lại như vậy?*

Ngoài những câu hỏi trên, vẫn còn rất nhiều câu hỏi bạn có thể tự vấn. Hãy xem xét những sự việc cụ thể hơn, ví dụ như quan hệ của bạn với bạn bè và gia đình hay mẫu người bạn muốn trở thành khi trưởng thành.

Bạn có thể suy nghĩ về các câu hỏi và tìm câu trả lời, hoặc viết ra trong lịch trình công việc hay trong nhật kí của mình. Tuy nhiên, đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra các câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống – một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới. Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng một số câu trả lời đã thay đổi và một số khác thì không.

(Theo *Bạn thông minh hơn bạn nghĩ*, Thu Trang và Ngọc Bích dịch, NXB Lao động – Xã hội, 2017)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Tác giả quan niệm như thế nào về “quá trình hiểu rõ bản thân”?
2. Liệt kê một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà em yêu thích trong văn bản. Sau đó, trả lời những câu hỏi em đã chọn.

3. Em có đồng tình với lời khuyên của tác giả: “Tuy nhiên, đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra các câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống – một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới.”? Hãy lí giải câu trả lời của em.
4. Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân, chúng ta mới có thể “cười mình”. Theo em, ngoài việc tự trả lời những câu hỏi như văn bản gợi ý, chúng ta có thể làm gì để hiểu bản thân rõ hơn?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Nhận xét về sắc thái nghĩa của từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau:

a. Có lúc **vềnh râu** vai phụ lão,

Cũng khi **lên mặt** dáng văn thân.

(Trần Tế Xương, Tự trào l)

b. Quả cau nhỏ nhỏ, miếng trầu hôi,

Này của Xuân Hương đã **quệt** rồi.

(Hồ Xuân Hương, Mời trầu)

c. Ghé treo lọng xanh ngời **bánh chèo**,

Nghĩ rằng đồ thật hoá đồ chơi.

(Nguyễn Khuyến, Tiến sĩ giấy)

2. Có thể thay từ “bác” bằng từ “bạn” trong câu thơ sau không? Vì sao?

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.

(Nguyễn Khuyến, Bạn đến chơi nhà)

3. Cho câu thơ sau:

Ghé mắt trông **ngang** thấy bảng treo,

(Hồ Xuân Hương, Đề đền Sầm Nghi Đống)

Theo em, có thể thay từ “ngang” bằng từ “lên” không? Vì sao?

4. Thay thế từ “cheo leo” trong câu thơ sau bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự. Từ đó, chỉ ra cái hay trong việc sử dụng từ ngữ của Hồ Xuân Hương.

Kìa đèn Thái thú đứng **cheo leo**.

(Hồ Xuân Hương, Đề đền Sầm Nghi Đống)

5. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp ấy:

Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?

Lâu để mà xem cuộc chuyển vần.

(Trần Tế Xương, Tự trào I)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

TỰ TRÀO¹ I

Trần Tế Xương

Chẳng phải quan mà chẳng phải dân,

Ngơ ngơ ngẩn ngẩn hoá ra đàn.

Hầu con chè rượu ngày sai vật,

Lương vợ ngô khoai tháng phát dần.

Có lúc vênh râu vai phụ lão²,

Cũng khi lên mặt đáng văn thân³.

Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?

Lâu để mà xem cuộc chuyển vần⁴.

Khi đọc một bài thơ trào phúng, em cần:

- Xác định và phân tích những thủ pháp nghệ thuật trào phúng.
- Làm rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả; chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.

(In trong *Thơ văn Trần Tế Xương*, NXB Văn học, 2010)

Hướng dẫn đọc

Chân trời sáng tạo

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng để tự phác hoạ bức chân dung về bản thân trong sáu câu thơ đầu. Bức chân dung đó như thế nào?
2. Thủ pháp trào phúng nào được sử dụng trong hai câu luận? Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp này?
3. Theo em, tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì trong hai câu thơ cuối? Điều đó giúp ta hiểu gì về nhà thơ?
4. Chủ đề của bài thơ là gì? Hãy phân tích một số căn cứ giúp em xác định được chủ đề.
5. Qua bài thơ này, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

¹ *Tự trào*: tự châm biếm, chế giễu bản thân.

² *Phụ lão*: người cao tuổi (nói chung).

³ *Văn thân*: những nho sĩ có vị thế và quyền lực trong xã hội cũ.

⁴ *Cuộc chuyển vần*: ý chỉ sự thay đổi của cuộc đời.



VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Em đã học kiểu bài văn phân tích một tác phẩm văn học ở bài *Yêu thương và hi vọng* (Ngữ văn 8, tập hai). Trong bài học này, em sẽ vận dụng các kĩ năng viết kiểu bài đó để phân tích một bài thơ.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Phân tích bài thơ *Rằm tháng Giêng* (Nguyên tiêu)

Mở bài

Rằm tháng Giêng là bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh. Tác phẩm dùng nhiều chất liệu thơ Đường nhưng vẫn là một thi phẩm đặc sắc, mang vẻ đẹp, sức sống và tinh thần của thời đại mới. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan và tình yêu thiên nhiên sâu sắc của Bác.⁽¹⁾

(1) Giới thiệu bài thơ và tác giả, nêu chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

Thân bài

Trước hết, bài thơ *Rằm tháng Giêng* hấp dẫn tôi bởi vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật.⁽²⁾ Tác phẩm có vẻ đẹp cổ điển của thơ Đường, thể hiện qua việc sử dụng những chất liệu như vầng trăng, làn nước, bầu trời trong mối quan hệ thống nhất hài hoà.^(2a) Nguyên tiêu là rằm tháng Giêng, một đêm trăng viên mãn đầu tiên của một năm, một đêm trăng mùa xuân: *Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên* (Đêm nay rằm tháng Giêng, trăng tròn đầy).^(**) Câu thơ đầu tiên ghi nhận về thời gian mà mở ra cả không gian bát ngát của bầu trời với vầng trăng rằm tròn đầy, viên mãn.^(*) Câu thơ thứ hai tiếp nối câu thơ thứ nhất mở rộng không gian theo chiều dài, chiều rộng, chiều cao, từ mặt nước đến bầu trời:^(*) *Xuân giang, xuân thủy, tiếp xuân thiên* (Sông xuân, nước xuân, tiếp nối trời xuân). Ba chữ "xuân" liên tiếp xuất hiện trong một câu thơ nhấn mạnh vẻ đẹp tràn đầy sức sống của mùa xuân. Mùa xuân, sắc xuân, vẻ đẹp tươi mới của xuân xanh dâng lên trên dòng sông, làn nước và cả bầu trời mùa xuân.^(**) Phải có đôi mắt tinh tế, lạc quan, yêu đời, trẻ trung mới tạo được một bức tranh mùa xuân đẹp như thế.

(2) Luận điểm 1: Đặc sắc về nghệ thuật: (2a) chất liệu thơ Đường; (2b) Bút pháp chấm phá và "tả cảnh ngụ tình" của thơ Đường.

(*) Nêu lí lẽ.

(**) Đưa ra các bằng chứng từ tác phẩm làm sáng tỏ lí lẽ.

Bài thơ còn đặc sắc ở bút pháp chấm phá và "tả cảnh ngụ tình" của thơ Đường.^(2b) Chỉ một vài nét gợi như một vầng trăng, làn nước, nơi khói sóng thăm thẳm,... nhà thơ

đã hoạ nên bức tranh đêm trăng mùa xuân đầy sức sống. Qua đó, người đọc nhận ra tinh thần lạc quan và tình yêu thiên nhiên của thi nhân. *Rằm tháng Giêng* bộc lộ sự hoà nhập vào thiên nhiên của người chiến sĩ dù cách mạng đang trong tình thế khó khăn.

Mặt khác, sức hấp dẫn của bài thơ còn đến từ chủ đề. Các biện pháp nghệ thuật là chìa khoá để người đọc hiểu được chủ đề của bài thơ: tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cách mạng.⁽³⁾ Hai câu “chuyển”, “hợp” tạo được không khí hiện đại, thời kì kháng chiến chống Pháp nơi chiến khu Việt Bắc của ta. Đây là cuộc họp của Bộ chỉ huy kháng chiến diễn ra tại một thời điểm bí mật, vào tháng Giêng năm 1948, khi lực lượng của chúng ta còn yếu thế, thế lực của giặc đang mạnh. Nhưng sau khi những việc trọng đại đã được giải quyết, con thuyền trở về tràn đầy ánh trăng: *Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền* (Nửa đêm trở về, thuyền chở đầy ánh trăng).^(**) Nỗi cô đơn và nỗi buồn man mác thường thấy trong thơ Đường đã nhường chỗ cho tư thế ung dung, đĩnh đạc của người chiến sĩ, vì đã thấu triệt quy luật vận động của lịch sử mà có niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng. Tình cảm của tác giả trong bài thơ có sức lan toả, giúp cho người đọc cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của thiên nhiên đồng thời có niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến.^(*)

(3) Luận điểm 2: Chủ đề của tác phẩm.

Kết bài

Nhìn chung, *Rằm tháng Giêng* là bài thơ có sự kết hợp hài hoà, khéo léo giữa chất liệu của thơ Đường với tinh thần của thời đại mới – tinh thần lạc quan cách mạng. Tuy còn nhiều khó khăn, gian khổ, phải đến nơi “khóí sóng sâu thẳm” để họp bàn quân cơ trọng đại nhưng khi nhìn thấy vị chỉ huy của cuộc kháng chiến bình tĩnh, ung dung trên con thuyền lướt đi trong đêm trăng rằm lộng lẫy thì mọi người có quyền tin tưởng, lạc quan ở ngày toàn thắng. Sức mạnh tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đem lại cho dân tộc ta niềm tin mãnh liệt và sức mạnh to lớn để chiến thắng quân thù.

(4) Khẳng định lại chủ đề và những đặc sắc về hình thức nghệ thuật, nêu cảm nghĩ về tác phẩm.

(Theo Trần Khánh Thành, *Giảng văn Văn học Việt Nam Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010)

Hãy thực hiện các yêu cầu sau:

1. Chỉ ra luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết và mối quan hệ giữa các yếu tố này.

- Để làm nổi bật các luận điểm, tác giả bài viết đã sử dụng những từ ngữ nào?
- Từ bài văn trên, hãy ghi lại một số lưu ý khi viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài:

Câu lạc bộ Văn học trường em tổ chức cuộc thi viết với chủ đề “Tác phẩm tôi yêu”. Em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Nhiệm vụ đặt ra là viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ mà em yêu thích. Em có thể chọn bài thơ đã học trong sách giáo khoa hoặc bài thơ mà em tự tìm đọc.
- Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài này có thể là những ai?
- Với mục đích và người đọc đó, em sẽ lựa chọn nội dung và cách viết như thế nào?
- Sau khi xác định đề tài, em có thể tìm các nguồn tư liệu liên quan như bài báo, bài nghiên cứu, sách tham khảo trên thư viện hoặc trên các trang web có uy tín và lập danh mục tư liệu tham khảo.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Đọc bài thơ nhiều lần để xác định chủ đề, một số biện pháp nghệ thuật đặc sắc và tác dụng của chúng (tham khảo phiếu tìm ý sau):

PHIẾU TÌM Ý

Phân tích bài thơ: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật

- Tên bài thơ:
- Tên tác giả:
- Chủ đề của bài thơ:
- Một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật:

Hình thức nghệ thuật	Tác dụng
...	...

• Sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí, đảm bảo bố cục của bài phân tích một tác phẩm văn học.

Mở bài	– Giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,...). – Nêu khái quát về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.
Thân bài	– Nêu chủ đề của tác phẩm. – Chỉ ra và phân tích tác dụng một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.
Kết bài	– Khẳng định lại chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm. – Nêu suy nghĩ/ cảm xúc về tác phẩm, chia sẻ bài học rút ra cho bản thân.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý đã lập, em hãy triển khai bài viết. Khi viết, cần chú ý:

- Nêu rõ từng luận điểm.
- Lần lượt làm rõ từng luận điểm bằng các lí lẽ, bằng chứng trích từ bài thơ.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Sau khi viết bài, em xem lại và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm sau:

**Bảng kiểm kỹ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ:
chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật**

Tiêu chí		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Nêu tên bài thơ, thể loại và tên tác giả (nếu có).		
	Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, yếu tố hình thức nổi bật,...).		
Thân bài	Nêu chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).		

	Phân tích giá trị của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.		
	Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm.		
	Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.		
Kết bài	Khẳng định một vài nét đặc sắc nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật,...).		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học bản thân rút ra từ tác phẩm.		
Diễn đạt	Viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp.		

- Em đọc lại bài viết của mình từ vai trò người đọc và trả lời các câu hỏi sau:

1. Em thích điều gì ở bài viết này?
2. Bài viết này nên điều chỉnh những gì để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài?



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG

Ở bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một), em đã học cách thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống. Trong phần bài học này, em sẽ sử dụng những kĩ năng đã có để thảo luận về vấn đề ý nghĩa của sự tự nhận thức bản thân, từ đó, từng bước hoàn thiện chính mình.

Mỗi người có thể tự nhận thức về ưu điểm, nhược điểm của bản thân hay không? Vì sao? Thành lập nhóm để thảo luận về vấn đề này và trình bày trong buổi sinh hoạt lớp.

Bước 1: Chuẩn bị

Xem lại bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một) về cách thành lập nhóm và phân công công việc; thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận; xác định người nghe, cách nói.

Ngoài ra, để chuẩn bị cho nội dung thảo luận chủ đề này, em có thể sử dụng mẫu phiếu dưới đây:

PHIẾU CHUẨN BỊ THẢO LUẬN NHÓM

Chủ đề thảo luận:

Mỗi người có thể tự nhận thức về ưu điểm, nhược điểm của bản thân hay không? Vì sao?

I. CÁC Ý KIẾN, LÍ LẼ, BẰNG CHỨNG CỦA TÔI

Ý kiến của tôi	Lí lẽ	Bằng chứng
...	...	...
...	...	...

II. TRAO ĐỔI VỚI CÁC Ý KIẾN TRÁI CHIỀU (DỰ KIẾN)

Ý kiến trái chiều	Phản hồi của tôi
...	...

Bước 2: Thảo luận

Tham khảo các hướng dẫn cho bước này ở bài *Sắc thái của tiếng cười* (Ngữ văn 8, tập một).

Lưu ý: Khi thảo luận, cần: (1) lắng nghe ý kiến của các bạn; (2) trình bày ý kiến của mình; (3) phản hồi ý kiến của các bạn; (4) bám sát chủ đề của buổi thảo luận, tránh lan man, xa đề, lạc đề.

Bước 3: Suy ngẫm và rút kinh nghiệm

- Nêu ít nhất hai điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận.
- Nêu hai điều bản thân và các thành viên cần điều chỉnh để lần thảo luận sau đạt hiệu quả cao hơn.

ÔN TẬP

1. Đọc lại các bài thơ *Bạn đến chơi nhà*, *Đề đền Sầm Nghi Đống*, *Tự trào I* và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

	<i>Bạn đến chơi nhà</i>	<i>Đề đền Sầm Nghi Đống</i>	<i>Tự trào I</i>
Thủ pháp trào phúng			
Tình cảm, cảm xúc của tác giả			
Chủ đề			
Thông điệp			
Nhận xét chung			

2. Khi tìm hiểu một bài thơ trào phúng, cần chú ý điều gì?
3. Vì sao khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phân ý nghĩa cơ bản, chúng ta cần quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ?
4. Việc dùng các từ ngữ in đậm trong các câu dưới đây có phù hợp không? Vì sao?
- Ông ấy là một doanh nhân **lộc lõi** được nhiều người ngưỡng mộ.*
 - Bà ấy tuy tuổi đã cao nhưng gương mặt vẫn rất **xinh**.*
5. Khi viết bài văn phân tích một bài thơ, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu nào?
6. Để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống diễn ra hiệu quả, chúng ta cần lưu ý những gì (trước, trong và sau khi thảo luận)?
7. Việc dùng tiếng cười để tự phê bình bản thân và phê bình người khác có tác dụng gì?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

I. ĐỌC

1. Nối nội dung ở cột A với nội dung tương ứng ở cột B (làm vào vở):

A	B
1. Thơ thất ngôn bát cú luật Đường	a. là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân.
2. Thơ tứ tuyệt luật Đường	b. thuộc kiểu văn bản thông tin, trong đó người viết cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó.
3. Truyện lịch sử	c. là thể thơ mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ, có quy luật chặt chẽ về vần, niêm, luật.
4. Văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim	d. là loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,...) làm nội dung chính.
5. Thơ trào phúng	đ. là thể thơ mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ, có quy luật chặt chẽ về vần, niêm, luật.

2. Hoàn thành bảng sau để làm rõ một số đặc điểm của văn bản truyện (làm vào vở):

STT	Thuật ngữ	Khái niệm/ đặc điểm
1	Cốt truyện đơn tuyến	
2	Cốt truyện đa tuyến	
3	Nhân vật chính	
4	Chi tiết tiêu biểu	

3. Nêu một số đặc điểm của truyện lịch sử.
4. Giữa truyện cười và thơ trào phúng có điểm gì tương đồng và khác biệt? Em hãy trả lời dựa vào bảng sau (làm vào vở):

	Truyện cười	Thơ trào phúng
Nét tương đồng		
Đặc điểm riêng		

II. TIẾNG VIỆT

1. Cho đoạn trích sau:

Chồng đành rút xuống lần nữa:

– Ừ thôi, tôi nói thật nhé! Quả tôi nom thấy con rắn dài đúng hai mươi thước không kém một tấc, một phân nào!

Lúc này vợ mới bò lần ra cười:

– Bề ngang hai mươi thước, bề dài hai mươi thước đúng. Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?

Chân trời sáng tạo

(Truyện cười dân gian Việt Nam, Con rắn vuông)

a. Theo em, câu “Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?” có phải là câu hỏi tu từ không? Dựa vào đâu em nhận xét như vậy?

b. Cho biết sắc thái nghĩa của các từ “ừ”, “nhé” trong đoạn trích. Trong giao tiếp, em có thể sử dụng các từ này với những đối tượng nào, trong những tình huống nào?

2. Xác định biện pháp tu từ đảo ngữ trong đoạn thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp này:

Đâu gió cồn thom đất nhà mùi

Đâu ruộng tre mát thở yên vui

Đâu từng ô mạ xanh mơn mớn

Đâu những nương khoai ngọt sắn bùi?

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

3. Đọc câu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Nhưng có lẽ là tôi không thể nào bỏ đi cho dù là một hạt xôi nếp đẹp như một hạt ngọc và ngậy thơm làm vỏ bánh trên chiếc bánh được.

(Nguyễn Quang Thiều, *Tôi khóc những cánh đồng rau khúc*)

a. Câu trên thuộc kiểu câu kể, câu hỏi, câu khiến hay câu cảm? Dựa vào đâu em xác định như vậy?

b. Xác định thành phần biệt lập có trong câu trên.

III. VIẾT

1. Điền vào bảng sau thông tin về các kiểu bài viết đã học ở học kì II (làm vào vở):

Kiểu bài	Khái niệm	Đặc điểm	Bố cục
Bài văn phân tích một tác phẩm văn học			
Bài văn giới thiệu một cuốn sách			
Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội			

2. Đánh dấu vào ô Đúng, Sai tương ứng với các ý kiến dưới đây (làm vào vở):

STT	Ý kiến	Đúng	Sai	Lí giải nếu sai
1	Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, cần phải tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật.			
2	Với bài phân tích một tác phẩm văn học, cần nêu càng nhiều bằng chứng càng tốt.			
3	Với bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là phần kể lại nội dung của tác phẩm.			
4	Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là những lí giải, đánh giá, phân tích về các bằng chứng trong văn bản, giúp làm sáng tỏ luận điểm.			

5	Khi viết bài văn kể về một hoạt động xã hội, có thể tùy ý sử dụng ngôi kể.			
6	Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, cần kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài văn thêm sinh động, chân thực.			
7	Có thể kể về một chuyến đi và một hoạt động mà bản thân không trực tiếp tham gia.			
8	Khi viết bài giới thiệu về một cuốn sách yêu thích, cần tóm tắt nội dung và nêu các thông tin về cuốn sách.			
9	Trong bài giới thiệu về một cuốn sách, cần trực tiếp khuyến nghị mọi người đọc sách.			

3. Đối với các kiểu bài viết của học kì II, có thể sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ như thế nào để bài văn thêm sinh động, hấp dẫn?

IV. NÓI VÀ NGHE

1. Suy tâm và giới thiệu với các bạn một số phương pháp ghi chép hiệu quả để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.
2. Khi trình bày, giới thiệu về một cuốn sách, làm thế nào để bài trình bày được hấp dẫn, sinh động? Em hãy trả lời dựa vào bảng sau (làm vào vở):

Cách trình bày	Tác dụng
Cầm theo cuốn sách và giới thiệu	Giúp phần giới thiệu được trực quan, lôi cuốn đối với người nghe.
Mở đầu bài giới thiệu bằng trò chơi liên quan đến cuốn sách	Khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú cho người nghe.
...	...

3. Ghi lại các kinh nghiệm của bản thân sau khi thực hiện thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống.

BẢNG TRA CỬU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Anna Vasilyevna	An-na Va-xi-li-ép-na	33, 34, 35, 36
B	Blanchotte	Blăng-sốt	26, 27, 28, 29, 30
	Bloison	Blu-dông	35
C	Chargeurs Réunis	Sác-giơ Rê-uy-ni	91
	Cosette	Cô-dét	53
F	Fantine	Phăng-tin	53
	Franc	Phờ-răng	91
J	Jean Valjean	Giăng Van-giăng	53
G	Gavroche	Ga-vơ-rốt	53
	Guy de Maupassant	Guy đơ Mô-pát-xăng	2, 25, 31
I	Iwasaki Chihiro	I-qua-sa-ki Chi-hi-rô	55
H	Hamburg	Ham-bơ	59
K	Kasey	Ka-sây	35
	Karlovy Vary	Ca-lo-vi Va-ri	49
	Kobayaski Sosaku	Kô-ba-gia-sơ-ki Sô-sa-ku	55
	Kuroyanagi Tetsuko	Ku-rô-gia-na-ghi Tét-su-kô	55, 56
L	Latouche-Tréville	La-tu-sơ Tơ-rê-vin	88, 90, 91, 92
	Louis Édouard Maisen	Lu-i Ê-đu-a Mai-sen	90, 92
	Lucky	Lắc-ki	59
	Luis Sepúlveda	Lu-i Se-pun-vê-đa	58
M	Moscow	Mát-xơ-va	49
P	Philip Remy	Phi-líp Rê-mi	29, 30
	Poster	Pốt-xơ-tơ	14
S	Sandal	Xăng-đan	90
	Savushkin	Xa-vu-skin	33, 34, 35, 36
	Simon	Xi-mông	2, 25, 26, 27, 28, 29,...
T	Thomas Armstrong	Thô-mát Am-xơ-trong	3, 103
	Tomoe	Tô-mô	55, 56, 57
	Totto-chan	Tốt-tô-chan	2, 55, 56, 57, 65
V	Vecni	Véc-ni	34
	Victor Hugo	Vích-to Huy-gô	52
Y	Yuri Nagibin	Iu-ri Na-gi-bin	2, 33
Z	Zorba	Gioóc-ba	59

BẢNG TRA CỬU YẾU TỔ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
B	Bại	6, 9	Thua, thất bại	Bại vong (B6), đại bại (B9),...	8, 74
	Bào	6, 9	Nhau thai, màng bọc	Bào thai, đồng bào (B9), kiểu bào (B6),...	11, 89
		9	Áo rộng khoác ngoài	Chiến bào (B9),...	75, 82
	Biệt	7, 8	Khác, riêng	Biệt ngữ (B7), khác biệt (B8), biệt tài, biệt lập (B8),...	17, 18, 19
C	Cốt	9	– Thành phần chủ yếu – Phẩm chất, khí chất	– Cốt truyện,... – Cốt cách,...	– 66, 67, 77,... – 66, 94
D	Dã	9	– Đồng nội, quê mùa – Không chính thức	– San dã,... – Dã sử,...	– 79 – 74
	Diễn	6, 7, 8, 9	– Trình bày, biểu diễn trước công chúng – Nói cho tỏ hết nghĩa ra	– Đạo diễn, diễn viên (B8),... – Diễn đạt (B6, B7), diễn tả (B8), diễn ca (B9),...	– 45, 49,... – 7, 37, 42, 56, 62,...
Đ	Định	6, 9	– Đã yên, không thay đổi – Làm cho chắc chắn	– Định phận (B6) – Khẳng định (B6), phủ định (B9), quyết định (B6)	– 8,... – 8, 12, 37, 39,...
	Đích	9	– Đích để bắn tên – Chính xác, thuộc về	– Trúng đích,... – Đích thân,...	– 80,... – 73,...
	Đốc	9	Coi sóc, giám sát, đốc thúc	Đô đốc, đốc suất, đốc chiến,...	73, 75, 88,...
H	Hành	7, 8, 9	– Làm – Đi	– Hành hạ (B7), hành vi (B9),... – Hành trình, du hành (B8), song hành, hành khách (B9),...	– 28, 68,... – 44, 56, 57,...
	Hậu	6, 9	Phía sau, sau	Hậu phương (B6), hậu sinh khả ứ (B9)	11, 83
K	Kết	7, 8, 9	Thắt lại, kết lại, tụ lại	Kết thúc (B7, B8, B9), kết nghĩa (B8, B9),...	19, 64, 68, 52, 81,...
	Khí	7, 8, 9	– Không khí – Tinh thần, khí thế	– Không khí (B7, B8),... – Khí thế (B9),...	– 38, 50,... – 83,...
		9	Đồ dùng, dụng cụ	Khí giới, binh khí	74
L	Lĩnh/ lãnh	9	– Điều khiển, đốc suất – Tiếp thu, hiểu biết	– Lãnh binh,... – Lĩnh hội,...	– 75,... – 89,...

S	Sĩ	7, 9, 10	– Người, kẻ, binh lính – Người trí thức (ngày xưa)	– Tráng sĩ (B7), quân sĩ (B9), chiến sĩ (B10),... – Mưu sĩ (B9), thân sĩ, hàn sĩ, cư sĩ, nữ sĩ, danh sĩ,...	– 34, 79, 83 – 72,...
	Sơn/ san	9	Núi	San dã, sơn cước (B9)	79, 84
T	Tác	6, 7	Làm, tạo nên	Tác phẩm, tác dụng (B6, B7)	4, 17
	Tâm	9	Lòng dạ	Tâm phúc, tâm sự	82, 83
	Thân	6, 9, 10	– Thân thiết – Tự chính mình	– Thân mật (B10),... – Bản thân (B6), đích thân (B9),...	– 88, 100 – 4, 14, 73,...
	Thủ	8	Lấy được	Tranh thủ,...	52,...
		8, 9	Giữ	Thủ thư (B8), trấn thủ (B9),...	52, 74,...
		9, 10	– Người chuyên nghề – Làm, tạo ra	– Thuỷ thủ (B9),... – Thủ pháp (B10),...	– 91 – 99, 100, 102,...
	Thư	6, 8, 9	Sách, sách vở	Thiên thư (B6), thư viện, thủ thư (B8), thư sinh (B9),...	8, 52, 90,...
	Tiêu	7, 10	– Vọng gác – Dấu mốc, đích nhắm	– Tiên tiêu (B7),... – Mục tiêu (B10),...	– 31, ... – 104, 111...
	Tiết	6	Rõ ràng	Tiết nhiên	8
	Tòng	6	Đi theo	Tòng quân	11
	Tổ	8	Chất, nguyên chất, căn bản	Tổ chất	57
	Tổ	6	Ông; các bậc tiên tổ, thuỷ tổ	Tổ quốc	4, 10, 11, 16,...
	Tuyển	9	Đường, tia	Đơn tuyển, đa tuyển	66, 67
	Trào	10	Chế nhạo, cười nhạo	Trào phúng, tự trào	99, 105, 106,...
	Trắc	6	Âm trắc	Bằng/ trắc	5, 6,...
		9	Lường trước	Bất trắc	75
	Truyền	8, 9	– Truyền lại cho người sau, để lại cho đời sau – Chuyển đi	– Lưu truyền, gia truyền, truyền thống (B9),... – Truyền tải (B8), truyền lệnh (B9),...	– 66, 78, 94, ... – 45, 73,...
V	Vong	6, 9	Chết, mất, bị tiêu diệt	Bại vong (B6), diệt vong (B9),...	8, 67,...

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	Biệt ngữ xã hội	những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác,...)	18
	Bố cục (thơ tứ tuyệt và thất ngôn bát cú luật Đường)	gồm bốn phần: Khai – Thừa – Chuyển – Hợp (thơ tứ tuyệt luật Đường); Đề – Thực – Luận – Kết (thơ thất ngôn bát cú luật Đường)	5
	Bối cảnh (trong truyện lịch sử)	thời gian, không gian trong truyện, tái hiện sự kiện, nhân vật lịch sử gắn với một khoảng thời gian năm tháng, niên đại, thời đại cụ thể trong quá khứ	67
C	Câu cảm	câu biểu lộ cảm xúc của người nói (hoặc người viết)	68
	Câu hỏi	câu dùng để hỏi	68
	Câu hỏi tu từ	câu hỏi không nhằm mục đích tìm kiếm câu trả lời mà được sử dụng để nhấn mạnh nội dung người nói, người viết muốn gửi gắm	7
	Câu khiến	câu dùng để yêu cầu, đề nghị, ra lệnh,...	68
	Câu kể	câu dùng để kể, miêu tả, thông báo, nhận định,...	68
	Câu khẳng định	câu dùng để khẳng định các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng trong câu	69
	Câu phủ định	câu phủ nhận các hành động, trạng thái, tính chất, đối tượng	69
	Chi tiết tiêu biểu (trong truyện)	những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mỹ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc sự thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm	18
	Cốt truyện đa tuyến	cốt truyện có từ hai chuỗi sự kiện trở lên, gắn với hai hay hơn hai tuyến nhân vật, tạo thành nhiều tuyến truyện, đan xen nhau và ít nhiều độc lập với nhau	67
	Cốt truyện đơn tuyến	cốt truyện chỉ có một chuỗi sự kiện đơn giản, gắn với một vài nhân vật chính tạo thành một tuyến truyện duy nhất	67
Đ	Đảo ngữ	biện pháp tu từ thay đổi vị trí thành phần trong cụm từ, trong câu để nhấn mạnh ý nghĩa, làm cho sự diễn đạt thêm sinh động, gợi cảm và giàu âm hưởng	7
	Đối (trong thơ tứ tuyệt và thất ngôn bát cú luật Đường)	cách đặt câu sóng đôi sao cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau	6

L	Luật (trong thơ tứ tuyệt và thất ngôn bát cú luật Đường)	cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ, luật bằng trắc của thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt luật Đường thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị – tứ – lục phân minh”, tức là các tiếng (âm tiết) thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần thể hiện luật bằng/ trắc rõ ràng	5
	Ngôn ngữ (trong truyện lịch sử)	mang đậm sắc thái của một thời đại đã qua, thể hiện qua các chi tiết miêu tả thiên nhiên, đồ vật, ngoại hình nhân vật, cách sử dụng từ ngữ của người kể chuyện, cách nghĩ, cách nói năng của nhân vật trong một bối cảnh lịch sử cụ thể	68
N	Niêm (trong thơ tứ tuyệt và thất ngôn bát cú luật Đường)	sự kết dính về âm luật của hai câu thơ trong bài thơ luật Đường	5
	Sắc thái nghĩa	phần nghĩa bổ sung bên cạnh phần nghĩa cơ bản của từ ngữ, biểu thị tình cảm, thái độ, đánh giá, nhận định,... của người nói, người viết, chẳng hạn như sắc thái trang trọng, thân mật, coi khinh,...	100
S	Thành phần biệt lập trong câu	thành phần phụ có tính độc lập với nòng cốt câu	45
	Thành phần cảm thán	được dùng để diễn tả cảm xúc của người nói	46
T	Thành phần gọi – đáp	được dùng để gọi đáp, tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp	46
	Thành phần phụ chú	được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu, thường được tách biệt bằng dấu gạch ngang, dấu phẩy, dấu ngoặc đơn hoặc dấu hai chấm	45
T	Thành phần tình thái	được dùng để diễn tả thái độ, cách đánh giá của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu	46
	Thơ thất ngôn bát cú	mỗi bài có tám câu, mỗi câu có bảy chữ	5
	Thơ trào phúng	một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó các tác giả tạo ra tiếng cười và sử dụng tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân	100
	Thơ tứ tuyệt	mỗi bài có bốn câu, mỗi câu có bảy chữ.	5
	Thủ pháp trào phúng	phóng đại, ẩn dụ, giễu nhại, lối nói nghịch lý,...	100

	Truyện lịch sử	loại truyện lấy đề tài lịch sử (lịch sử quốc gia, dân tộc, dòng họ, danh nhân,...) làm nội dung chính, làm sống dậy bức tranh rộng lớn, sinh động về một thời đã qua và mang lại cho người đọc những nhận thức mới mẻ hay bài học sâu sắc	67
V	Văn bản thông tin giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim	cung cấp các thông tin về một cuốn sách hoặc bộ phim, đồng thời trình bày cảm nhận, đánh giá của người viết nhằm giới thiệu, khuyến khích mọi người đọc cuốn sách hoặc xem bộ phim đó	45
	Vần (trong thơ tứ tuyệt và thất ngôn bát cú luật Đường)	cả bài thơ chỉ hiệp theo một vần (còn gọi là độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng	6



Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – LÊ THỊ THUỶ TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÓNG THANH THẢO

Minh hoạ: TRẦN DUY THANH

Sửa bản in: LÊ THỊ THUỶ TRANG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Chân trời sáng tạo

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 8 – TẬP HAI (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2HH8V002M23

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 9-2023/CXBIPH/28-2142/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-35172-2

Tập 2: 978-604-0-35173-9



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. NGỮ VĂN 8 – TẬP MỘT
2. NGỮ VĂN 8 – TẬP HAI
3. TOÁN 8 – TẬP MỘT
4. TOÁN 8 – TẬP HAI
5. TIẾNG ANH 8
Friends Plus - Student Book
6. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8
7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 8
8. TIN HỌC 8
9. CÔNG NGHỆ 8
10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 8
11. ÂM NHẠC 8
12. MĨ THUẬT 8 (1)
13. MĨ THUẬT 8 (2)
14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (1)
15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 8 (2)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35173-9



Giá: d